

## Tác Giả và Tác Phẩm

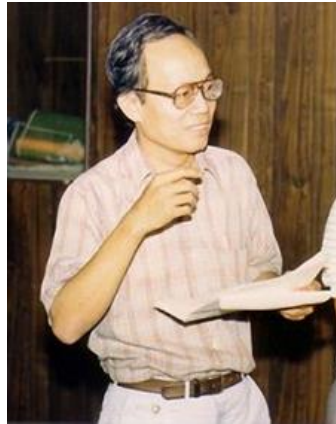
### **Đỗ Ngọc Yến**

#### Tiểu sử

Sinh năm 1941 – Mất ngày 17gày 17.8.2006

#### Tác phẩm

Nhà báo, sáng lập báo Người Việt và Thế Kỳ 21 tại Westminster, California.



### Mục Lục

Về cái mới trong văn chương Việt Nam hôm nay – 2

Anh Yến – Thụy Khuê - 7

Thập niên 90: Bước chuyển tiếp đưa Việt Nam vào Thế Kỳ 21 – 10

#### Phụ đính I :

Đỗ Ngọc Yến, tuổi học trò - Phạm Phú Minh

Ông Đỗ Ngọc Yến và Người trên Mây – Ngô Xuân Hậu

Giỗ mãn tang Đỗ Ngọc Yến – Võ Long Triều

Tôi đi dự giỗ đoạn tang của cố nhà báo Đỗ Ngọc Yến – Trùng Dương

Tiếng Tơ Đồng và Đỗ Ngọc Yến – Quỳnh Giao

Quán Thăng Bờm – Phí Ngọc Hùng

NB Đỗ Ngọc Yến: Người bạn tới với nụ cười

#### Phụ đính II :

Đỗ Ngọc Yến giữa bạn bè – Vũ Ánh

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Về cái mới trong văn chương Việt Nam hôm nay

Không có lý do thuyết phục nào để nhà nghệ sĩ từ bỏ việc sáng tạo cái mới trong tác phẩm của mình. Với tư cách là một nghệ sĩ chân chính, thì cái giá phải trả cho sự từ bỏ cái mới của anh ta còn đắt hơn gấp nhiều lần so với giá mà anh ta phải bỏ ra để săn tìm cái mới. Thứ nữa, nếu người cầm bút cố tình mượn tác phẩm văn chương như là cái cớ để rũ bỏ những thù hận thuần túy cá nhân, theo tư cách công dân, do lầm tưởng rằng mọi cái thuộc về con người đều mang giá trị nhân bản, thì kết quả là anh ta đã biến tác phẩm của mình thành kẻ phát ngôn cho những vấn đề nằm ngoài văn chương, mà lẽ ra anh ta cần phải giải quyết nó bằng tư cách công dân của mình chứ không phải bằng tư cách nhà văn.

Cái mới trong văn chương, trước hết phải là cái mới từ cảm thức chủ quan của nhà nghệ sĩ về những vấn đề nhân bản và nhân sinh, vượt lên trên tất cả những định chế xã hội và những hành vi mang tính nhất thời, để rồi từ đó chuyển hoá thành cái mới trong những xung động tâm lý cá nhân, tạo nên 'độ hăng' và 'khoảng trống' trong quá trình sáng tạo, như một cái *filter* vô hình lọc bỏ tất cả những gì không mang lại giá trị thẩm mỹ cho hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm của anh ta. Nhiều khi nó nằm ngoài khả năng kiểm soát của lý trí, nhưng nhất thiết nó phải là nhu cầu thôi thúc từ bên trong không thể khác được của con người nghệ sĩ trong anh ta. Đây chính là ranh giới cho phép phân biệt tư cách nghệ sĩ và tư cách công dân của người cầm bút...

Tác phẩm văn chương là sản phẩm tất yếu của quá trình hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Do vậy 'cái mới' vừa là thước đo, vừa là minh chứng hùng hồn nhất cho tư cách nghệ sĩ của anh ta. Văn chương nghệ thuật, xét về mặt bản chất là đồng nghĩa với quá trình sáng tạo ra 'cái mới'. Khước từ nó là giết chết quá trình sáng tạo ra tác phẩm văn chương đích thực. Tôi đọc một số tác phẩm văn chương gần đây trên báo chí, hoặc trong các tập tuyển chọn *Truyện ngắn hay năm 1997* của Nhà xuất bản Hội nhà văn đều thấy nó na ná giống nhau cả, 'cái mới' thật sự hiếm hoi trong các tác phẩm đó. Dường như cái tôi nghệ sĩ đã bị tan biến trong cái ta công dân. Mỗi tác phẩm văn chương đích thực cần phải đem đến cho độc giả một sự ám ảnh khôn nguôi về những số phận cá nhân trong những dòng xoáy của lịch sử dân tộc và thời đại. Nó phải làm thức dậy trong lòng độc giả sự cảm thông sâu sắc và khát vọng muốn chia sẻ cùng với những số phận đó. Cái 'vi bất đồng' giữa các cá nhân và lịch sử bao giờ cũng để lại sau nó những bi kịch mang tính nhân bản sâu sắc.

\*\*\*

Hiện nay, những tác giả nào gây được sự chú ý của dư luận do những yếu tố mới trong tác phẩm về nội dung, cách nhìn hoặc thi pháp? Về văn xuôi có Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dương Thu Hương, Bảo Ninh, Phan Thị Vàng Anh, Hoàng Minh Tường, Ma Văn Kháng, Phùng Gia Lộc, Trần Huy Quang...; về thơ có Lê Đạt, Hoàng Hưng, Nguyễn Duy, Đỗ Minh Tuấn, Nguyễn Quang Thiều, Hoàng Trần Cương...; về lý luận có Đỗ Minh Tuấn, Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Đỗ Lai Thúy, Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Hoàng Đức, Đông La... Dưới đây, tôi chỉ điếm qua vài khuôn mặt để chấm phá một bức tranh về sự bất cập của cái mới trong văn học Việt Nam - cái mới nham nhở và còm cõi do sự xâm hại của một môi trường văn chương rất ít đất cho cái mới nảy nở và phát triển.

Có thể nói *Phạm Thị Hoài* là một cây bút gây nhiều tranh cãi nhất cách đây vài năm. Người khen, kẻ chê đủ cả. Nhưng tựu chung không ai có thể phủ nhận sự đóng góp cá nhân của chị vào diện mạo chung của văn học Việt Nam đương đại.

Phạm Thị Hoài đã trình ra trước độc giả một thảm trạng về xã hội và con người Việt Nam trước thời kỳ đổi mới. Thảm trạng xã hội và con người Việt Nam từ cuối những năm 70 cho đến đầu những năm 90 là một thảm cảnh ai cũng biết, nhưng lại chưa mấy ai phản ánh vào trong tác phẩm văn học một cách sinh động, đầy đủ và mạnh mẽ như Phạm Thị Hoài. Xã hội Việt Nam trong tác phẩm của chị là một đống rác thải lâu ngày, nồng nặc đủ mùi xú uế. Còn con người là một tập hợp các thuộc tính đồi bại, xấu xa nhất. Có thể nói chị là người đầu tiên và là người duy nhất thành công trong việc phản ánh những cái đó. Song cũng vì quá chú tâm, say sưa thường thức, nhăm nháp nó đến mức người đọc cảm thấy chị trở thành con nghiện những cận bã của con người và xã hội Việt Nam, cái mà ai cũng muốn vứt bỏ nó đi nhưng không thể nào vứt được, bởi một lẽ giản đơn nó là một bộ phận không thể tách rời của con người và xã hội. Chúng chỉ có thể mất dần đi cùng với sự đổi thay của lịch sử. Cũng cần nói thêm rằng tính chất đa diện của con người và xã hội không chỉ có ở Việt Nam, mà có ở khắp nơi trên thế gian này. Nó là bản chất của tồn tại.

*Nguyễn Huy Thiệp* là một trong số ít người dám mạnh dạn tìm ra cho văn chương đương đại nước nhà một hướng thoát. Anh là người dày công đào sâu suy nghĩ về những cái mà nhiều người cho là lẽ đương nhiên, thường tình trong cuộc sống hậu chiến hôm nay. Ngờ đâu, nó lại là cái không bình thường chút nào, nếu như ta đặt nó ở một góc nhìn khác. Có thể nói anh là cây bút từng lặn lội nhiều, và rất sung mãn. Anh luôn kiếm tìm những lời giải đích thực cho những vấn đề đã bị đóng đinh trong tâm thức người đời theo những *taboo customs* nào đấy, đặc biệt đối với những người có chức, có quyền như vị tướng già trong "Tướng về hưu", hay cả những ông vua như Quang Trung trong "Phẩm tiết". Bằng lối văn giả cổ độc đáo, mạnh bạo, và đầy ma lực, Nguyễn Huy Thiệp đã đánh thức độc giả, những người hãy còn say sưa trong lớp hào quang của quá khứ, đem đến cho họ một cái nhìn tỉnh táo về cuộc sống hiện đại, dù nó có đau đớn và nghiệt ngã đến mấy thì nó vẫn là sự thật, không thể chối cãi. Những mũ mào, cân đai của một thời, mà một số người nào đấy vẫn coi là những *totems* linh thiêng và bất khả xâm phạm, thực ra cũng chỉ là cơ may, chắc gì đã là tài cán, và càng không phải do sức lực và công trạng của riêng họ. Ngược lại, nó được làm nên bởi mồ hôi, nước mắt và xương máu của bao người. Lột bỏ những mũ mào, cân đai hia thì cùng lắm họ cũng chỉ là một con người như bao chúng sinh trên thế gian này; và bởi vậy họ cần phải biết con người đã từng phải sống và tồn tại như thế nào trong các khoảnh khắc lịch sử đó.

Cái mới của Nguyễn Huy Thiệp không phải là ở chỗ anh đã phát hiện ra bộ quần áo của hoàng đế, mà điều quan trọng hơn là anh đã biết cho hoàng đế cần phải mặc quần vào lúc nào. Sự sòng phẳng có ý nghĩa nhân bản đó, chỉ từng ấy thôi, cũng đủ để anh xứng đáng đứng ở ngôi đầu bảng của văn xuôi Việt Nam đương đại. Về thơ, thử phân tích ba nhà thơ đã được giải Nhất các cuộc thi thơ báo *Văn Nghệ*, ta thấy cái mới trong đó có tỷ lệ khác nhau và dạng thức tồn tại cũng rất khác nhau, song luôn luôn cái mới bị nằm trong tình trạng đan xen với cái cũ, mượn lối cái cũ hoặc mang những day dứt quyền luyến cùng cái cũ.

*Nguyễn Duy* là người đốt mình sống cho thơ. Thơ anh mới từ sự tìm tòi cần mẫn trong cát bụi cuộc đời và được chưng cất lên thành những viên ngọc tinh tú. Có thể là không quá khi nói rằng Nguyễn Duy là một trong số ít những nhà thơ hiện đại hôm nay có tài và có duyên với thơ lục bát, một thể thơ thuần Việt và rất dễ rơi vào mòn cũ. Lục bát truyền thống chủ yếu là đối đáp, là giao duyên với người. Còn lục bát của Nguyễn Duy chủ yếu là đối thoại với chính mình, là con đường tìm về với bản ngã của riêng anh. Những câu thơ sau đây tưởng là anh đang trò chuyện với một người nào đó. Nhưng không anh đang trò chuyện với không ai cả.

*Vay nhau khóc mượn nhau cười*  
*Người xa quê léng phéng người xa quê*  
*Xăm rong hè phố thủy tề*

*Ướm nhau còn nhớ lời về bến xưa  
(Bụi - San Diego, 28-7-1995 )*

*Các em hơn hớn mặt hoa  
Hớ hênh thân phận phơi ra chạt đời  
(Bụi - AMSTERDAM, Mùa phơi )*

*Chân mây hơi bị cuối trời  
Em hơi bị đẹp anh hơi bị nhàu  
(Bụi - Chạnh lòng 1 )*

Đọc thơ Nguyễn Duy nhiều khi thấy anh có vẻ như đang bõn cọt với nàng thơ và với cuộc đời. Nhưng đằng sau những bõn cọt ấy là sự trầm tích những trớ trêu của cuộc sống và những bất lực của con người. Thay vì không làm được gì hơn thì đành đùa giỡn vậy; đùa đến rơi nước mắt, quặn đau và cháy lòng. Thấp thoáng sau những câu lục bát như những bình gốm cổ là con người nhà thơ đang loay hoay đi tìm lại chính mình trong cát bụi cuộc đời, trong một thế giới mà các giá trị nghệ thuật và nhân bản bị lu mờ, điêu đảo. Vì thế để mấy ai có thể nhận ra cái mới của thơ anh. Nhưng cái mới đó đã mang dáng dấp thơ Bùi Giáng.

Đỗ Minh Tuấn được dư luận đặc biệt là các thế hệ sinh viên đánh giá cao qua giải Nhất cuộc thi thơ báo *Văn Nghệ* năm 1989-1990 và qua bốn tập thơ đã xuất bản liên tục trong hai năm 1992,1993. Thơ Đỗ Minh Tuấn luôn đem đến cho người đọc một cái nhìn mới về con người và cuộc đời từ sự đa chiều và bay bổng trong suy tư, đến tính đa thanh đa sắc trong ngôn ngữ thơ. Điểm xuất phát của thơ anh bao giờ cũng là thân phận làm một con người trên thế gian này, dù đó là một người thường, một nghệ sĩ hay một ông vua. Nhưng nổi bật lên trong thơ anh là số phận một nhân dân anh hùng, khổ đau, lam lũ và cao cả. Anh luôn biết đánh thức hằng số tâm linh sâu thẳm ở mỗi con người. Anh đã tạo được mối liên hệ tiềm ẩn, sự cộng thông trong tiềm thức giữa nhà nghệ sĩ và công chúng yêu thích thơ ca.

Đọc thơ anh, dù viết về đề tài nào, dù luôn ở tầm trí tuệ triết học, người ta cũng thấy như được "cleaning" tâm hồn mình. Từ những số phận éo le trắc trở giữa cuộc đời thực, nó được dồn nén, chất chứa để tạo nên tiếng lòng muôn thuở vừa thực lại vừa hư, như tiếng đồng vọng từ cõi hư vô, là cả một chặng đường dài sáng tạo mà chỉ có tài năng thơ của Đỗ Minh Tuấn mới có thể làm được điều đó. Thơ anh có không ít bài được xếp vào loại thơ cổ điển theo đúng nghĩa của nó. Không có được sự cộng thông và chia sẻ đến tận cõi tâm linh của con người thì làm sao có thể viết nổi những câu thơ như sau trong bài thơ "Đi hết tiếng đàn bầu" của anh viết năm 1977, mà theo tôi là một tổng kết sâu sắc và day dứt về thân phận người nghệ sĩ Việt Nam trong lịch sử và cái căn nguyên sâu xa của sức mạnh giết người trong nghệ thuật của anh ta, thật khó có thể viết hay hơn:

*Ngàn năm đau khổ qua rồi  
Sợi tơ còn đó, tay người còn đây  
Kiếp người chơi với trên dây  
Run run theo ngón tay gầy về đâu  
Một dây mà vướng tay nhau  
Người xưa gửi lại người sau xin cầm  
Bao nhiêu thế kỷ lỗi lầm  
Để riêng cung bỗng cung trầm chịu oan...  
Lỗi lầm chuộc với ai đây  
Tri âm chết dưới bàn tay rung cần*

Vào những năm bảy mươi, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang ở đỉnh cao thắng lợi và trong nước đang phơi phơi chủ nghĩa anh hùng thì Đỗ Minh Tuấn đã viết những dòng rất đau đớn về chiến dịch Điện Biên Phủ trên không, dường như chiến thắng là một sự luẩn quẩn "lịch sử đi vòng lặp lại một Điện Biên" và đã nhìn người anh hùng như là những thân phận:

*Ta giành giệt với thù từng tấc đất thương đau  
Đâu phải để xây Viện bảo tàng lịch sử  
Ai đổ máu mình ra đúc tượng mình để ngắm  
Làm anh hùng đâu phải một nghề riêng!*

Lúc nào Đỗ Minh Tuấn cũng mới và cũng lệch pha với nền văn học chính thống. Nhưng nếu so trong tương quan thế giới thì ngay cả khi thơ anh được trong nước cho là mới, nó vẫn chỉ là thơ cổ điển hoặc hiện đại với cấu trúc duy lý chặt chẽ trong khi thơ thế giới đã ở trình độ hậu hiện đại với cấu trúc bông bênh hơn, thông điệp mờ hơn.

Những bài thơ mới in gần đây như "Bút ký về cơn điên", "Bướm thôi miên" mới hơn, sâu hơn và bằng lảng hơn, thể hiện rõ cái khát vọng giải thoát khỏi cõi tục lụy và cõi ngôn từ. Nhưng dù đây không phải sự quẩn quại lột xác mà là sự dần thân tiếp tục vào cõi tâm linh ở chiều sâu mới, sâu đến mức tiếng thơ vọng lại vẫn là cái thăm thẳm xưa, nhưng âm u hơn và pha tạp cả tiếng người tiếng thần và tiếng quỷ, thơ anh vẫn bị cái cũ đeo đẳng kín đáo trong sự lưu luyến, ám ảnh của trách nhiệm công dân và thái độ nhân văn cổ điển:

*Thềm trời trong đáy nước  
Nơi cư trú bóng hoa  
Bóng sen xa  
Đáy hồ mơ  
Chữ cam lẫn lóc thức  
Nở một mùa kinh giải thoát  
Thoát quê hương!  
Thềm bưng một quả chuông lạ  
Đứng trong đêm  
(Bướm thôi miên)*

Hoàng Trần Cương là một nhà thơ cũng có thể coi là có thứ hạng trong làng văn chương Việt Nam đương đại, nhưng lại ít được dư luận chú ý vì thơ anh có cái vẻ chân chất, thô vụng không hấp dẫn. Có lẽ anh là một nhà thơ hướng nội, một nghệ sĩ từ trong máu, nhưng lại không phải là một người hợp thời trang. Thơ anh không có những suy tư uốn lượn vòng vo, những câu tài hoa nuột nà, bay bổng hay là những phát kiến cao siêu về triết học.

Nhưng thơ Hoàng Trần Cương mới là ở chỗ anh luôn biết lẩn ra giữa dòng đời những hòn đá tảng xù xì, đầy góc cạnh xếp lại với nhau để bạn đọc tự tìm ra sự éo le, trớ trêu của số phận. Và người đọc không thể làm ngơ mà bước qua đồng đá lù lù trước mặt, khi không tự soi thấy mình trong đó. Có thể nói thơ anh là một trái núi đầy mặc cảm về thân phận của những linh hồn không có Chúa. Một cõi lòng trống rỗng đến cô tịch, nhiều khi muốn gào thét, nhưng cái nghiệt ngã của số phận thì nhân không cho anh được làm như vậy. Anh đành dần lòng đối diện với hư không và một khuôn mặt lạnh cam đã hoá đá, sừng sững chắn giữa mọi nẻo đường đến với thi ca. Thơ anh đầy máu, mồ hôi và nước mắt, nhưng không hề khóc lóc van xin. Ngôn ngữ thơ Hoàng Trần Cương trần trụi như đá núi, cây ngàn, không gọt đẽo, không điểm tô, nhưng những liên tưởng lại rất mới lạ:

*Mặt anh buồn như đá*

*Ai ném ra ngoài đồng...*

*(Đợi)*

*Những vạt lúa đỏ đuôi luội mình đỏ rạp  
Chông trơ như nôi cơm ngày đói khát  
Tảng cháy cạy đi rồi còn hằn vết móng tay  
Cày lên sừng cá đáy nôi...*

*(Trầm tích - I)*

*Trăng đầu tháng đỏ ngẫu  
Như cái bã trầu ai nhè ngang đỉnh núi  
("Trầm tích- III")*

Nhưng Hoàng Trần Cương hình như cũng chưa ý thức được cái mới trong thơ mình để phát huy có ý thức, nên thơ anh vẫn còn lẫn những bài những câu cũ, dễ dãi và những cảm xúc mới, những liên tưởng lạ dẫu nhiều vẫn thường xuyên hiện hình trong những hình thức ngôn ngữ khá quen thuộc, thậm chí quá thật thà.

Không tử vì đạo, không da diết khát khao cái mới sao có thể có được cái mới. Thiếu những hiệp sĩ mỹ học, thiếu những người sống chết cho lý tưởng cái đẹp, cái mới - đó là căn nguyên sâu xa của sự hiếm hoi cái mới trong văn học Việt Nam. Khi đã thiếu lý tưởng, thiếu tài năng, người ta sẽ trở nên quá coi trọng tính chất thương mại của văn chương, đến mức coi nó là trên hết, dẫn đến nguy cơ thao túng của đồng tiền - vốn là cái bất chấp mọi giá trị ngoài lợi nhuận kinh tế - đối với tác phẩm văn chương trở thành một xu thế tất yếu không thể cưỡng lại được. Bởi lẽ những người chuyên sản xuất loại hàng hoá văn chương xịn như Nguyễn Huy Thiệp để có được những đồng tiền xứng đáng với sức lao động của mình thực sự là quá hiếm hoi. Còn phần lớn những mặt hàng văn chương tại nội đều do những nhà văn tay chiêu làm ra, ở một trình độ cũ và thấp. Có thể nói hiện nay hàng chợ đang độc chiếm thị trường văn chương tại nội. Một nền văn chương đại chúng đến mức chỉ toàn hàng chợ do các văn sĩ tay chiêu cố tình rặn tung ra như bươm bươm cốt là để bán kiếm lời. Xu hướng thương mại hoá văn chương ở bất cứ chỗ nào, khâu nào, đối với bất cứ ai đang làm cho cả xã hội lên cơn sốt ác tính văn chương. Thời đánh giặc, người ta ra ngõ gặp anh hùng, còn thời kinh tế thị trường ra ngõ gặp nhà văn và cả dân tộc đều là văn sĩ (!?)

Thảm hoạ này nếu công bằng phải được chia làm ba phần. Một phần thuộc về phần lớn các nhà biên tập, những người thích dạy khôn kẻ khác bằng cách lê những cỗ máy chém khắp mặt các nàng thơ, chàng văn không cần rung động, cảm thông, chỗ nào không hợp gu, không hiểu được, hoặc có nguy cơ làm cho cái ghế của anh ta rung rinh là chặt chém, nếu vì tình thân thì ưỡm ờ, khất lãn cho qua chuyện. Và cuối cùng họ biến tất cả các tác phẩm và bài viết thành một dàn đồng ca ngay đùng đuồn đuối không có linh xướng. Họ không cần cá tính, không cần phong cách chỉ cần mỗi người cầm bút là một toa trong cái đoàn tàu hoả hùng hục lao lên phía trước theo đúng một đường ray đã định sẵn Một đội ngũ biên tập gồm phần lớn là những người không cần biết viết gì, mà chỉ cần biết là ai viết, thì cái mới và văn chương đích thực hiếm như lá mùa thu là điều dễ hiểu.

Phần tiếp theo thuộc về cơ chế quản lý văn chương. Một số nhà quản lý sợ không có thành tích, mất ghế nên cố tình cả vú lấp miệng em, lấy số lượng thay chất lượng; lấy phong trào thay cho đỉnh cao. Số lượng là cái có thể đo đếm được, còn chất lượng văn chương ở Việt Nam là cái cực kỳ tù mù, họ muốn cho ai có chất lượng thì người ấy được, mà chủ yếu là những người có thể 'Priority'. Thực chất đây chính là một cách tạo đà tốt nhất cho 'văn chương bảo kê' độc chiếm thị trường và công chúng.



Suất cuối cùng dành cho một số ông lang băm lý luận phê bình luôn có khả năng chữa bách bệnh chỉ bằng bài thuốc nam gia truyền với hai vị gừng và rau má. Theo họ mọi căn bệnh đều do quá hàn hoặc quá nhiệt. Gừng là vị đầu bảng trị hàn; còn rau má là đầu bảng trị nhiệt. Nếu quá hàn thì thêm gừng; còn quá nhiệt thì tăng rau má. Khen một tí, lại chê một tí, vừa có nhiệt lại vừa có hàn, vừa có thủy lại vừa có chung; báo nào, tạp chí nào cũng in được, không dây dưa, không đụng chạm, vừa được tiền lại không bị mang tiếng là ác, chỉ thích đánh người. Vậy là chân lý tối thượng của các họ đã đạt được: "dĩ hoà vi quý".

Một số người khác, lại chỉ thích chọc ngoáy, soi mói câu chữ như bà mẹ lăm điều chỉ chăm chăm một nút chỉ tuột ở cái quần đùi của đứa con mà bù lu bù loa lên rằng ngành may mặc của nhân loại đang suy thoái trầm trọng. Cung cách phê bình cứng nhắc, giáo điều, hoặc là nhẩy cẫng lên như những con đồng vì những chuyện ngoài văn chương, cốt để hạ bệ tư cách công dân của một ai đó, thực chất là họ đang kéo nền văn chương nước nhà xuống hố. Chỉ cần một bài điệu văn hùng hồn, và mùi mẫn trước khi đắp tảng cổ lên nắm mộ đó là tất thấy mọi người có thể yên tâm dắt tay nhau đi sang thế kỷ 21 với một nền văn chương thời mở cửa bung ra như các công ty vô trách nhiệm đối với công chúng và tương lai văn học nước nhà.

Tôi không loại trừ một số nhà văn, nhà phê bình, nhà quản lý thực sự có tài năng và tâm huyết với văn chương. Họ sẵn sàng chấp nhận đối thoại thẳng thắn, cởi mở về những vấn đề học thuật và văn chương, những mong cho nó có được hình hài tương xứng với tầm vóc dân tộc và thời đại. Họ thường chỉ viết và nói khi nào thật cần thiết, trước hết vì văn chương, sau nữa vì bản lĩnh nghệ sĩ của chính họ. Vì thế họ không hoảng lên như những kẻ háo danh, trục lợi, trong cái thời buổi 'đục nước béo cò' này. Nhưng như vậy, vô hình trung họ đã để tuột tay vũ khí và trận địa lợi hại, đó là thị trường và công chúng, nên đành phải chấp nhận thực trạng của thời kỳ 'văn chương công ty', 'văn chương priority', 'văn chương bảo kê' thịnh hành và phát triển. Đây chính là cơ chế ngầm của hoạt động văn chương tại nội hôm nay, có thể sánh ngang tầm về tính quyết liệt và thủ đoạn với các tổ chức mafia quốc tế mà cái đích để loại mafia văn chương này sẵn lòng để tiêu diệt đó chính là cái mới.

## Anh Yên Thụy Khuê

Côte d'Azur không có mùa, quanh năm nắng, nhưng trời và biển hợp nhau thành vạn mùa. Lê Đạt có hai câu thơ làm năm 97:

*Maxi váy chân trời thu đứng sóng  
Biển đưa tàu đong biếc mắt âu xanh.*

Hình như ai xuống "đáy" cũng thấy biển, tàu, hải âu, mắt biếc... đong đưa, chân trời chùng xuống, chạm sóng trong một chuyển động thoát y, hoan lạc. Côte d'Azur đầu tháng ba, sau Tết, là mùa mimosa, vẫn thơ Lê Đạt:

*Mưa úa xuân gầy lửa hoa lục khóm  
Thương tình mimôza hàng xóm vàng sang*

Năm ấy là 1992, đầu tháng ba, chúng tôi xuống Côte d'Azur cùng chị Kiều Chinh và anh chị Yên. Năm ấy, chưa có thơ Lê Đạt, nhưng đã có trời, biển và mimosa. Hôm nay, hơn 13 năm sau, người ta đã cắt mimosa, đã san bằng nhiều vùng đồi hoa, sau những vụ hoả hoạn cháy rừng năm 2003. Họ bảo, mimosa mang tội chuyển lửa, gây cháy rừng. Mimosa là dân imigré, là kẻ ngụ cư đến từ Úc, dễ bắt lửa, mimosa không phải là người bản xứ, khác màu da, lại mọc nhanh, lấn đất, lấn người.

Những hình ảnh Côte d'Azur, xuân 1992, mà chúng tôi giữ lại chỉ còn là kỷ niệm. Năm ấy, gặp nhau ở Paris, đông lắm, có Kiều Chinh, có Nhã Ca, Trần Dạ Từ, có Lệ Thu... và tất nhiên là có anh chị Yến, nhân dịp ra mắt cuốn *Kiều Chinh Hà Nội Saigòn Hollywood*. Sau những buổi họp mặt thật vui trong không khí nghệ sĩ của Paris những năm 90, chúng tôi cùng chị Kiều Chinh và anh chị Yến xuống Côte, đưa chị Chinh xuống Marseilles thăm ông bác là cụ Nghị (bác sĩ Nguyễn Văn Nghị, nay đã mất), rồi anh chị Yến và vợ chồng tôi lên đường về Yên Cơ, Issambres.

Tháng ba là tháng của mimosa, ngôi nhà Yên Cơ của chúng tôi đang phủ mimosa. Mimosa mới nở màu vàng chanh, khôn như con Titi sắp nghĩ ra trò chơi khăm anh Gros Minet to xác mà ngổ, hương thơm rất nhẹ chỉ đến với những người sành điệu. Sắc vàng và hương thơm biến đổi không ngừng theo chiều gió và độ sáng. Tháng ba, biển xanh, trời biếc, lọc và phản hồi ánh sáng trên hàng vạn những chú Titi nhỏ bằng những hạt trai, thay lông mỗi lần ánh sáng thay sắc, từ vàng chanh sang vàng bích, vàng hoàng yến, vàng mơ... trong khoảnh khắc từ sáng đến trưa, rồi từ trưa đến chiều mimosa lại đổi gam màu lần nữa, khi bóng đêm sà xuống, những chú Titi chuyển hẳn sang màu hoàng thổ trước khi đi ngủ, để sáng mai trở dậy lại bắt đầu một ngày vàng mới.

Anh Yến đặc biệt chú ý đến màu sắc và ánh sáng trên Côte d'Azur, làm tôi thật cảm động. Cho đến hôm ấy, tôi vẫn tưởng anh là nhà báo, tức là một người chuyên chú đến tình hình thời sự. Nhưng không phải thế, lần ấy và một lần sau nữa, anh chị sang Paris, chúng tôi dẫn anh chị đi thăm những lâu đài trên sông Loire, tôi càng biết thêm một vài khía cạnh khác của anh. Cách anh trầm ngâm, nhìn những gì ít ai chú ý và lâu lâu hỏi một câu bất ngờ, làm người được hỏi ngỡ ngàng, thú vị, vì không chờ đợi. Cách anh chú ý đến thiên nhiên, đến lịch sử, tuy không thật sự "đề tâm", chỉ như vô tình, vậy mà rất sâu. Anh Yến thích nghe và ít nói, một điều rất hiếm, vì thường người ta thích nói, mà ngại nghe. Cách anh nhỏ nhẹ gợi lại kỷ niệm, những kỷ niệm sống bất ngờ nhất của anh trong quá khứ, và quá khứ của anh như giếng không đáy. Trong suốt dọc những chặng đường đi chơi với nhau, anh lác đác đưa ra những chân dung nghệ sĩ mà anh đã biết, đã sống, đã gần, đã xa, anh đều bắt được cái thần của họ. Anh rất chú ý đến chi tiết, hầu như điều gì anh cũng biết hết, nhưng khi sử xự anh lại bỏ qua chi tiết để chỉ chú ý đến đại thể, và có lẽ cái đó là điều chủ chốt trong cuộc sống và là nghệ thuật đặc nhân tâm.

Tôi sang Mỹ nhiều lần và lần nào cũng ghé thăm anh chị Yến. Đối với tôi, anh Yến không chỉ là người cầm bút đi trước, mà anh còn là một người anh, một người đỡ đầu cho những người đi sau, một chỗ tựa cho những ai đến Cali. Nhiều người đồng hoá anh chị Yến với báo Người Việt. Điều đó đúng mà cũng chưa hẳn như thế: phải nói là báo Người Việt mang tinh thần của anh Yến (tất nhiên là cả chị). Anh tế nhị, anh luôn luôn đứng ở đằng sau để dọn dò đằng trước, anh không quên điều gì, kể cả khi anh không có đó, anh cũng đã lo lắng chu tất hết cả mọi việc từ trước, đó là những đặc tính của một người "thủ lĩnh" cao cường. Khi anh Mai Thảo còn sống, anh Yến luôn luôn săn sóc Mai Thảo bằng sự hiện diện âm thầm gần như vắng mặt: anh Mai Thảo đi đâu là có anh Yến "tháp tùng", nhưng anh Yến luôn luôn đứng đằng xa, gần như vắng mặt. Tôi thích thái độ vắng mặt của anh. Khi anh Phạm Duy còn ở bên Mỹ, anh Duy đi đâu cũng có anh Yến: anh Yến âm thầm bảo vệ Phạm Duy trong tất cả mọi tình huống. Tôi thích thái độ bảo vệ nghệ sĩ của anh.

Chính anh Yến cũng là một nghệ sĩ cho nên anh hiểu nghệ sĩ hơn ai hết, anh có tâm hồn nghệ sĩ cho nên anh biết nghệ sĩ đích thực rất hiếm, nhân tài lác đác một, vài trong thế kỷ, mà kẻ giả nhân thì như rươi, và kẻ vui dập nghệ sĩ thì không thiếu, kẻ không hiểu nghệ sĩ như rừng, kẻ muốn nghệ sĩ phải làm theo ý mình như biển...



Trong cái chợ trời muôn mặt ấy, anh Yên trầm tĩnh đứng nhìn bằng đôi mắt đeo kính cận rất dày, anh cận thị nặng, bỏ kính ra thì hình như chẳng nhìn thấy gì cả, vậy mà anh lại rõ mọi chuyện hơn ai hết, thì ra anh nhìn bằng trái tim, anh thấy hết: thấy Mai Thảo lúc nào cần uống thêm, thấy lúc nào phải đưa Mai Thảo về... thấy lúc nào nên tổ chức đêm nhạc Phạm Duy, thấy lúc nào nên tổ chức đại nhạc hội mừng Thái Thanh, thấy nên vinh danh Kiều Chinh trong trường hợp nào, thấy nên tiếp đón các nhà văn trong nước và giúp đỡ họ trong những ngày ở Mỹ ... đấy chỉ là những chuyện ta có thể thấy trong bề mặt, còn bề sâu anh đã âm thầm giúp đỡ bao nhiêu người khác, từ thừa anh chân ướt chân ráo tới Mỹ, làm báo trong garage, rồi cũng từ garage ấy, anh xây dựng nên cơ sở Người Việt, cho bao nhiêu người có công ăn việc làm. Tôi thích sự âm thầm ấy của anh. Trong chợ đời hữu danh vô thực, ai chẳng thích đặt mình dưới ánh sáng, trên trang nhất, anh xuống trang cuối, anh bước ra ngoài, anh không tham dự vào những thậm xưng, thậm ngôn, thậm vị...

Tôi muốn biết nguyên do nào làm cho anh trở thành một cái "mythe" như thế? Anh dáng người thấp nhỏ, hơi gù, mắt cận thị nặng, nhiều bệnh, ăn ít mà làm việc nhiều. Anh mang hình hài của một người làm công bị đàn áp, hơn là một ông chủ có thể hét ra lửa. Tất cả trong anh và ngoài anh, đều toát ra những nét "anti héros", phản ánh điều trái ngược: Dáng người thấp nhỏ, gù, làm như cơ thể cô đọng lại để chỉ giữ lại phần "thực chất". Mắt cận thị để nhìn xa, nhìn sâu hơn những con mắt "cửa sổ của linh hồn". Tất cả ngoại hình không có vẻ quyến rũ của anh, ẩn một nội tâm phong phú, đầy tình cảm, biết mình, biết người, một lòng tốt, một sự hy sinh gần như không có giới hạn. Cái cười của anh biểu lộ rất nhiều: nó vừa cho thấy sự khiêm tốn của anh, hờ hởi, nó nhả ga, thẳng thắn như muốn buông hết tất cả những giữ gìn, bực dọc, phiền muộn. Từ tiếng cười, anh lấy nghị lực để tiếp nói công việc hàng ngày. Khi anh đang suy nghĩ lung lăm, mặt anh có những nét cau đặc biệt, nhưng chỉ thoáng qua rồi biến mất ngay, chắc bởi anh suy nghĩ nhanh và tìm ra lối giải quyết cũng rất nhanh.

Tôi nghĩ anh là một trong những người đầu tiên đã có đủ tài năng và can đảm để xây dựng nên cái mà chúng ta gọi là cộng đồng người Việt hải ngoại tại Cali. Paris không có cộng đồng người Việt như thế, dù người Việt đến Pháp từ trước thế chiến. Bởi tất cả đều bắt nguồn từ ngôn ngữ. Một cộng đồng không thể trở dậy và có sức sống mạnh, nếu không có ngôn ngữ riêng. Đỗ Ngọc Yên đã từ tay không xây dựng nên cơ sở báo chí vững mạnh đầu tiên, cho một cộng đồng mới chân ướt chân ráo, chưa tìm ra chỗ dựa của mình. Và điều ấy ngoài anh ra, chưa mấy ai làm được.

Anh đi,

Nghe tin anh mất tôi không buồn mà thấy yên tâm, yên tâm anh đã tìm thấy khung trời của mình. Anh từ tốn bước vào như thể mọi chuyện đã định sẵn từ lâu. Anh kiên tâm thương lượng với bệnh tật như anh đã bao lần thương lượng với những vấn đề gay go nhất trong cuộc đời đi tản để tổ chức nên cơ sở báo chí lớn nhất hải ngoại cho bao nhiêu người có chỗ làm việc và phát triển được khả năng của mình. Anh đã cung cấp cho một cộng đồng bơ vơ, chưa có tiếng nói đích thực một cơ quan ngôn luận đứng đắn, đáng tin cậy. Những việc ấy, anh đã làm, anh đã thương lượng thành công, và lần này anh cũng đã làm, anh cũng đã từ tốn thương lượng với bệnh tật. Anh và nó cũng đã nương nhịn nhau nhiều lắm và sau cùng anh nhường bộ. Anh quyết định "làm việc này" như anh tổ chức một bữa tiệc tẩy trần tiễn bạn đi xa. Anh đã thu xếp xong tất cả mọi việc. Anh dặn trước mọi người đừng buồn. Tôi nghe tiếng anh nhỏ nhẹ sắp đặt nghi lễ đón đưa, anh dặn ai sẽ nói gì, làm gì, như những lần trước anh đã chu đáo làm cho Lê Đình Điều, cho Mai Thảo, cho những người bạn đi trước anh...

Từ hôm anh đi, Cali đối với tôi trở thành kỷ niệm. Kỷ niệm của những ngày hội ngộ. Hội ngộ với Lê Đình Điều có tài quản trị, điều khiển, nhưng mơ mộng và tài hoa. Hội ngộ với Mai Thảo phương trường đầu đàn, bao che cho văn nghệ. Hội ngộ với Đỗ Ngọc Yên âm thầm lùi lại phía

sau để chỉ huy phía trước... Những địa chỉ yêu thương, quý trọng, những bộ mặt không nhòa, những tâm hồn càng xa càng sáng: những tên tuổi đã góp phần xây dựng nên đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt hải ngoại.

Anh đi, nhưng những gì anh đã thực hiện sẽ tồn tại. Mãi mãi tồn tại.

## Thập niên 90: Bước chuyển tiếp đưa Việt Nam vào Thế Kỷ 21

Lời Tòa soạn Diễn Đàn Thế Kỷ: Cách đây 21 năm, vào tháng 5 năm 1989, tạp chí Thế Kỷ 21 ra mắt số đầu tiên. Trong số báo đầu tiên này, nhà báo Đỗ Ngọc Yến đã viết bài "Thập niên 90: Bước chuyển tiếp đưa Việt Nam vào Thế Kỷ 21" mà hôm nay, sau mười năm sống với thế kỷ 21, chúng tôi xin đăng tải lại để mong đem đến cho quý bạn đọc một sự so sánh cái nhìn của hai thập niên trước và ngày nay về một vấn đề: Việt Nam.

\*\*\*

Chỉ còn hơn 10 năm nữa là chấm dứt thế kỷ 20, thế kỷ đầy nhục nhằn uất hận của dân tộc Việt Nam.

Thế kỷ 20 đang tàn là thế kỷ tranh chấp bạo lực nhất lịch sử nhân loại qua hai trận thế chiến và hơn 40 năm chiến tranh lạnh, với những đợt hòa hoãn ngắn ngủi đầy tráo trở, trong đó đất nước Việt Nam hy sinh năm triệu sinh mạng, và lưu vong hơn một triệu con dân trên khắp thế giới.

Thế kỷ 20 đang tàn cũng là thế kỷ văn minh kỹ thuật, tiến bộ vượt bậc đối với loài người khắp năm châu nhưng lại vắng bóng tại các vùng hậu tiến vì chiến tranh hay vì thiên tai hoặc nghèo đói. Đất nước Việt Nam đã cùng một lượt chịu đựng cả ba tai họa, khiến ngày nay Việt Nam suy đồi thành dân tộc khốn cùng nhất trên trái đất.

Thế kỷ 20 sắp chấm dứt. Thập niên chuyển tiếp 90 đầy khích động tâm lý đang được cả thế giới thao thức chờ đón với tất cả kỳ vọng dắt tay nhau bước vào lịch sử bằng ý thức sáng suốt để tháo gỡ các bế tắc chông chênh.

Thập niên chuyển tiếp 90 chấm dứt thế kỷ 20 cũng chấm dứt luôn cả thiên niên kỷ thứ hai lịch sử Tây lịch của loài người. Suốt thiên niên kỷ này, đất nước Việt Nam đã trải qua thời gian độc lập dài nhất xây dựng nền văn minh đa giáo đồng nguyên, bảo vệ bờ cõi ngăn chống Bắc xâm, mở rộng biên cương qua cuộc Nam tiến.

Buồn thay, cho đến khúc cuối của thiên niên kỷ này, con người Việt Nam vẫn chưa hề thấy được nền dân chủ thật sự, tinh hoa của loài người, mà chỉ gặp toàn cặn bã tha hóa mà thôi.

Để sớm đóng lại thế kỷ đau buồn, tủi nhục, thất bại, để chuẩn bị đón mừng hừng đông thế kỷ và thiên niên kỷ mới chất chứa đầy kỳ vọng cho dân cho nước, để cùng với các dân tộc toàn cầu thi đua nâng cao mức sống và xây dựng các định chế văn minh nhân bản, ngày nay Việt Nam cần một cuộc đổi thay toàn diện, đứng lên ngừng mặt với năm châu và bảo đảm cho các thế hệ con em một tương lai xứng đáng.

Đất nước Việt Nam cần đổi mới chế độ, đổi mới lãnh đạo, đổi mới nhiều cơ chế căn bản về các mặt xã hội, giáo dục, văn hóa, kinh tế và chính trị.

Con người Việt Nam cần một viễn tượng hợp lý, thực tiễn và tiến bộ, vừa dung chứa được các

tâm tình, nguyện vọng của mọi tầng lớp đồng bào, vừa bảo vệ được chủ quyền tối thượng của quốc gia, trên đường mở mang đạt tới hòa đồng cùng nhân loại.

Để chuẩn bị cuộc thay đổi đó, để sáng tạo và tiếp nhận được viễn kiến thực tiễn đó, để cuộc đổi thay khi xảy đến sẽ không dẫn tới các chuyển biến trái mùa, phản động, như kinh nghiệm chuyển biến cách mạng thường ghi nhận từ 1789 ở Pháp đến 1945 ở Việt Nam, con người Việt Nam cần phải thay đổi não trạng để mang một ý thức mới về chính mình, về số phận dân tộc mình, về quê hương và thế giới, về con người hôm nay và ngày mai.

### **Nhìn lại một thế kỷ tai ương**

Đầu thế kỷ 20, hai nhà cách mạng tiền bối Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh đã vạch hai lối tiến lên cho dân tộc: một là con đường khôi phục nền độc lập dân tộc, mà các phong trào Văn Thân, Cần Vương chưa hoàn thành; hai là con đường vận động duy tân, khai sáng dân trí, tạo điều kiện cho toàn dân giành lại chủ quyền, và bảo vệ chủ quyền đó để mưu cầu ấm no, hạnh phúc lâu dài cho dân tộc.

Tới thập niên 30, ngã rẽ ý thức hệ đầu tiên đến Việt Nam làm phân tán lòng người, chia rẽ sức nước, khởi đầu cuộc tương tàn kéo dài hơn nửa thế kỷ tiếp, làm lụn bại cả một đất nước dân tộc "văn hiến chi bang."

Ngày nay, ở đầu thập niên 90, cả một dải sơn hà gấm vóc cha ông để lại trở thành một xứ sở nghèo đói với mức lợi tức đầu người còn thấp hơn cả Bangladesh.

### **Đi vào thập niên chuyển tiếp 90**

Ôn lại bài học quá khứ và tìm hiểu thời đại quanh ta để định đoạt tương lai, con người Việt Nam nhận thức rõ rệt là thập niên chuyển tiếp 90 ngay trước mắt không thể là một thập niên tương tự chín thập niên qua của thế kỷ 20 trong lịch sử dân tộc. Phải ngăn chặn mọi yếu tố có thể tái diễn những thiếu sót, sai lệch, lầm lẫn, vô hiệu, ảo vọng và thất bại. Phải chọn lọc, rèn luyện, xây dựng những điều kiện tiên quyết để bảo đảm hữu hiệu cho giấc mộng lớn của con người Việt Nam áp ủ ngày nay.

Tiến dần tới thế kỷ 21, thập niên chuyển tiếp 90 phải trở thành một thập niên tràn đầy thảo luận, học hỏi, chuẩn bị cho cuộc lên đường sớm sửa phóng mạnh tới tương lai.

Thập niên chuyển tiếp 90, do đó, phải là khung cảnh thời gian cho chương trình hành động trong tinh thần thế kỷ mới, tinh thần thế kỷ 21, để đưa đất nước con người Việt Nam rời xa, rời mau, khỏi bậc thang thấp kém nhất của loài người hiện nay về kinh tế vật chất, cất cánh lên cho tới mức độ xứng đáng, tới một địa vị không còn hổ thẹn với cha ông và con cháu.

Không có chiến lược nào hữu hiệu trong hoàn cảnh này khác hơn là lên đường sớm, ra đi một cách khôn ngoan, dè dặt mồ hôi xương máu của con người Việt Nam.

Trong hiện tình chính trị, đây chính là lúc người Việt không còn có thể tự dối mình, dối người, để tiếp tục tránh né, thờ ơ, quanh co, gặt gặm, chần chừ trước nhiệm vụ của người Việt: đó là trực tiếp đương đầu với các vấn đề thật sự của đất nước.

Về mặt ý hướng, đây không thể chỉ là một thay đổi bằng khẩu hiệu, một cải tổ cơ chế, một nỗ lực hình thành giới hạn, mà trái lại phải là một nỗ lực ráo riết và toàn bộ thách thức mọi thể chế hay ý thức hệ từng chi phối, hoành hành làm điều đứng đất nước con người Việt Nam nửa thế

kỷ qua, đến nỗi ngày nay không còn ai có thể nghi ngờ về hiệu quả tối thiểu và phí tổn khổng lồ cùng viễn ảnh vô vọng tiếp nổi trước hiện tại xơ xác tan hoang phơi bày hàng ngày.

Việt Nam cần một cuộc thay đổi lớn chưa hề thấy trong lịch sử nước nhà, một cuộc thay đổi thật sự sâu xa từ căn bản tâm hồn người Việt. Cuộc thay đổi này có thể ví như lần đổi thay đưa nước ta ra khỏi vòng lệ thuộc nước Tàu vào thế kỷ 10 xa xưa, chấm dứt 10 thế kỷ Bắc thuộc.

### **Cuộc chuẩn bị khó khăn**

Điều kiện cần thiết để đi đến một cuộc đổi thay ở kích thước lớn như trên đòi hỏi phải chuẩn bị lâu dài rộng rãi. Nhất là phải có chuẩn bị về tinh thần. Và trong đó phần trao đổi bàn luận định hướng đương nhiên là phần mở đầu với chủ đích rõ rệt mưu cầu những lợi ích cụ thể làm kết quả.

Tại hải ngoại, chúng ta là những người đã rời bỏ đất nước ra đi bắt đầu từ lúc còn hằn một góc thế kỷ - một phần tư thế kỷ - mới đến năm 2000. Rồi lần lượt những đợt người lên đường vượt biển, vượt biên, đường bộ, đường thủy, đường hàng không. Tới nay, kể trước người sau, trung bình cũng đã trải qua trên dưới thập niên trong cảnh sống lưu vong. Không kể những đau buồn trở ngại trong cảnh sống mới, chúng ta cũng đã trải qua bao nhiêu cơ hội học hỏi, kinh nghiệm, trau dồi, đụng chạm với những kiến thức mới, những điều tai nghe mắt thấy lạ lẫm trên khắp mặt đất - người Việt Nam hiện sống rải rác ở 50 xứ trên trái đất.

Để sống còn, chúng ta bắt buộc phải nhanh chóng và tinh ý nắm vững và tiến tới thể nhập trên thực tế vào mọi định chế xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa ở khắp năm châu. Mỗi người trong chúng ta đã thấu thái biết bao nhiêu kinh nghiệm sau bao nhiêu đêm ngày năm tháng đụng chạm suy tư, dằn vặt, học hỏi trong quá trình hội nhập để sống còn và tiến bộ.

Tại quốc nội, chúng ta là những thành phần của 65 triệu dân cư trải qua bao phen chiến tranh và cách mạng, dờ dang và phũ phàng, chia sẻ tận cùng gánh nặng đất nước rách nát, dân tộc xâu xé, tù đày bom đạn, nghiền răng nhìn các lớp trẻ lớn lên giữa thiếu ăn, thiếu áo, thiếu học, thiếu tình thương, thiếu cả tương lai.

Để đi tới cuộc đổi thay lớn lao với khúc quanh thế kỷ và thiên niên kỷ, chúng ta mỗi người, mỗi cộng đồng, mỗi môi trường hãy nói rộng mọi suy tư, đào sâu óc suy luận, tìm tòi để đạt đến những giải pháp cho các vấn đề liên quan chung cho số phận toàn thể đất nước con người Việt Nam, trong hy vọng đem lại những ánh sáng và cảm hứng, cũng như khai phá những tiềm năng và động lực mới ảnh hưởng rộng rãi đến toàn thể dân tộc quê hương mình.

\*\*\*

### **Phụ đính I :**

### **Đỗ Ngọc Yến, tuổi học trò Phạm Phú Minh**

*Nhân ngày giỗ Yến, 17 tháng 8.*

*Lửa hồng cháy... cháy trong đêm dài...  
Lửa là hồn trai soi vào đêm thâu  
cho đời tươi mãi...*

*... Chập chòn trước mắt là ánh lửa soi*

*chập chùng sau lưng là non là núi  
Lửa hồng cháy... lửa hồng ơi...  
Đời người thanh niên là ánh lửa soi  
Lửa hồng đốt cháy buồn bã sầu ai  
Lửa hồng cháy... lửa hồng ơi...*

Đêm lạnh giá ở Đà Lạt, tháng Tư năm 1958, bên hồ Than Thở, cả bọn ngồi quanh đống lửa củi thông cháy phừng phừng say sưa hát. Trần Đại Lộc, Đỗ Ngọc Yến, Phạm Phú Minh cùng ba người bạn lớp Đệ Tam C Petrus Ký đã làm một chuyến đi trại đầy mạo hiểm nhân kỳ nghỉ lễ Phục Sinh năm ấy. Tuổi học trò, mỗi thằng mang theo một cái xắc đeo vai đựng gạo và áo quần ấm, một chiếc xe đạp, đi xe lửa từ Sài Gòn lên Đà Lạt, vào giữa rừng thông bên hồ Than Thở dựng lều và sống ở đó bảy ngày. Tất cả do Đỗ Ngọc Yến làm đầu têu...



*Đỗ Ngọc Yến, trại công tác 1972*

Đậu xong Trung học đệ nhất cấp mùa hè năm 1957, tôi từ Quảng Nam vào Sài Gòn để tiếp tục việc học. Vừa vào đến nơi tôi đọc báo thấy tin có cuộc biểu tình của học sinh ở trước cổng trường Petrus Ký đòi nhà nước mở thêm lớp để tất cả học sinh lớp Đệ tứ được lên thẳng lớp Đệ tam, chứ không phải qua cuộc thi tuyển như một quy định mới của bộ Giáo dục. Vì tôi xin vào Đệ Tam C trường Trương Vĩnh Ký được nhận ngay nên cũng không rõ chuyện ấy rồi ra đi tới đâu, và hầu như mọi việc nhanh chóng đi vào quên lãng. Trong lớp học mới, Yến và Lộc là những người bạn đầu tiên của tôi trên đất lạ. Tôi đã định sẽ học ban B, nhưng chỉ vì một câu nói của một người ở Hội An: “Anh có khiếu văn chương, sao lại học toán?” thế là tôi đổi luôn, vào ban C. Người ấy... thôi, đó là chuyện khác, tôi muốn nhắc chỉ vì câu nói đó mà tôi gặp và làm bạn với Yến và Lộc vào năm ấy.

Ban C là ban ít người học, vì hướng đi nghề nghiệp về sau không rộng mở như những ban khoa học. Người học ban C có thể vì tự cảm thấy mình “có khiếu văn chương” nhưng cũng có thể đơn giản vì dốt toán, hoặc ngại những môn khoa học như lý hóa, vạn vật. Vì ban C ít người học nên cấp nào cũng chỉ có một lớp, khiến cho học sinh vừa cảm thấy mình bảnh hơn tụi học A hay B, vừa thấy mình không giống ai, vì cô đơn, lẻ loi. Tôi ở miền Trung vào, coi như dân tỉnh lẻ vào thủ đô, lúc đầu cũng không tránh khỏi mặc cảm thua sút, nhưng sau một thời gian thì thấy ở đâu cũng vậy vậy thôi. Và cũng nhận ra rằng học sinh Sài Gòn vô tư hơn những người đồng lứa với họ miền Trung nhiều. Mới chưa đến tuổi hai mươi tôi đã trải qua bao nhiêu biến cố, nào đi tản cư, rồi dinh tề, rồi tình hình chiến sự khốc liệt sát bên mình vào những năm tháng gần ký hiệp định Genève, rồi đảng phái quốc gia lập chiến khu chống ông Diệm... Hầu như người dân Hội An nào, kể cả giới học sinh, cũng có thói quen nghe đài BBC lúc chập tối, tôi tưởng khắp mọi nơi ở đâu người ta cũng có một thói quen như thế, đến khi vào học ở Sài Gòn

thì mới vỡ lẽ, thì ra cuộc sống mỗi nơi mỗi khác, mỗi nơi có một mối quan tâm riêng, hoặc có thể rất vô tư, chẳng quan tâm đến chuyện gì đặc biệt. Ở đây đời sống thành thơi hơn nhiều, người học sinh miền Nam đến tuổi vào đệ nhị cấp vẫn có quyền chẳng để ý gì đến những chuyện xa hơn chuyện học hành vui chơi. Tôi cảm thấy mình già quá giữa đám bạn mới - trừ một người, là Đỗ Ngọc Yến, có vẻ nhỏ tuổi hơn tôi, nhưng lại muốn “già” hơn tôi. Năm ấy Yến mười bảy tuổi, đã mang kính cận dày, người trắng trẻo, có vẻ phi-lô-dốp lắm, thường trò chuyện với tôi những điều mà chắc chắn những bạn khác cùng lớp không mấy quan tâm. Tôi nhớ một trong những đề tài hồi đó là vụ Nhân văn Giai phẩm ở miền Bắc, và tôi cũng nhớ nổi bực mình của tôi vì Yến có vẻ quá thán phục tài năng của đám nhà văn ngoài Bắc mà anh cho rằng hơn hẳn trong Nam. Chính nhờ có Yến tôi không cảm thấy cô đơn trong môi trường mới, vì đã bắt gặp một tần số giống mình.

Học chung ít lâu chúng tôi mới khám phá ra rằng Đệ Tam là niên học cuối cùng mà cuối năm không có thi cử, từ Đệ Nhị cho đến lúc ra đời đi làm là thi liên miên. Một hôm Yến nói với các bạn rằng chúng ta đang sống trong một niên học sung sướng nhất chẳng còn bao giờ có trở lại nữa, vậy tôi đề nghị với các bạn chủ nhật này chúng ta đi Lái Thiêu chơi. Người háo hức nhất là tôi, vì miền Nam đối với tôi còn hoàn toàn xa lạ. Buổi sáng sớm chủ nhật đó, có lẽ vào quãng cuối năm 1957, một bọn bốn năm người đạp xe đi Lái Thiêu, Trần Đại Lộc 16 tuổi, trẻ nhất đám, nhưng đã là nhiếp ảnh viên của cuộc đi chơi, hình như hồi đó Lộc mới có chiếc máy ảnh đầu tiên và việc chụp ảnh mới vào giai đoạn tập tành. Đến nơi Yến dẫn chúng tôi vào một nhà có vẻ là bà con, hoặc là thân tình lắm, có vườn trái cây rất rộng, và chúng tôi tha hồ làm picnic ở đó. Nhưng cuộc picnic không phải chỉ có chúng tôi, mà còn có thêm hai nữ sinh Trưng Vương từ Sài Gòn mới lên nữa, tất cả đều như do Yến rủ rê sắp xếp cả. Sau tôi mới biết hai cô ấy là em họ của Yến. Cả bọn quây quần dưới bóng mát những cây măng cụt, ăn bánh mì thịt và trái cây, vừa cười nói nôm nua vừa khám phá những nỗi vui mới mẻ của tuổi mới lớn, giữa khung cảnh cây cối vừa thân mật vừa xa lạ. Đến chiều tà chúng tôi mới đạp xe về thành phố, và mãi sau này tôi mới ý thức rằng buổi đi chơi đó đã để lại một ấn tượng sâu đậm trong lòng tôi, đó là món quà mà Yến đã biếu tôi, giới thiệu sơ khởi cho tôi một mảng đời sống miền Nam.



*Những người bạn cũ, từ trái: Đỗ Anh Tài, Trần Đại Lộc, Phạm Phú Minh, Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điểu, Hà Tường Cát (1997)*

Bố mẹ Yến từ Bắc vào định cư ở Sài Gòn từ trước khi Yến ra đời, cậu bé Đỗ Ngọc Yến lớn lên giữa Sài Gòn và đã trở nên Sài Gòn đến hai lần, vừa như một người bản xứ, vừa từ trong tâm thức như một người ngoại nhập đang khám phá nơi mình mới đến. Suốt chuyến đi chơi Yến vừa như một người trẻ tuổi tham gia hết mình và thường thức sự vui vẻ với bạn bè, nhưng đồng thời như một người đạo diễn ý thức rằng mình đang đem lại cho bạn bè một chút gì đấy mà mình đã biết rồi nhưng bạn mình thì chưa biết. Hình như về sau, suốt đời Yến, tổ chức ra cái gì với bạn bè, cũng đều mang hai mặt như thế. Đây là việc của chúng ta, hãy cùng nhau



làm, hãy cùng nhau hưởng, nhưng đầu đó là một người đạo diễn vắng mặt đã suy nghĩ và toan tính trước tất cả rồi.

Nhưng có lẽ nên quay trở lại với cuộc đóng trại tại Đà Lạt đã nói đến ở đầu bài. Năm học đó sau kỳ nghỉ Tết là rục rịch gần đến mùa Phục Sinh, mà dưới chế độ ông Diệm lễ Phục Sinh trường học được nghỉ đến mười ngày. Cũng lại Yên: “Nghỉ nhiều ngày, chúng ta nên tổ chức đi đóng trại ở Đà Lạt chơi.” Một nơi rừng núi, cách Sài Gòn những 300 cây số, các cậu trai mới lớn ai cũng lác đầu. Yên thuyết phục: “Ta sẽ đóng trại bên hồ Than Thở, ngay bên cạnh đồi Tùng Nguyên là đất trại của Hướng Đạo, không có gì đáng ngại cả. Tăng lều đã có tôi và Tiêu Nhơn Khải là dân Hướng đạo lo, chúng ta phân công nhau mang theo nồi niêu để tự nấu ăn, và mền để ngủ cho ấm. Mỗi người sẽ mang theo số gạo đủ cho mình ăn trong bảy ngày, và mình sẽ góp tiền để đi chợ mua thức ăn. Mỗi người một chiếc xe đạp để di chuyển đi chơi. Sẽ xin văn phòng trường giấy chứng nhận để mua vé xe lửa khứ hồi Sài Gòn ở Đà Lạt nửa giá. Chúng ta sẽ có một chuyến đi chơi xa hơi mạo hiểm một chút nhưng chắc chắn thú vị và rất rẻ tiền. Đà Lạt đẹp lắm...” Cái gì Yên cũng biết và định liệu trước. Cuối cùng chuyến đi gồm có sáu người, khởi hành từ ga Sài Gòn vào buổi chiều, đi giữa một đất nước còn hoàn toàn thanh bình. Cũng như năm Đệ Tam là năm vô tư cuối cùng của đời đi học, chuyến đi ấy hầu như cũng là chuyến đi vô tư cuối cùng của đời chúng tôi - hồi ơi, vô tư cuối cùng khi hãy còn ở trong lứa tuổi thiếu niên! Những chuyến đi tập thể trong những năm về sau luôn luôn nặng trĩu: đi hành quân, đi trại công tác, đi cứu trợ... đi trong bom đạn, trong chết chóc khổ đau. Nhưng những chàng trai trên chuyến xe lửa chiều hôm ấy hoàn toàn không biết gì về một tương lai như thế, thư thả tựa vào cửa sổ tàu nhìn vùng đất miền đông Nam phần, con sông Đồng Nai uốn khúc trong nắng chiều, rừng Lá mít mù âm u, rồi ga Mừng Mán trong đêm, biển Cà Ná dưới ánh trăng mờ lúc trời khuya... Đất nước đi thẳng vào lòng trai vừa mới mở, như mối tình đầu tình khôi, âu yếm. Và họ hát. Chiếc đầu máy hơi nước thỉnh thoảng phun một mảng than đỏ rục bay ngược hướng tàu, như những tia pháo hoa cái chào vui đám thanh niên vô tư sung sướng.

Khoảng bốn giờ sáng tàu tới ga Tháp Chàm, thời đó gọi là “Tua Chàm” (Tour Chàm), chúng tôi xuống xe để đổi sang chuyến đi Đà Lạt. Tháp Chàm là ga của Phan Rang, từ đây lên Đà Lạt khoảng hơn 100 cây số, chuyến xe đi Đà Lạt chỉ ngắn độ năm, sáu toa, sau khi chạy qua một cánh đồng bằng hẹp thì bắt đầu lên dốc để đến vùng cao nguyên. Trời sáng dần, cả bọn chúng tôi ngỡ ngàng với cảnh các cây thông bắt đầu xuất hiện trên dốc núi hai bên đường, và khí lạnh của núi rừng phả vào trong toa khiến ai nấy vội lôi áo ấm trong ba lô ra mặc vào. Tôi nhớ đến một ga xép, tôi xuống sân ga đứng dựa vào một toa xe để Lộc chụp hình, một chàng trai mặc áo len cao cổ, đầu tóc rối bù vì cá đêm ở trên xe lửa, có vẻ rất bụi đời, và trong năm ấy sau khi đã xem cuốn phim A l'Est de l'Eden, tôi ghi vào phía sau tấm ảnh: A Vietnamese Jim Dean. Năm Đệ Tam tôi vẫn còn ít biết về phim ảnh Mỹ, nhưng sau khi coi phim ấy tôi mê Jim Dean lạ lùng, cái phong cách khật khùng như luôn luôn thắc mắc và tìm kiếm một cái gì của Jim trong phim hình như có một điểm gì phù hợp với tâm hồn mới lớn của tôi lúc ấy, và có thể nhiều bạn trẻ cùng lứa khắp nơi nữa.

Tàu càng lên cao chạy càng chậm, và bắt đầu xuất hiện hệ thống đường rầy có móc. Tôi đã nghe nói về hệ thống này nhưng không hình dung được nó như thế nào, cho đến bữa đó. Đó là một dây răng cưa đặt giữa hai đường rầy, xe lửa sẽ có một hệ thống trục bám vào răng cưa ấy và quay để chạy tới, nhưng chỉ tới chứ không lùi được, nếu vì lý do nào xe không tiến tới được lên dốc thì sẽ bị khóa cứng lại chứ không bị tuột dốc. Trong thập niên 1920, sau khi đường xe lửa này khánh thành một thời gian, một đoàn tàu đã bị tuột dốc không có gì hãm lại được đã lao thẳng xuống vực sâu, tất cả hành khách không một người nào sống sót, sau tai nạn đó người Pháp mới lắp đặt thêm hệ thống móc này.

Tàu tới ga Đà Lạt vào giữa buổi sáng, chúng tôi xuống ga nhìn quanh bờ ngõ, thấy chỗ nào cũng đẹp đẽ sang trọng như cảnh của thế giới Tây phương, và cả bọn lúc này tự nhiên đều hướng về Yên chờ đợi, vì tới đây thì chả có ai biết mình phải làm gì, đi đâu nữa. Yên đứng ra phân phối hành lý cột vào các chiếc xe đạp, nào xách cá nhân, nào lều, cọc, rồi nồi niêu son chảo... đầu đậy xong xuôi cả bọn lên yên đạp về hướng hồ Than Thở. Thật ra Yên cũng chỉ biết đại khái hướng đi thôi, phải vừa đi vừa hỏi đường, lần hỏi cũng đến đất trại. Tới đây mấy tay Hướng đạo hoàn toàn làm chủ tình hình, điều động anh em mỗi người một việc, dựng lều cách không xa bờ hồ Than Thở để tiện việc lấy nước nấu ăn và rửa ráy. Tất cả sáu người đều ngủ chung trong một lều, lấy lá thông khô trải dưới đất làm thành một tấm đệm dày rồi phủ một tấm bạt lên trên, chúng tôi đã trải qua những “đêm trong rừng” hoàn toàn ấm và êm. Thời ấy khu hồ Than Thở đúng là “rừng,” vắng vẻ tuyệt nhiên không có một bóng nhà dân, mặt nước hồ luôn tĩnh lặng như một tấm gương lạnh buốt, chúng tôi hoàn toàn có cảm giác sống nơi hoang dã, mặc dù rừng thông trông hiền lành không rậm rạp đầy bí mật giống như rừng nhiệt đới. Mọi thứ chung quanh thoáng đãng, sạch sẽ và xinh đẹp. Và yên lành nữa. Chúng tôi ngày nào cũng đi chơi, thăm thú nơi này nơi kia của Đà Lạt, bao nhiêu đồ đạc đều để lại lều, vậy mà không hề bị mất mát hay có dấu hiệu lục phá gì cả. Dân Đà Lạt hồi đó rất tử tế, ai cũng tử tế, kể cả mấy ông cảnh sát, khi chúng tôi cần hỏi han điều gì mọi người đều rất ân cần, chỉ dẫn đến nói đến chốn với một thiện cảm rõ rệt. Ngay cả tới ngày nay, sau một đời lặn lội nhiều nơi trên đất Việt Nam cũng như thăm viếng nhiều nơi trên thế giới, tôi cũng không tìm thấy ở đâu mà con người lại tử tế đôn hậu như người Đà Lạt thời ấy. Tôi chưa tìm hiểu nguyên do gì đã tạo nên một đời sống an lành như vậy tại vùng đất cao nguyên đó, nhưng ấn tượng về một xã hội êm ả kiểu như Đà Lạt năm xưa vẫn theo tôi mãi cho đến ngày hôm nay, như một giấc mơ.

Dĩ nhiên Yên là người hướng dẫn mọi chuyến đi chơi và thăm viếng. Hồ Xuân Hương, thác Cam Ly, rừng Ái Ân, lăng Nguyễn Hữu Hào... Năm ấy những chiếc xe ủi đất đang làm việc để chuẩn bị xây khu chợ mới, làm vỡ ra những mảng đất đỏ đỏ tươi. Chợ và phố xá chỉ mới quanh quẩn trên khu Hòa Bình. Với túi tiền học sinh, chúng tôi không dám vào bất cứ tiệm ăn nào, nhưng một hôm bỗng Yên đề nghị cả bọn đi uống cà phê! Thú thật hồi đó tôi chưa có thói quen uống cà phê, và chắc cậu nào cũng vậy, chưa thực sự biết cái ngon của cà phê, nhưng ai cũng háo hức đồng ý làm như ta là tay sành sỏi lắm. Sau khi kiểm điểm lại tiền bạc, tôi nhớ cả bọn vào một quán cà phê cùng dãy với hiệu Chic Shanghai, và kêu cà phê phin. Nhưng những cái phin xuống rất chậm, ngồi mãi ngồi mãi mà nó cứ lâu lâu mới nhỏ xuống một giọt, cả bọn đâm ra nóng ruột và lúng túng như vừa vào một trò chơi mà mình chưa nắm vững luật chơi. Mà quả thật như vậy, châu cà phê đó chẳng ra làm sao cả, cuối cùng pha chế lung tung để uống cho xong, và chắc chắn chẳng thấy ngon lành gì. Nhưng đó là một mạo hiểm có tính cách văn nghệ đầu tiên mà Yên đã đem lại cho cả bọn, nhân chuyến đi chơi tại thành phố thơ mộng cao nguyên.

Chiều nào chúng tôi cũng về lều sớm để còn lo nấu cơm ăn trước khi trời tối. Chuyện chợ búa nấu nướng hầu như nhờ hẳn vào mấy tay hướng đạo, trong đó Yên là một. Hồi đó tụi tôi ăn như hùm, bữa nào cũng nấu một nồi cơm lớn với một thau thức ăn gồm nhiều thứ rau cải Đà Lạt và ít thức ăn mặn mua ở chợ, cả bọn đánh sạch nhẵn. Cơm xong thì trời tối, một đồng lửa trại to tướng được gầy lên và cả bọn ngồi quanh ca hát trò chuyện đến khuya. Bấy ngày đóng trại bên hồ Than Thở chúng tôi không hề bị một ai đến làm phiền hà, thậm chí không một giới chức chính quyền địa phương nào đến hỏi chúng tôi là ai, đến đây làm gì v.v...

Đó là chuyến đi chơi vô tư cuối cùng của đời chúng tôi, khi cả bọn chỉ mới

*Khi mới lớn tuổi mười lăm mười bảy  
Làm học trò mắt sáng với môi tươi.*

Hai câu đó của một bài thơ đăng trên tờ Sáng Tạo thời bấy giờ bọn tôi ai cũng thuộc và đã đọc vang trong không khí vắng lặng của rừng hồ Than Thở.

Đối với Đỗ Ngọc Yến thì sự vô tư càng sớm chấm dứt, sớm hơn tất cả chúng tôi. Nhưng đó là chuyện về sau. Đi chơi Đà Lạt về chúng tôi thân thiết với nhau hơn, và cùng nhau làm một tờ báo chuyên tay vào dịp cuối năm theo công thức mỗi người tự tay viết và trình bày bài của mình, rồi đóng chung lại thành một tập. Tập ấy cuối cùng do Trần Đại Lộc giữ, nhiều năm sau tôi hãy còn thấy tại nhà Lộc, nhưng bây giờ thì quả thật đã mất hút với thời gian. Năm ấy trường Petrus Ký cũng ra một tờ báo vào dịp Tết, nhưng lớp chúng tôi hầu như không ai có bài đóng góp, có thể vì còn non nớt quá, tôi nhớ có bài của Đinh Cường lúc bấy giờ đang học Đệ Nhất, viết về họa sĩ Picasso.

Niên học 1958 - 1959 cả lớp chúng tôi cùng lên Đệ Nhị C, và được nhà trường giao phó việc làm báo Xuân, vì hình như từ năm đó Petrus Ký không có lớp Đệ Nhất C nữa. Đỗ Ngọc Yến được cử làm trưởng ban Báo chí của trường. Tôi nghĩ đây là trách nhiệm về báo chí quan trọng đầu tiên của đời Yến. Thời gian gần Tết năm ấy chúng tôi lại có dịp làm việc chung với nhau để lo cho tờ báo Xuân Petrus Ký, đó là một thời gian rất hào hứng, được nhà trường “cưng” dành cho nhiều ưu tiên, kể cả việc nghỉ một số giờ để đi lo việc nọ việc kia. Cũng như việc làm báo của ngày nay, hồi đó chúng tôi lo hai việc chính, là bài vở và quảng cáo. Bài vở thì lớp Đệ nhị C đóng góp phần lớn, nhưng đặc biệt có một truyện ngắn của Dương Nhiễm Mậu, do Yến xin được do quan hệ riêng. Chúng tôi lấy làm phục Yến lắm, vì hồi đó cả lớp của tôi, coi như lớp văn chương cao nhất trường, chưa ai quen biết gì với thế giới văn nghệ của Sài Gòn cả. Chúng tôi cũng đi kiếm quảng cáo rất tích cực, vì được ăn hoa hồng khá cao khiến anh nào cũng cố gắng để kiếm thêm tiền tiêu Tết. Việc làm báo cũng cho chúng tôi một số kinh nghiệm về nhà in, vì phải lui tới nhà in nhiều lần để sửa morasse. Tôi nhớ đó là một nhà in trên đường Trần Hưng Đạo gần rạp Đại Nam. Một bác thợ già rất ân cần với đám học sinh chúng tôi, tôi nhớ mãi một câu bác nói về việc sửa bản vữa: “Không bao giờ có thể sửa sạch lỗi một trăm phần trăm. Cháu biết ông Nguyễn Hiến Lê không? Ông là người sửa bản in thử kỹ nhất, mỗi cuốn sách ông sửa đi sửa lại sáu lần, nhưng cuốn nào rồi cũng phải dính kèm một bản Đính chính.”

Nhưng cũng trong năm Đệ nhị Yến bỗng rất phóng túng trong việc học hành. Hầu như chẳng bao giờ làm bài, và đùa giỡn với kỷ luật nhà trường. Một hôm giáo sư Phạm Thế Ngũ phát bài luận văn đã chấm cho học sinh, và kêu tên từng người để ghi điểm vào sổ. Khi kêu đến tên Đỗ Ngọc Yến thì có tiếng hô ngay không chút ngập ngừng: “Thưa thầy 5 điểm.” Giáo sư Ngũ đặt cây bút xuống bàn, chậm rãi đưa mắt nhìn xuống cuối lớp nơi Yến đang ngồi, nói rất thông thả: “Trò Yến đưa bài của trò cho tôi xem.” Thầy Phạm Thế Ngũ vẫn gọi học trò bằng “trò,” một lối xưng hô khá xưa. Thì ra thầy đã để ý biết trước là Yến không làm bài. Yến bối rối đứng dậy: “Thưa thầy... em xin lỗi thầy... em không có làm bài...” Dĩ nhiên sau đó là một màn la rầy, rồi sau thầy cũng tha.

Một lần khác cả lớp học Vật lý ở phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm cũng là một lớp học nhưng làm theo lối rạp hát, các hàng ghế sau cao dần lên, nhưng sau hàng ghế cuối thì là một cái hầm có bậc thang đi xuống, dùng để chứa dụng cụ thí nghiệm. Trời buổi chiều nóng nực, Yến lên xuống dưới hầm, cởi áo và nằm thành thoi ở dưới đó cho mát. Thầy Võ Văn Tùng lúc đó đang học Y khoa, dạy giờ tại Petrus Ký, không hay biết gì cả, cứ giảng bài nhưng nghe trong lớp khúc khích cười mãi sinh nghi bèn đi quanh lớp một vòng. Lên đến hàng ghế cuối nhìn xuống dưới hầm quả nhiên thấy Yến đang nằm dưới ấy...

Sự buông lỏng phóng túng trong việc học như thế của Yến như dự báo một cái gì bất tường. Quả nhiên sự ấy đang tới, rất gần. Ngay trước khi làm xong báo Xuân, dùng một cái, Yến bị kêu ra tòa. Phiên tòa xử cái tội biểu tình mùa hè năm trước. Bây giờ tôi mới vỡ lẽ, người tổ

chức cuộc biểu tình năm ngoái chính là Đỗ Ngọc Yến. Và mọi việc không phải đã trôi vào quên lãng như tôi đã tưởng. Các đợt sóng ngầm vẫn âm thầm hoạt động để nhằm trừng trị cái tội dám biểu tình đòi hỏi này nọ. Lúc đó tôi mới để ý đến con người đa dạng của Yến, đó là một thiếu niên có một quan hệ xã hội hết sức rộng rãi và rắc rối chứ không đơn giản là một học sinh cơm cha áo mẹ chữ thầy như hầu hết chúng tôi.

Nhưng đến ngày tòa xử thì một biến cố bất ngờ xảy ra làm cho tòa phải tuyên bố đình chỉ vụ án vô hạn định: học sinh các trường công tư của Sài Gòn đã đổ dồn về pháp đình đông quá, lấp đầy các ngã đường quanh tòa án, có lẽ làm cho nhà cầm quyền sợ sẽ có một hậu quả khó lường nếu tòa cứ xử, cứ tuyên án. Chính quyền đã chọn thái độ không bắt mà cũng không tha, nhưng trong thực chất là tha. Tôi nhớ sau vụ này báo Tự Do có viết một bài bình luận ngụ ý chế chính quyền đã xé ra cho to một vụ việc không đáng, mấy cậu học sinh có làm gì sai quấy thì cứ đét vào đít mấy roi là xong, việc gì phải làm ồn ào ra tòa này nọ, để rồi cuối cùng... chịu thua. Nhưng bây giờ nhớ lại cái hiện tượng học sinh xuất hiện đầy đường ngày Yến ra tòa, tôi nghĩ chắc phải có một bàn tay đạo diễn ngầm, có thể theo truyền thống vụ trò Ôn năm xưa.

Tòa án không xử nhưng Yến vẫn bị một hình thức kỷ luật rất bất công, đó là bị đuổi học. Rõ ràng là chính quyền ra lệnh cho nhà trường đuổi học, chứ đối với nhà trường Yến không phạm tội gì cả, nếu không nói là có công, vì đang làm trường ban báo chí cho cả trường. Không phạt được bằng tòa án thì tạm phạt bằng học đường vậy. Đối với Yến, đến năm Đệ nhị, đúng 18 tuổi, thì đã là: “sòng đời thua hẳn cả thơ ngây.” Nhưng vấn đề là Yến còn thơ ngây đến mức nào, vào thời điểm ấy?

Buồn nhất là ban báo chí chúng tôi, đang ngon lành bỗng dưng mất người trưởng ban! Một người bạn thông minh, tháo vát và chịu chơi. Nhưng chỉ tạm mất nhau trong một thời gian thôi, về sau duyên hây còn dài, nhưng lúc ấy thì đã hết tuổi học trò...

## Ông Đỗ Ngọc Yến và Người trên mây Ngô Xuân Hậu

### Có con chim hót

*Trở về sau mỗi đám tang*

*Thấy hồn nặng nặng thấy tâm buồn buồn*

*Nghe trong cái cõi vô thường*

*Có con chim hót giữa phường phố im.*

Trước khi nói tới mối giao tình khá đặc biệt giữa Người Trên Mây và Ông Đỗ Ngọc Yến, Chủ Nhiệm sáng lập Nhật Báo Người Việt, có lẽ không thể không nhắc đến cái nguyên nhân xa gần có cái hỗn danh “Người Trên Mây”!

Số là, vào ngày 4 tháng 7 năm 1999, tôi có viết cho quý vị có thẩm quyền trong các ngành Hành pháp, Tư pháp và Lập pháp Hoa Kỳ một lá thư vào khoảng 3 trang đánh máy, nội dung trong thư đề cập tới nhiều vấn đề theo tôi là hệ trọng. Trong đó, tôi đề nghị một mô hình mới: “Một vườn địa đàng mới cho toàn thể nhân loại”, nghĩa là ở một vùng đất rộng đâu đó của lãnh thổ Hoa Kỳ, trong đó kiến trúc toàn cầu được thực hiện với diện tích thu hẹp tới một tỉ lệ thích nghi, rồi theo mô hình ấy mà xây dựng cái gọi là “MỘT THẾ GIỚI ĐẠI ĐỒNG THU HẸP”, với những nét đặc thù tiêu biểu của từng Quốc gia, những khu du lịch và giải trí.. tuyệt vời hơn ( như kiểu Disneyland nhưng rộng lớn hơn nhiều) cho từng khu vực... Và quả thực! Lối sáu tháng sau, vào ngày 12-1-2000, nhật báo Người Việt số 5149, có in hình Tổng Thống Bill Clinton, dân biểu Pastor, Bộ Trưởng Nội Vụ Bruce Babbitt, dân biểu Sam Farr, Giám đốc công viên hồ Meade là

Alan O'Neil và Roger Taylor Giám đốc vùng của sở quản trị điền địa, ký ngay tại chỗ nghị định dành hơn một triệu mẫu tây đất làm công viên...

Sự thể đơn giản chỉ có thể nhưng tùy thuộc vào khả năng và tầm nhìn xa trông rộng của mỗi người... Khi nghe kể lại sự thể như thế, ông Đỗ Ngọc Yến đã nói với người bạn trong giới truyền thông rằng: *"Ngô Xuân Hậu, đúng là "Người Trên Mây"!*

rồi ông nhân xét tiếp: chỉ có Người đi trên mây mới làm được những việc như vậy. Và Ông không quên nhắc với người bạn của tôi rằng:

*"Nhấn với Ngô Xuân Hậu phải ráng giữ gìn sức khỏe để chờ đến ngày công trình kia hoàn thành".*

Vì thời gian đó tôi cũng như ông Yến thường ra vô bệnh viện hoài...

Ai ngờ Ông lại ra đi trước tôi, dù Ông thua tôi tới mấy tuổi!

### **THĂM ĐỖ NGỌC YẾN CŨNG CẦN PHẢI CÓ DUYÊN**

Nghe đâu có một số anh em văn nghệ văn gừng muốn tới thăm Ông Đỗ Ngọc Yến ..nhưng nguyên cái việc có thực sự vào thăm được cũng không phải chuyện dễ dàng, chỉ vì căn bệnh của ông phải dùng thuốc ngủ thường xuyên (có thể là chống cơn đau). Có một lần, tôi và nha sĩ Phạm Đình Tuấn dự định tới thăm, thỉnh linh ông Tuấn có việc cần phải đi gấp, tôi trấn an ông Tuấn: *"Ông Đỗ Ngọc Yến xem ra nặng nợ hơn mình, có khi mình đi rồi mà Yến vẫn còn, chưa biết chừng!"*

Cho tới khi ông Tuấn về lại nhà và cùng tôi tiếp tục ý định ban đầu, lúc ấy đã vào buổi tối. Hai chúng tôi đi với một trí nhớ mang máng nên qua đến 4, 5 con đường, hỏi thăm 9, 10 nóc gia, mới kiếm ra được nhà Ông Bà Yến thì trời đã hơi khuya. Gõ cửa, Bà Đỗ Ngọc Yến ra mở. Chúng tôi nói rõ chủ đích muốn tới thăm Ông Yến. Thấy bà Yến ngần ngừ thì chúng tôi nói thêm "xin cho tùy duyên". Và chúng tôi sắp sửa quay gót thì ông Yến từ trong phòng đi ra... Thế là tối đó ba chúng tôi đàm đạo khá tương đắc, riêng Ông Yến lúc ấy lại tỏ ra rất là sáng suốt thâm trầm và sâu sắc...Đó cũng là lần cuối cùng chúng tôi có duyên đàm đạo với ông Đỗ Ngọc Yến..

Nhớ lại trước kia nữa.. đã lâu lắm rồi, từ thời gian đầu tiên, khi tờ báo Người Việt còn trong trứng nước, trong lúc "trà dư, tửu thiếu" tôi đã có cao hứng nói với Ông Đỗ Ngọc Yến: *"Nếu làm báo, tôi sẽ làm với Ông"*

Sau này, vì lý do riêng và hoàn cảnh đặc biệt tôi có viết một vài bài báo, mấy bài thơ và in một hai cuốn sách...Nhớ lại như vậy, tôi thấy lẩn thẩn và tự hỏi: Như vậy có phải tôi là đã thất hứa với ông ấy chăng?!

Từ cái hỗn danh "Người Trên Mây" sang đến những lần gặp gỡ tự nhiên mà đầy chân tình, ông Đỗ Ngọc Yến đã khiến tôi cảm thấy nhẹ nhàng hơn về những lời hứa cao hứng ngày xưa mình chưa một lần hiện thực...

### **NGƯỜI VIỆT SINH HOẠT VỚI NHAU NHƯ MỘT ĐẠI GIA ĐÌNH**

Sực nhớ, mỗi lần gặp họa sĩ Hồ Thành Đức, ông này thường nửa đùa nửa thật nhắc nhở câu này của Khổng Tử: "Người quân tử cư xử với nhau như nước lã". Tôi không biết người xưa thực sự đã đối đãi với nhau ra sao. Riêng sinh hoạt của anh chị em cùng làm việc trong nhật báo Người Việt mà tôi được biết lâu nay thì tôi cho rằng ít nhất người ta thời nay đối đãi với nhau không như "nước lã".

Tình cờ vào một buổi chiều thứ sáu nào đó cách đây cũng đã lâu, ông Đỗ Ngọc Yến có mời tôi dùng bữa cùng với anh em nhật báo Người Việt, tại phòng ăn của tòa soạn báo. Tôi chứng kiến nhân viên tờ báo này sinh hoạt với nhau y như một đại gia đình, vui vẻ, thoải mái, ấm cúng. Và nếu tôi không lầm thì hình như chiều thứ sáu nào cũng vậy, nếu không phải là phở thì cũng bún bò, mì quảng hay một món Bắc, Trung, Nam khoái khẩu khác...

Có một lần, vì thích cái sinh hoạt gia đình thân mật và ấm cúng đó, tôi có đề nghị với Phạm Quốc Bảo:

- Để mình đãi bạn và anh em Người Việt một bữa tại đây cho vui.  
Phạm Quốc Bảo đã từ chối khéo: Cậu là khách của Người Việt mà!...

### TINH THẦN ÔNG ĐỖ NGỌC YẾN

Từ ngày bệnh tình Ông Đỗ Ngọc Yến mỗi ngày một xấu hơn và bệnh tình của tôi thì trái lại, mỗi ngày một khá hơn...Tôi tới báo Người Việt cũng thường hơn: khi thì Quán Văn của Phạm Quốc Bảo, khi thì thăm tờ Văn Hóa của Lý Kiến Trúc, lúc tham dự mấy sinh hoạt văn hóa văn nghệ ở phòng sinh hoạt của báo Người Việt... Mới đây, tình cờ đi qua các phòng làm việc của anh em báo Người Việt mới phát giác ra tinh thần của Ông Đỗ Ngọc Yến vẫn cứ bâng bạc ở trong đó: Mọi người đều siêng năng vui vẻ, làm việc một cách hăng say không mệt mỏi cho một công việc mà xem ra đồng lương rất khiêm nhường...

Tôi rất là kính phục nhưng hơi lầy làm tiếc là tại sao cái tinh thần đó chỉ thu hẹp ở mấy chục anh chị em của nhật báo Người Việt. Nếu nó được lan ra khắp cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại và phát huy tại quê nhà trong tương lai thì quý biết bao!

Sự hiểu biết sâu sắc, thâm trầm và cái nhìn rộng mở không so đo, không mặc cảm, không đố kỵ. Những đức tính ấy rất cần cho những nhà lãnh đạo, những nhà lãnh tụ... Rất tiếc tài năng, đức độ ấy chỉ thu hẹp trong phạm vi của mấy chục người, dù rằng tiền đồ của nó nếu biết khai thác và phát triển một cách nghiêm túc thì tương lai của nó vẫn không lường được ... Ngoài ra, một trong những đức tính đáng quý khác của Đỗ Ngọc Yến là hầu như ông không thanh minh với ai về bất kỳ sự hiểu lầm hay ngộ nhận nào, nếu không cực kỳ cần thiết...

Cũng bắt chước tinh thần ấy, xin chấm dứt bài này với 4 câu thơ:

*Kể từ lều lổng đêm ngày  
Vui buồn khắp chốn chân mây cuối trời  
Thơ xin như một nụ đời  
Như sao khuê hát giữa trời tịnh không...*

Vĩnh biệt Đỗ Ngọc Yến.

### Ông Đỗ Ngọc Yến qua đời

Chủ nhiệm sáng lập Nhật Báo Người Việt, ông Đỗ Ngọc Yến, đã qua đời lúc 4 giờ 30 phút chiều ngày Thứ Năm, 17 Tháng Tám năm 2006, tức ngày 24 Tháng Bảy năm Bính Tuất, tại bệnh viện Fountain Valley, California, sau khi đã chịu đủ các phép bí tích.

Ông Đỗ Ngọc Yến, tên thánh Rémi, sinh năm 1941 tại Sài Gòn, đã bắt đầu xuất bản báo Người Việt từ năm 1978, rồi cùng nhiều bạn hữu và gia đình gây dựng thành tờ nhật báo hiện nay có số người đọc đông nhất ở hải ngoại. Nếu không kể các tờ báo tiếng Việt Nam do chính quyền chủ trương thì nhật báo Người Việt là tờ báo của tư nhân Việt Nam có đời sống lâu dài nhất.

Ông Đỗ Ngọc Yến qua đời để lại vợ là bà Lã Phương Loan, ba cô con gái: Đỗ Bảo Anh, Đỗ Châu Dao, Đỗ Phương Liên và con trai là Đỗ Ngọc Tùng. Gia đình ông vốn gốc quê ở Nam Định, song thân ông đã vào lập nghiệp ở miền Nam từ khi còn trẻ.

Ông Đỗ Ngọc Yến đã học trường Trung Học Trương Vĩnh Ký rồi tự học để đậu bằng Tú Tài Việt Nam. Ông đã ghi tên theo học tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn nhưng không theo đuổi một bằng cấp nào. Ông dành thời gian tham gia các hoạt động thanh niên và sinh hoạt báo chí từ khi còn học trung học.

Từ năm 1964 ông Đỗ Ngọc Yến đã viết cho các nhật báo Sống, Sóng Thần, Đại Dân Tộc, tạp chí Văn Nghệ, tuần báo Đời, và nhiều tờ báo khác. Bắt đầu từ thập niên 1970 ông cộng tác với nhiều phóng viên các báo ngoại quốc hoạt động tại Việt Nam.



Tham gia Phong Trào Hướng Đạo từ thuở thiếu niên, ông Đỗ Ngọc Yến cũng tham dự vào sinh hoạt của các đoàn thể thanh niên khác và làm ủy viên báo chí của Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn trong niên khóa 1964-1965, cùng thời với ông Lê Hữu Bôi là chủ tịch. Ông tham gia ban lãnh đạo các chương trình tự nguyện của thanh niên như Công Tác Nông Thôn, Cứu Lạt năm 1964, Kế Hoạch Xây Đồi Mới, vân vân.

Năm 1965 ông được bầu làm Tổng Thư Ký Chương Trình Công Tác Hè 1965, nơi quy tụ sinh hoạt của nhiều hội đoàn thanh niên, như Nam Hướng Đạo và Nữ Hướng Đạo, Gia Đình Phật Tử, Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn, các đoàn sinh viên, thanh niên Công Giáo cũng như Phật Giáo. Đây là các tổ chức hoạt động trong một Mùa Hè nhưng đã huy động được hàng trăm ngàn thanh niên, học sinh và sinh viên trên 40 tỉnh khắp miền Nam Việt Nam thực hiện được rất nhiều công tác hữu ích cho đồng bào.

Báo Người Việt do ông Đỗ Ngọc Yến sáng lập hiện nay đã phát triển thêm hoạt động trong các đài phát thanh VNCR, tạp chí Thế Kỷ 21, và tờ báo trên mạng lưới Nguoiviet Online hiện mỗi ngày có bốn năm chục ngàn người vào đọc, ở khắp thế giới kể cả Việt Nam.

Bà Lã Phương Loan là người bạn đời của ông Đỗ Ngọc Yến từ năm 1964. Vốn là một giáo sư Anh văn tại trường Trung Học Nguyễn Trãi, Sài Gòn, bà đã hết lòng hỗ trợ chồng từ những ngày đầu khi ông xuất bản Nhật Báo Người Việt. Người con gái ông là Đỗ Bảo Anh hiện là một phó tổng giám đốc công ty Người Việt và phụ trách tuần báo Người Việt 2, viết tiếng Anh. Cô Đỗ Châu Dao hiện làm việc tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ.

Gia đình ông Đỗ Ngọc Yến chưa cho biết tang lễ sẽ được tổ chức vào ngày nào, khi được tin chúng tôi sẽ loan báo tiếp.

## Giỗ mãn tang Đỗ Ngọc Yến Võ Long Triều

Năm nào vào ngày giỗ chồng, bà Đỗ Ngọc Yến cũng đích thân mời tôi vì bà biết mối liên hệ mật thiết giữa Yến và tôi qua nhiều năm, xuyên suốt từ 1966 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975. Và năm nào dù ở xa, dù bận việc gì tôi cũng về Orange County dự lễ kỷ niệm người bạn, người cộng sự viên, người em tốt bụng, Đỗ Ngọc Yến. Tôi đang nói chuyện vui vẻ với hai anh bạn Đình Hồng Phong và Nguyên Huy trước khi nhập tiệc, bỗng nhiên anh Đình Quang Anh Thái xẹt ngang nói nhỏ: Tí nữa tôi mời anh lên nói vài câu về Đỗ Ngọc Yến nhé. Tôi từ chối nhưng anh không chịu nghe bỏ đi tuốt, lảng xảng lo việc của anh.

Anh Phan Huy Đạt khai mạc buổi tiệc, chị Yến có đôi lời cảm ơn và nói “Bây giờ nhà tôi yên nghĩ và vui mừng thấy đông đủ bạn bè tập hợp nơi đây”. Đình Quang Anh Thái lại thêm rằng “Qua bao nhiêu cơn sóng gió rồi bây giờ anh ấy mới được nghỉ yên”. Nói xong anh Thái lại gọi tôi, thôi thì đành phải lên, nói vài câu về nghiệp làm báo của Đỗ Ngọc Yến và tôi rồi tôi bắt sang lời phát biểu của anh Thái.

Tôi khẳng định với tư cách là người cộng sự với Đỗ Ngọc Yến từ Bộ Thanh Niên mãi cho đến ngày “đứt phim sập tiệm” tôi biết rõ tính tình và lý tưởng của anh Yến. Anh là người quốc gia, Công Giáo không thể nào chấp nhận Cộng sản được. Ngoài việc năng nổ hăng say hoạt động anh “hề hà” bỏ qua mọi chuyện. Anh quen nhìn tới không muốn nhìn lui, anh lạc quan, đứng trước khó khăn trở ngại, anh luôn nói: “Thầy kệ nó mình tính tới anh” hoặc anh lảng thính một mình điều chỉnh mọi sai sót. Anh tốt bụng, bao che cho mọi người, mỗi khi tôi bất bình phê phán ai, anh thường hay can thiệp và cũng luôn nói: “Thầy kệ nó anh”.

Vậy thì hôm nay tôi khẳng định với anh chị rằng, đối với Yến không có sóng gió gì cả, anh đã nghỉ yên ngay từ ngày anh khởi sự ngủ giấc nghìn thu. Tôi còn nhớ đọc trong quyển sách bạn bè viết về Đỗ Ngọc Yến có người thuật rằng anh phụ trách một trại công tác hè ở miền Trung

mà cạn tiền chi mua ẩm thực cho trại sinh, trong lúc kinh phí chưa kịp giải ngân, anh bình tĩnh về nhà lấy hết nữ trang của vợ đem bán để tạm thời ngăn chặn “sóng gió” xảy ra. Tôi ngạc nhiên hơn cả là anh giấu luôn không cho vợ biết, và cũng không khấu trừ kinh phí lấy lại tiền bán nữ trang của vợ. Đến khi chị Yến biết được, chị cũng làm thinh luôn. Ai lấy? “Thầy kệ” không cần truy cứu làm gì cho sanh chuyện. Đồng vợ đồng chồng hai người đã tát cạn biển Đông! Nhắc lại câu “qua bao nhiêu cơn sóng gió” tôi thấy vừa buồn vừa tiếc vừa ngạc nhiên. Buồn vì người ta hiểu lầm về Đỗ Ngọc Yến, tiếc vì những người gọi là “Quốc Gia” chống cộng gây ra sóng gió bằng cách chụp mũ bôi lọ người khác, nhưng thực tế tôi không thấy có hiệu năng và kết quả gì ngoài việc giúp vui cho Cộng sản biết người ta khen mình có được thêm bạn! Dù là sai sự thật nhưng cũng làm cho kẻ thù mình nao núng. Ngạc nhiên là những người “Quốc Gia” đó không chịu suy xét trước khi phát ngôn, trước khi hạ bút viết, trước khi hành động. Người ta chứng hình anh Yến ngồi với mấy thằng Việt cộng chẳng làm tôi xốn mắt tí nào. Ký giả Lý Kiến Trúc đã từng ngồi với đại sứ Việt cộng là chuyện bình thường. Anh Trúc viết lại những lời biện hộ khôi hài của Lê Công Phụng là phải. Còn Đỗ Ngọc Yến không viết ra những lời trích thượng hay tuyên truyền láo khoét của Cộng sản cũng phải luôn.

Tôi còn nhớ trong một buổi họp đồng đảo hội đoàn tại Paris bàn việc yêu cầu chính phủ pháp áp lực với Việt cộng đòi trả tự do cho Nguyễn Đan Quế và Đoàn Viết Hoạt, có người dám công khai phát biểu nói rằng: Nguyễn Đan Quế là Cộng sản, chịu khổ nhục kế để ra ngoại quốc hoạt động cho Cộng sản! Tôi ngồi trên bàn chủ tọa cảm thấy vô cùng khó chịu. Tội nghiệp anh bạn này không hề biết tôi đã ở tù chung phòng với Quế và Hoạt năm năm ròng. Tôi hỏi, anh là người quốc gia chân chính, thừa lòng can đảm hy sinh, anh có bằng lòng chịu tù 11 năm, thả ra rồi bắt lại không biết ngày nào ra để trả hàng hoạt động cho quốc gia không? Anh ta đứng trơ không trả lời. Tôi kể tiếp, tôi là người chứng kiến Bác Sĩ Quế từ chối không khám bệnh cho tên Trung Úy trưởng khu viện, lý rằng anh Quế là tù nhân không có tư cách chữa bệnh cho cán bộ Cộng sản. Tôi nghĩ đa số những người sống trong hoàn cảnh đó sẽ bằng lòng khám bệnh để hưởng ơn mưa móc. Vậy tôi xin hỏi nếu anh ở vào trường hợp đó anh sẽ trả lời như thế nào? Anh ta lặng thinh trơ trên, rồi bẽn lễn biến mất.

Tôi sang Mỹ gặp lại khá đông học trò cũ, những ông kỹ sư nông nghiệp đáng kính của tôi, lại có một anh nói: Thầy ơi, có một thằng, em không dám khai tên nó với thầy, nó nói thầy là Cộng sản chịu khổ nhục kế để trả hàng sang đây hoạt động cho Cộng sản! Tôi trả lời phải rồi! Em nói với nó thân phụ của thầy là Thiếu Tá Nội an tỉnh Bến Tre bị Việt cộng gán một hỗn danh là “hùm xám” và lên án tử hình. Em ruột của thầy Thiếu Tá Võ Thành Tôn, binh chủng Thiếp giáp chết tại trại tù Nam Hà. Nhà cửa tài sản của thầy và của gia đình bị tịch thu ngay những ngày đầu Cộng sản chiếm miền Nam. Bản thân thầy chịu ngồi tù 11 năm để dễ bề làm kẻ trá hình. Em chỉ cần nói với nó vậy thôi, không cần dính chánh hay trách mắng gì cả. Định cư tại Pháp từ năm 1991 đến 1997 tôi cũng đã từng đọc và nghe nói đến nhiều người bị chụp lên đầu cái nón cối của bộ đội Bắc Việt có dấu hiệu cờ đỏ sao vàng. Và nhiều khác người khác bài bác rằng Bùi Tín và Nguyễn Chí Thiện là Cộng sản trá hình! Đối với tôi trong hoàn cảnh chính trị hiện tại của đất nước, bất cứ ai nhắm thẳng vào Cộng sản mà bán bằng lời, đâm bằng mũi viết, tôi hoan nghênh và xem họ là đồng đội, đồng hành trong giai đoạn, dù là tạm thời hay có thể là vĩnh viễn. Gần đây nhất, tôi có đọc bài viết của nhà văn Chu Tất Tiến phổ biến trên Internet khoe rằng ông được người ta tặng cho cái mũ “tai bèo” có hai chữ Cộng sản. Và trong tương lai không biết còn bao nhiêu nhân vật khác được tặng quà nữa cũng chưa biết được. Cũng gần đây thôi, phong trào đòi trả lại tên Saigon, do linh Mục Nguyễn Hữu Lễ lãnh đạo, đã ra một DVD “Sự Thật Về Hồ Chí Minh” được cộng đồng người Việt ở khắp nơi trên thế giới và cả trong nước ủng hộ làm cho Công sản rúng rính và chúng đang tìm biện pháp đối phó. Ấy vậy mà cũng có người viết bài phê bình Linh mục Lễ làm lợi cho Cộng sản!

Trở về cơn sóng gió đã qua đối với nhà báo Đỗ Ngọc Yến, bị lên án là tay sai Cộng sản mặc dù anh đã qua đời, tôi ngạc nhiên, có thể nói là buồn cười vì tôi biết người cộng sự viên của tôi rất rõ, tôi còn biết thêm anh Yến là nhân viên của phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo được Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình xác nhận. Buồn cười là người ta không chịu đọc và nghiên cứu tin tức bài viết chứng minh lập trường của tờ báo Người Việt qua cả chục năm trời. Nếu rủi ro có một sai sót nào đó do một nhân viên tòa soạn gây ra, hay là có ai muốn phá đám cũng không biết chừng, để làm giảm uy tín cơ quan này, cho cơ quan khác vươn lên.

Báo Người Việt đã sửa sai chần chừ, nhưng người ta vẫn vịn vào đó mà hô to báo này thân Cộng. Kết quả của những hành động chống Cộng sản kiểu đó không cho tôi thấy cộng sản hài lòng, đồng bào hải ngoại bị thiệt hại chỗ nào? Trong khi tờ báo Người Việt vẫn thẳng đường giữ một lập trường quốc gia chống Cộng qua biết bao nhiêu bài viết của trí thức, học giả, chính trị gia phổ biến hằng ngày trên mặt báo. Và nhứt là bài xã luận chính thức do anh Ngô Nhân Dụng viết thường xuyên. Lập trường và lý tưởng của một người có thể xét qua lời nói và hành động, lập trường và lý tưởng của một cơ quan báo chí hay truyền thông có thể hiểu và xét đoán dứt khoát qua một số bài viết hay hình ảnh truyền đi trên làn sóng điện. Vậy chúng ta nên đọc kỹ, suy nghĩ rồi hãy xét đoán nhật báo Người Việt.

Tiếc rằng những thiện chí, những sự kiên trì, hy sinh, chịu khó và công khai đứng ra tố cáo ông A, bà B, cơ quan truyền thông này, truyền hình khác là thiên Cộng hay tay sai Cộng sản. Tại sao những người “quốc gia chân chính và tích cực” đó không dám công khai đứng ra hô hào lãnh đạo một phong trào chống Cộng sản bán nước và Trung Quốc xâm lăng? Tôi tin chắc đồng bào hải ngoại và trong nước sẽ hoan nghênh và hưởng ứng. Toàn dân sẽ đứng sau lưng quý vị hô hào ủng hộ và sát cánh hành động, trong số đông quần chúng đó có bản thân tôi.

### Tôi đi dự giỗ đoạn tang của cố nhà báo Đỗ Ngọc Yến Trùng Dương

Khác với vài trăm người tham dự giỗ ba năm ngày cố nhà báo Đỗ Ngọc Yến qua đời (17 tháng 8,) tôi được cái may mắn dự tới hai đám giỗ anh vào chiều thứ Sáu tuần rồi. Đám giỗ đầu, đơn sơ song thân mật vì là trong giờ làm việc của anh chị em, tại tòa soạn tạm thời trong khu “phố báo” đường Moran, Westmisnter, Calif. của nhật báo Việt Herald vừa mới ra đời được hơn một tháng; và một tại phòng sinh hoạt nhật báo Người Việt ở cuối đường Moran, với sự tham dự của nhiều nhân vật tên tuổi và văn nghệ sĩ trong cộng đồng người Việt ở Quận Cam.

Nhà báo Đỗ Ngọc Yến (1941-2006) sáng lập ra nhật báo Người Việt vào cuối thập niên 1970, vài năm sau khi rời miền Nam sang Hoa Kỳ tị nạn Cộng sản năm 1975. Người Việt là tờ nhật báo đầu tiên, nhiều tuổi đời và có số phát hành lớn nhất của làng báo Việt Nam hải ngoại. Có thể nói không ngoa, như lời một người trong đám giỗ anh tại tòa soạn Việt Herald khi nhìn hình anh Yến trên bàn trưng đồ cúng, là anh là “ông tổ của làng báo hải ngoại”. Nhà văn Nhật Tiến, trong phần phát biểu cảm tưởng tại đám giỗ anh ở phòng sinh hoạt Người Việt, đã kể lại một chuyện cảm động, đó là niềm xúc động đầm nước mắt khi cầm tờ báo Người Việt trên tay ở trong trại tị nạn vào năm 1979 sau khi ông và những thuyền nhân đồng hành còn sống sót, trong đó có cả cặp ký giả tên tuổi Dương Phục và Vũ Thanh Thủy, sau một thời gian bị hải tặc bắt, giam cầm và hành hạ trên đảo Ko Kra trong Vịnh Thái Lan suốt cả tháng trời.

Riêng cá nhân tôi thì, hồi vừa chạy khỏi Sài Gòn vào mùa xuân năm 1975, chẳng những được ở chung lều với gia đình anh Yến và chị Phương Loan cùng các con ở Guam, rồi Camp Pendleton ở Nam California, và sau đó tại “Làng Hy Vọng” tại Weimar, phía bắc Sacramento, dưới sự điều hành của hội thiện nguyện Food For the Hungry. Cũng trong thời kỳ này, hai anh

em tôi đầu lưng làm một trong những "tờ báo" đầu tiên của làng báo hải ngoại, đó là tờ newsletter có tên là Làng Hy Vọng, do anh YẾN viết bài đánh máy, tôi giữ phần... bỏ dấu và trình bày, minh hoạ, vv. Báo in roneo, phát cho bà con trong làng đọc biết tin tức tị nạn và đỡ nhớ nhà. Tôi còn giữ được số đầu tiên, hình như là duy nhất, thấy anh YẾN xem một cách thích thú nên tặng lại anh YẾN khi anh ghé thăm gia đình tôi vào năm 1977 tại Sacramento. Đạo ấy anh vừa thôi việc, giao phó việc nhà và cả mưu sinh cho chị Loan lúc ấy còn ở Texas, để đi đó đi đây tham quan, với ý định xuất bản một tờ báo Việt ngữ. Kết quả của chuyến đi tham quan đó là tờ Người Việt, ra đời tại quận Cam, California, vào cuối thập niên 1970.

Anh YẾN là một trong những người làm báo hải ngoại có một cái đam mê đặc biệt dành cho báo chí, và là người có khả năng thu hút người về cộng tác với anh nhờ tinh thần xã hội, tính khoan hòa, rộng lượng rất hướng đạo sinh. Một việc làm của anh và anh chị em, đặc biệt là cố ký giả Lê Đình Điểu, mà tôi rất ngưỡng mộ, đó là thực hiện một cuốn stylebook cho tòa soạn để thống nhất cách viết, một điều vô cùng thiếu sót trong không chỉ riêng giới báo chí, mà còn cả văn học (tất nhiên là phía tự do) Việt trước 1975 và đến cả bây giờ.

Nhìn hai bức hình của anh YẾN tại hai buổi giỗ, tôi nghĩ có lẽ anh YẾN sẽ vui lắm khi trong cùng một ngày có tới hai đám giỗ dành cho anh, kể cả một đám do nhóm anh chị em vừa tách khỏi nhật báo Người Việt ra xuất bản một tờ báo riêng, đó là nhóm Việt Herald. Tôi nhìn nụ cười rất tươi của anh trong bức hình trưng trên bàn giỗ ở Việt Herald, tưởng tượng như anh đang nói, rất khoan hòa, kiểu hết sức Đỗ Ngọc YẾN: "Ồi chao, càng đông thì càng vui, càng cạnh tranh càng tốt, mỗi tờ báo sẽ nỗ lực làm tốt thêm, càng chỉ lợi cho độc giả được hưởng những món hàng ngày một giá trị và đúng tác phong báo chí hơn, thế thôi, có sao đâu."

Mong vậy thay.

## Tiếng Tơ Đồng và Đỗ Ngọc YẾN Quỳnh Giao

Người ta nói rằng khi điều khiển dàn nhạc, Nhạc Trưởng siêu hạng Arturo Toscanini thường gào lên bằng mắt: "Cantare! Cantare!" Hát lên! Hát lên! Nhạc công của dàn nhạc mà nghe ông thì vỡ chợ và dàn nhạc vỡ nợ! Nhạc Sư, một bậc sư của các nhạc trưởng, Toscanini chỉ đòi các nhạc công phải cho các nhạc cụ trong tay mình biết "hát."

Tinh thần ấy cũng thấy nơi bậc thầy của các nhạc công, là Danh Cầm Vladimir Horowitz, một danh thủ đệ nhất về dương cầm. Có một lần ông phát biểu: "Đánh dương cầm coong coong như thế thì nản quá! Tôi mà nghe thấy vậy thì có hai chọn lựa. Một là ra về, hai là ngủ (tại chỗ)! Mục đích của mình phải là làm dương cầm nó hát, hát, hát!" Hèn gì, ông Horowitz này được ông Toscanini nhận làm con rể.

Quỳnh Giao liên tưởng như vậy khi nhắc đến Đỗ Ngọc YẾN.

Tại sao lại nhớ tới Đỗ Ngọc YẾN khi nhắc đến lời khuyên của các bậc thầy về âm nhạc?

Vì Quỳnh Giao cho rằng ông cũng làm báo như vậy. Là làm mọi người cộng sự đều hát với trang báo. Chứ hát thật thì không vỡ chợ cũng rách báo. Đỗ Ngọc YẾN có thể là một nhạc trưởng trong dàn nhạc giấy mực, chẳng thấy ông chơi một nhạc cụ nào, thí dụ như cầm bút, gõ bìa; mà dàn nhạc cứ "hát" đều, thoăn thoắt, nhuần nhuyễn. Ông tài tình lắm.

Đây là điều hiểu biết của người đọc ở ngoài về “nghệ thuật làm báo” của Đỗ Ngọc Yến.

Với người bên trong và biết Đỗ Ngọc Yến, thì ngoài cái tài, chính cái tình của ông với mọi người và nhất là với giới nghệ sĩ đã tạo nên sự thành công của tờ báo.

Khi còn ở Việt Nam, Quỳnh Giao mới chỉ “văn kỳ thanh” về Đỗ Ngọc Yến mà chưa gặp. Ông làm việc về báo chí, chúng tôi bên truyền thanh và tân nhạc, mà lại không có dịp gặp gỡ. Nhưng, sau cuộc đổi đời, và nhất là kể từ 1985, chúng tôi đã gặp và sinh hoạt đều đặn với Đỗ Ngọc Yến và tờ Người Việt.

Quỳnh Giao lúc ấy còn ở miền Đông, lần đầu qua California bước lên sân khấu là do lời mời của cặp Lê Uyên Phương. Sân khấu kỳ ấy xinh xắn như một vương khải của quán LUP. Lúc ấy là Tháng Tám năm 1985, hai mươi năm rồi chứ có ít ỏi gì đâu. Quỳnh Giao hát bốn buổi cho hai ngày cuối tuần của hai tuần lễ. Bốn đêm hát đặc biệt ấy có sự hợp tác của Mai Hương đang ở California, như thế, hai chị em chỉ bận có hai tối Thứ Sáu và Thứ Bảy, còn lại thì đi thăm bè bạn trong giới nghệ sĩ. Đỗ Ngọc Yến có mặt cả bốn đêm, ngồi cùng bàn với Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Phạm Duy, Vũ Quang Ninh, v.v...

Dịp này, Quỳnh Giao còn gặp được nhiều bằng hữu trong văn giới. Thời ấy, chúng tôi rất cảm động đọc các bài tường thuật ưu ái trên Người Việt và những bài viết của Tuấn Huy (“Đêm Quỳnh Hương”) và Trịnh Gia Mỹ. Trịnh Gia Mỹ có lẽ ái mộ cặp Mai Hương-Quỳnh Giao từ khi còn ở nhà, đến độ cô viết là mình đã buồn và lo khi thấy Quỳnh Giao và các em gái lập ra ban hợp ca Bốn Phương ở Sài Gòn, và nghĩ là như thế thì Quỳnh Giao sẽ không cùng hát với Mai Hương nữa. Sau cuộc đổi đời mà còn giữ lại những kỷ niệm ấy thì đáng quý chừng nào.

Đặc biệt nhất là trong số khán giả tham dự có cả danh ca Kim Tước. Kim Tước lần ấy đã tự nguyện bước lên sân khấu hát tam ca cùng Mai Hương và Quỳnh Giao. Sân khấu sôi động và hứng khởi trong nỗi bồi hồi. “Ban tam ca Tiếng Tơ Đồng” ra đời tại hải ngoại kể từ ngày ấy, với Kim Tước, Mai Hương và Quỳnh Giao. Cũng là một cách nhớ lại Sài Gòn và nhạc sĩ Hoàng Trọng khi đó chưa đi ra nước ngoài được.

Niềm hứng khởi chính là do Kim Tước nhóm lên, cô (Quỳnh Giao vẫn gọi Kim Tước bằng cô, xưng cháu, kể từ khi ở nhà) cất tiếng hát trở lại và hăng hái tổ chức cho Tiếng Tơ Đồng nhiều buổi hát, cứ vài tháng một lần, như ở quán Hải Âu hay quán phở Ngon, nay là nhà hàng Kim Sự. Trong những kỷ niệm đẹp nhất, có buổi “Xuân Hợp Mặt” tại nhà hàng Rex. Ngoài Tam ca Tiếng Tơ Đồng còn có sự góp mặt đặc biệt của Văn Phụng-Châu Hà và cả nhạc sĩ Vũ Thành từ miền Đông qua. Ông trở về, ít lâu sau thì mất. Đêm ấy cũng có ban hợp ca Thăng Long và lần đầu tiên cô Thái Thanh đứng hát trở lại bên hai người anh (với sự dàn xếp khéo léo của nhiều người, nhất là Kim Tước). Đêm hợp mặt đó mãi thì Đỗ Ngọc Yến mời tất cả các nghệ sĩ và thân hữu dùng cơm tối thật vui và thật ngon tại nhà hàng Favori.

Nhớ lại thì Quỳnh Giao mới thấy rằng không một buổi hát nào của Tiếng Tơ Đồng mà thiếu Đỗ Ngọc Yến. Ngồi dưới nhìn lên sân khấu, chắc hẳn rằng ông cũng thốt lên như Toscanini: “Cantare! Cantare!” Có lần con người chu đáo và yêu nhạc ấy bận việc không kịp đến từ đầu nên nhường cho hoa hát thay người, ông hộc tốc chạy vào hậu trường tặng “ba cô” (chữ của ông) mỗi người một bó hồng. Để tạ lại tấm thịnh tình của người khán giả đặc biệt này, Kim Tước liếc xéo thành tiếng: “Đến trễ vậy thì còn nghe được gì.”

Cũng để tạ lại tấm thịnh tình của Đỗ Ngọc Yến, cả ba chúng tôi đều góp tiếng hát trong mọi dịp sinh hoạt do Người Việt tổ chức.

## NB Đỗ Ngọc Yến: Người bạn tới với nụ cười Phan Nhật Nam

Trong tháng, năm biệt giam dài lâu ở những căn hầm tối nơi đất Bắc, tôi có đủ thời giờ, năng lực vật chất, tinh thần (qua một thể sống cách biệt: Không Nói-Không Nghe-Không Làm) để nhớ lại, tự tìm hiểu, giải thích về người, sự việc (tại sao) đã xảy ra từ một thuở rất lâu, ngày còn ấu, thiếu.. Để cuối cùng (phải đến như một điều tất nhiên), giúp dần hiểu ra - Tất cả được xếp đặt, điều khiển từ một Lý và Lực siêu nhiên rất cụ thể mà cũng vô vàn kỳ diệu – Trong diễn tiến tình trạng ấy, Mỗi Người Bạn giữ một vai trò rất tích cực không thể thay thế. Đỗ Ngọc Yến - Đôi Kính - Nụ Cười là “Một Hình Tượng Thông Tin” hiện rất rõ.

Một, 1970 .. Tôi phải ở trong tình cảnh “Ngày nằm võng ngủ.. Đêm đi phục kích”, một cách tẻ hại bất đắc dĩ, vì bị buộc phải rời bỏ đơn vị tác chiến nhảy dù, chuyển qua nhận công việc tại cơ quan quân sự thị xã, thành phố tỉnh lẻ, Tiểu Khu Phước Tuy; tiếp “chức vụ” Đồn Trưởng Địa Phương Quân, Nghĩa Quân Tân Bửu, Chợ Đệm, Long An. Đêm đêm vác hai máy truyền tin, hai anh lính, nhét cây súng colt vào thắt lưng đi phục kích cộng sản để xây dựng nông thôn! Thế nên, tôi phải gắng bút thoát ra khỏi vị thế chật chội này, và phải trở lại trú ẩn nơi Sài Gòn với những vụn vặt bình bình, thụ động, vây quanh, chụp xuống. Quả thật chịu không nổi. Một buổi sáng, gặp nhau nơi đường Võ Tánh, không thấy tôi mở lời bông đùa như bình thường. Yến cười cười nói nhỏ, thúc dục: “Ông viết cái gì đi. Theo tôi lên trên này gặp Chu Tử.” Yến đưa tôi lên lầu nhà in Nguyễn Bá Tông. Chu Tử đứng giữa những máy in đang chạy những cuộn giấy lớn. Ông Chu nói nhanh, tin cậy ngay từ bắt tay đầu tiên: “Cậu viết đi, xong đưa cho anh Yến.” Yến đang là Thư Ký Tòa Soạn của Sóng Thần – Hậu thân của Báo Sóng sau lần ông Chu bị oán nghiệp báo chí thanh toán với viên đạn xuyên qua cổ họng.

Kể từ thúc dục như trên, đêm đêm, nơi căn phòng 9C Building Cửu Long, Đường Hai Bà Trưng, nhìn xuống Sài Gòn yên ngủ dậy mùi thơm từ những khối cây lá xanh thắm nơi khu Đường Duy Tân; xa hơn, nóc Nhà Thờ Đức Bà đơn độc nhô lên trên bầu trời tĩnh mịch lấp lánh những ngôi sao xanh nhỏ. Trong không gian rì rầm âm động đều nhịp của Nhà Máy Nước trước Hồ Con Rùa, tôi có được cảnh giới bình an để trình bày ra trên trang báo Sóng Thần những Bữa Cơm Trên Lưng (1) tình cảnh, phận nghiệp tang thương của người sống trong lửa đạn mà cuốn sách đầu tay, Dấu Bình Lửa (2) dấu đã viết thật lòng vẫn chưa đủ. Chưa nói cho hết tận cùng nỗi tâm toan, khó nhọc của dân và lính trong chiến tranh. Thế nên, trong bình an có được của hôm ấy, mỗi lần đưa bài viết đến Yến, tôi luôn lặp lại lời: “Được viết là một điều vui, thêm có tiền lai rai. Lại có được lúc bình an. Cám ơn bác lắm lắm.” Tôi nghĩ Yến hẳn hiểu tại sao tôi nói lên lời thăm tạ, nhưng anh thường che dấu phần cảm thông này dưới nụ cười thân mật với cách vui đùa: “Này, nhớ nhé, tôi đã là ủy viên trung ương của Hội Hướng Đạo, anh chỉ mới là thiếu sinh chưa lên tráng.” Yến luôn giữ sự chừng mực như cách xử thế “Đạm thủy chi giao” mà người xưa hằng tôn trọng để giao tình giữa những người bạn luôn được duy trì. Không nồng nhiệt quá, không quá gần gũi để có thể sinh ra đụng chạm. Bởi chung gây nên đụng.

Yến không phải là “Bạn Thân” theo nghĩa thông thường. Tôi thân với những “ông” khác hơn - Những anh chàng lính tráng, giang hồ với chai rượu, tiếng cười lớn quanh bàn nhậu sôi nổi, ồn ào. Nhưng quả thật Yến cho anh phần yên ổn như khi anh đi với Lê Chí Thảo, gã bạn thời niên thiếu từ ngày rong chơi ở Đà Nẵng, Huế, kể cả hôm nay nơi đất Mỹ khi cả hai đã qua tuổi 60. Một điều nghịch lý thường xảy ra: Anh chỉ tìm tới những người bạn này trong những lúc khó khăn, phiền nhiễu. Tình cảnh bình yên vừa kể ra nhận rất rõ mỗi khi anh ngồi sau chiếc Suzuki màu đỏ của Yến cột chiếc cặp ở bình xăng.. “Bác đi cái xe với cái cặp này cứ như là mấy ông đi đầu tiên điện.” Nó chạy từ từ ááy thế mà được việc. Yến chậm rãi đáp lại sự châm chọc với



nụ cười “không biết ông ấy đang tính toán những gì”. Và quả thật, Yển làm được nhiều chuyện với bề ngoài tỉnh lặng của anh. Yển đã làm được rất nhiều chuyện hơn người một cách bình thường.

Đỗ Ngọc Yển là khuôn mặt bình tĩnh, ôn hòa sau hàng ghế Chủ Tịch Đoàn Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn với những người năng nổ bộc lộ ra bên ngoài, lên phía trước. Nguyễn Hữu Bôi, Nguyễn Trọng Nho. Đỗ lặng lẽ theo dõi, ghi chép đầy đủ, chính xác về những cuộc họp bốc lửa với cách trình bày sắc sảo, mạnh mẽ của Nguyễn Hữu Doãn, Tôn Thất Tuệ. Nhưng sau những biến động chính trị, xã hội với phong trào sinh viên làm hạt nhân kéo dài trong những năm 1963, 64, 65. Những khuôn mặt tranh đấu tuổi trẻ nổi bật điển hình kể trên dần vắng bóng trên diễn trường, chỉ riêng Đỗ Ngọc Yển vẫn tiếp tục hiện diện với cách bình thản, tự tin. Chỉ trừ khi nào ông ấy cất cái kính và cười tươi mới “biết”ra ông ấy như thế nào.” Ngô Vương Toại, Ban Đại Diện Văn Khoa đã một lần nói lên nhận xét. Và tôi đã đồng ý với Toại qua xác nhận: “Tóm lại, chỉ nên chơi với ông Yển khi ông ta cười mà thôi.” Tôi chưa hề thấy Yển “đặt vấn đề” với ai trong tháng năm dài tiếp xúc với rất nhiều hạng người (những người khác biệt nhau về cá tính, khả năng, môi trường sinh hoạt); cũng không ai có tiếng nói phản kích đối với Anh. Đỗ Ngọc Yển quả có một khả năng dàn xếp cao độ đáng nể phục. Nhưng Anh không hề là người thoả hiệp vô nguyên tắc. Tên Rừng Hương Đạo “Nai Lý Luận” hiện thực chính xác phong cách của Đỗ Ngọc Yển - Đây là một bản tính ôn hòa. Rất Ôn Hòa - Tuy nhiên luôn giữ nguyên vẹn Tính Lý Luận.

Rời Sóng Thần vì những dàn xếp, tranh chấp trong nội bộ tòa báo (Sự kiện có thật, nhưng Yển không bao giờ nói ra dưới bất cứ hình thức nào, với bất kỳ ai (kể cả những người thân cận, liên hệ trực tiếp với tờ báo như Chu Tử, Đặng Giao (Rễ ông Chu, Tổng Thơ Ký Sóng Thần, bạn thân của Yển) – Làng báo hải ngoại hôm nay hình như không mấy ai áp dụng biện pháp mã thượng hào hiệp này), Đỗ Ngọc Yển sang làm cho Báo Đại Dân Tộc nơi có một nhân vật nổi danh là người “Kỳ thị Nam-Bắc Kỳ”, Chủ Nhiệm Võ Long Triều. Nhưng chính tại toà soạn đường Gia Long, họ Võ đã nhiều lần lớn tiếng xác nhận: “Các thầy lo bài vở, chữ nghĩa với nhau. Tôi có chuyện khác.” Một trong những “thầy” được Chủ Nhiệm Võ tin cậy nhất: Ký Giả Mai Phương, Đỗ Ngọc Yển. Cũng là Công Cán Ủy Viên của Bộ Trưởng Thanh Niên Võ Long Triều. Điều này giúp tôi phần tin tưởng và tin đúng: Tính “kỳ thị” nếu có, cũng chỉ xảy ra nơi những cá nhân “không mấy bản lãnh”- Kẻ Sĩ, Chiến Sĩ thuần thành đờm lược không hề vương phải tiểu tâm vụ vật này - Tư Lệnh Đỗ Cao Trí luôn cần sự trợ lực của Tham Mưu Trưởng Nguyễn Văn Hiếu - Một vị tướng thuần chất Kẻ Sĩ Đất Bắc với nhân cách sáng ngời cao trọng. Cũng với Tướng Quân Nguyễn Văn Hiếu, Người Thầy Tiết Tháo, Cương Trực của Miền Nam Trần Văn Hương đã giao hết trọng trách của gánh nặng điều tra Quý Tiết Kiệm Quân Đội – Hệ thống siêu tài chánh-kỹ nghệ xây dựng từ đồng tiền máu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Người Thầy Trần Văn Hương cũng chỉ truy cứu vụ án tham nhũng Quý Tiết Kiệm do từ khởi đầu của hai viên sĩ quan hảo thủ “Bắc Kỳ” bắn phát pháo hiệu trên Báo Điều Hâu. Hai sĩ quan (gốc người miền Bắc) tên gọi Nguyễn Đạt Thịnh, Phạm Huấn nếu không có sự bảo chứng của Phó Tổng Thống Trần Văn Hương khó mà thực hiện lần “Đội Đá Vá Trời” công khai tuyên chiến với hệ thống tham nhũng quân đội. Cũng cả chính quyền Miền Nam.

Năm 1972, chiến trận nổ ra khắp Miền Nam, từ Quảng Trị, lên Tây Nguyên, An Lộc, Bình Long. Biết tôi là người chuyên viết tường trình chiến trận với xác tín cao, Chủ Nhiệm Võ nhấn đến tòa báo qua Yển. Nhưng Bạn đã giải quyết trước: “Tôi đưa anh đến chơi theo lời ông ấy, nhưng anh cứ viết cho bên Sóng Thần”, Yển đã tránh được cho tôi sự khó khăn (phải chọn lựa) ngay từ đầu, nhưng lại rất khôn khéo khai triển những điều thuận lợi để hai bên không ai phải chịu thiệt thòi, đụng chạm.. Ngày 4 tháng 3, 1973 tôi là “Người Nam Hà đầu tiên đi Hà Nội” (Cách gọi của Yển, bởi Phạm Huấn, Dương Phục là hai “ông Bắc Kỳ), bài báo và hình ảnh Hà Nội (do tôi chụp) được đăng lên trang nhất, người Sài Gòn, cả Miền Nam chờ đợi mỗi buổi chiều nơi

các sạp báo. Sóng Thần và Đại Dân tộc dẫn đầu số lượng phát hành vượt rất xa so với Chính Luận, những báo đang ăn khách.. “Anh viết cho bên Sóng Thần với “Đi Bắc-Về Nam”; tôi đi ở Đại Dân Tộc loạt bài về “Người Nam Hà.” Hoá ra, Yén đã phân công rất chính xác, và tôi “cứ thế mà làm..” để ai cũng được vui. Tôi không hiểu ra điều này nếu sau đó không có vụ viết kịch bản cho người Pháp quay phim. Nhà ông Chu Tử, 104 Công Lý, Sài Gòn là nơi tập họp của nhiều người, nhiều giới, cũng nhiều mục đích. Gặp Đảng Giao để nói về tranh ảnh, làm bìa sách, làm báo; gặp ông Chu để bàn về cơ sở văn hóa-chính trị.. Và cũng bày ra bàn xi-phê với những ông đồ đen chuyên nghiệp; mặt-chuợc với những “tay xoa” tài tử. Tôi đến đó, hôm ấy để tham dự vào một “projet”: Viết truyện phim về chiến tranh Việt Nam sẽ được một hãng phim Pháp thực hiện. Hai ông Trần Lê Nguyễn, Hoàng Anh Tuấn phụ trách kịch bản, đạo diễn. Hai ông nói nhiều và nói lớn hơn bất kỳ ai. Trần Lê Nguyễn đập bàn, nêu bật kinh nghiệm về “Bão Rốt Trong Thành Phố”(\*) và giải thưởng về kịch bản mà ông đã thu được. Hoàng Anh Tuấn ào ào phản công: “Đây là viết kịch, truyện phim phải khác, như Xa Lộ Không Đèn, và Ngàn Năm Mây Bay của moa.” Đỗ Quý Toàn mặt nghiêm, tinh táo cho ý kiến: “Xa lộ mà không đèn thì chỉ có mà đụng xe”. Yén để xấp giấy trên bàn ngồi ghi chăm chú, im lặng theo dõi mỗi người qua lớp kính dày với nụ cười. “Các ông cứ nói hết đi, tôi ghi đủ.” Cuối buổi, khi tất cả đã nói hết tất cả những gì (có thể nói và muốn nói), Yén từ tốn: “Bây giờ quý vị đã nói hết. Tôi xin đọc tất cả ý kiến của quý vị, xong rồi ta chọn ý kiến hay nhất, cách làm tốt nhất. Cậu Nam theo đó mà viết với kinh nghiệm đánh đấm của cậu.” Khi xuống cầu thang để xuống tầng dưới, Chu Tử cười vui: “Không có anh Yén thì cứ cãi đến bao giờ!!”

Năm 1973, nhân việc ký kết Hiệp Định Paris (27 tháng 1), Bộ Dân Vận Chiêu Hồi mở mặt trận tuyên vận lớn trong giới sinh viên hải ngoại. Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yén và những nhân sự trong “Chương Trình Phát Triển Sinh Hoạt Học Đường” đồng nhập cuộc với “Đường Việt Nam”. Thêm một lần, tôi chứng kiến Đỗ Ngọc Yén tháo vác, tài giỏi khôn ngoan giữa vòng vây của đám sinh viên từ lâu chịu ảnh hưởng tuyên truyền đỏ ở Paris, Bruxelles, Bonn, Berlin, Tokyo. Trên nền nhà văn phòng Tổng Hội Sinh Viên Đường Kỳ Đồng, giữa những sinh viên về từ Tây Âu (vốn có thành kiến, và tâm lý chống đối nhà cầm quyền Miền Nam, dẫu đã ra đi từ Sài Gòn trong những năm 1960), Đỗ Ngọc Yén trình bày lý chiến đấu chính đáng của Miền Nam khách quan, trung trực. Anh giải thích sự độc đoán tàn nhẫn của phía cộng sản với tâm không hận thù, lời lẽ khoan hòa mẫu mực. Rõ ràng Yén đã thu phục những người tuổi trẻ một cách toàn vẹn bởi sự nhiệt thành và tính trong sáng của trái tim chân thật. Không Thật không nói được như thế. Tôi tin chắc mình đánh giá Đỗ trung thực và chính xác – Gần bốn-mươi năm sau, độ chính xác càng thêm củng cố vững chắc. Nếu Bộ Thanh Niên, Bộ Giáo Dục, Bộ Thông Tin VNCH.. có những cán bộ với tầm cỡ, năng lực này chắc chắn chế độ Miền Nam sẽ có một khuôn mặt khác trước dư luận, cộng đồng thế giới, trong lòng người. Bao lâu và như thế nào, những người cầm quyền (kể cả hiện nay) ở Việt Nam hiểu được “Sức mạnh tác động và hiệu quả của Giáo Dục đối với Tuổi Trẻ” – Tương lai của tất cả các dân tộc không thể xây dựng trên lực lượng quân đội với súng đạn. Người Lính không là nhân tố Xây Dựng Đất Nước – Người Lính trước sau chỉ với nhiệm vụ Bảo Quốc-An Dân – Thực hiện được đã là Kỳ Công Lịch Sử lớn lao.

Hai, 1980. Khi bóng tối hoàn toàn chụp xuống trong phòng kiên giam, những gã vệ binh đã kéo thanh sắt chặn chân cùm, hỏi to tên người tù để xong kiểm soát. Tôi bắt đầu điều hành “thế giới” lý tưởng của mình: Sắp xếp một thành phần lãnh đạo Miền Nam!! (Tôi chỉ nghĩ về Miền Nam như một phản ứng tự nhiên. Vậy xin đừng trách cứ phần chủ quan, hạn chế, mà cũng chỉ là “ý niệm” đâu xúc phạm, thiệt hại gì đến ai?!). Đầu tiên là những người chỉ huy quân đội. Tôi lý luận, phân tích (rất nghiêm trang với chính bản thân (!)). Nên để cho ông “Lô Lọ Rượu” (Trung Tá Nguyễn Lô, Tiểu Đoàn Trưởng TĐ7Dù, người bạn cùng khóa) hay ông “Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc” (Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2QLC, “Trâu Điền”) coi về “Lực Lượng Xung Kích Quốc Gia”? Ông Lô thì can trường có dư nhưng nóng nảy quá; ông “Robet Lửa” nhiều cơ mưu, tính

hoán hơn; phụ tá xếp cho Trần Công Hạnh (Tiểu Đoàn 2 Dù, gương chiến đấu kiên cường của Lam Sơn 719, Hạ Lào). Thế thì ông Phán “râu” của Tiểu Đoàn 8 TQLC để vào đâu? Phán nên để phụ trách “Lực Lượng Phòng Vệ” bởi tính trung hậu, luôn sống, chết hết lòng với anh em.. Sống chết với anh em thì bạn anh ai chẳng vậy, chẳng cứ gì ông Phán, sao anh bỏ người này, binh người kia? Anh tính sao với Phạm Như Đà Lạc, sống chết với anh từ ngày ra trường về nhảy dù kia mà?! Lại còn phải xếp chỗ cho Mê Linh (Trung Tá Lê Văn Mỹ, Tiểu Đoàn Trưởng 11 Dù) và Lã Quý Trang nữa? Hai ông này nhiều khả năng tham mưu, chuyên về tổ chức, hành quân đặt làm tham mưu trưởng liên quân là đúng nhất. An Ninh-Tình Báo là cơ quan tối cần thiết trong mặt trận gián điệp, phân tình báo thì chỉ định cho ông Hiến (Hoàng Khởi Phong) hoặc Lưu Văn Chương (Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn trong những năm 60; bạn cùng Khóa 18 Đà Lạt), vì hai ông này chuyên môn coi về tù binh, quân cảnh, an ninh quân đội. Thế nhưng, ai giữ chức Tổng Tư Lệnh? À đây là một chức vụ quan trọng không thể chỉ căn cứ trên cảm tính cá nhân được. Anh phải nghiêm túc, khách quan với chính mình! Vậy thì có thể để chỗ cho Khôi Nguyên, hoặc Tố Quyên (Trung Tá Trần Đăng Khôi, Bùi Quyền, những sĩ quan niên trưởng thuộc Khóa 16 Đà Lạt. Những người tôi quen thân, kính nể từ đầu ngày lính). Thôi, chức này tạm để trống, biết đâu khi xét qua phía dân sự mình sẽ tìm thấy một ông văn võ toàn tài hơn. Tổng tư lệnh xưa nay đâu chỉ có giới hạn với người võ biên, Khổng Minh, Trương Lương, Tôn Tử.. đâu phải là nhân sự giỏi quyền cước, võ thuật, chuyên “giương cung bắn ó, diều”? tôi thúc dục, cân nhắc như thế có một nội các sắp sửa cầm quyền để đưa Miền Nam đến chiến thắng! Qua phía dân sự, thì “Ông Cả Doãn” được chỉ định mau mắn đảm nhiệm chức vụ Bộ Trưởng Giáo Dục. Phải đặt Ông Cả làm Tổng Trưởng hoặc Quốc Vụ Khanh mới xứng, sao chỉ là bộ trưởng? Ông Cả là người tài đức, nhưng không biết giữ chức vụ hành chánh “thầy tôi” có chịu nổi không? Tôi tập trung ý nghĩ chung quanh nhà văn niên trưởng Doãn Quốc Sỹ. Thầy là người quá khiêm nhường, đạo đức cao, sợ rằng khi giữ chức lớn thầy không thể có những quyết định mạnh mẽ được!. Trời đất, anh chưa giao gì cho Ông Cả, sao lại đặt vấn đề sớm thế. Ai làm Thầy cho cả nước xứng đáng bằng Ông Cả Doãn?! (Xin nhắc lại ý niệm “cả nước” áp dụng đây chỉ đối với Miền Nam) Cũng trong lãnh vực giáo dục, hai ứng viên thân thiết Tôn Thất Hải và Lê Tự Hỷ (Hai người bạn cùng lớp ở Trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng (1954-1960), rất xuất sắc trong giới giáo dục, và lãnh vực toán học, khoa học) được nhắc tên để làm thành phần “trừ bị chiến lược”. Lê Tự Hỷ còn có thể đặt làm Tổng Trưởng Kế Hoạch bởi khả năng toán học đặc biệt của anh. Lê Tự Hỷ còn có thể đặt làm Tổng Trưởng Kế Hoạch bởi khả năng toán học đặc biệt của anh. Sở dĩ Bộ Giáo Dục được nghĩ trước hết vì tôi hiểu ra rằng không còn con đường nào khác để tránh họa cộng sản và tranh chấp bạo lực bằng sách lược “Tân Dân Trí” – Do lớn lên ở Quảng Nam, học Trường Phan Châu Trinh, Đà Nẵng nên ảnh hưởng từ cụ Phan là một điều tất nhiên vậy (Tôi tự giải thích cho bản thân về việc đặt ưu tiên về vấn đề giáo dục với những người bạn thiết của ngôi trường này). Đến Bộ Thanh Niên (Vì là Hướng Đạo sinh, và tâm thức Hướng Đạo là một nguồn lực tinh thần mạnh mẽ rất dễ nhận thấy trong những hoàn cảnh khó khăn). Việc này giao cho ai giữa Tô Phạm Liệu, Phạm Gia Cồn, hoặc Ngô Vương Toại? Tôi lại rơi vào tình cảnh bối rối khi phải “cân nhắc, chọn lựa” giữa Liệu, Cồn, và Toại. Cậu Liệu là đội trưởng Hướng Đạo của mình, đã là đại đội trưởng quân y nhảy dù nếu xét về khả năng tổ chức, sinh hoạt thanh niên tất nhiên quen việc, thích hợp khả năng.. Nói thế thì Phạm Gia Cồn không là bác sĩ nhảy dù, lại là võ sư thượng thặng chẳng kể đến sao? Coi chừng cứ loanh quanh mấy ông bạn lính, người ta lại bảo anh nặng tính “quân phiệt”, thôi để Toại giữ bộ thanh niên, hai ông kia cho về coi quân y hoặc bộ y tế. Và thường thường, khi gặp trường hợp phải quyết định khó khăn thì tôi lại áp dụng biện pháp “nhảy” qua với người và nhiệm vụ khác để xác định hơn. Tôi tiếp tục: Ngoại giao không ai hơn Lê Chí Thảo hoặc Nguyễn Hữu Doãn! (Những luật sư trẻ tuổi, chuyên viên ngoại giao trước 1975). Tôi reo lên đắc thắng như thể chức vụ đã giao cho người tương xứng chính đáng. Ấy, coi chừng dân chúng lại bảo anh “kỳ thị”, vì chẳng thấy “anh Nam Kỳ” nào giữ chức vụ lớn cả?! Nói thế là không hiểu quan điểm của người đạo diễn, xếp đặt công việc (tức là bản thân tôi).. Làm gì có “Bắc, Nam, Trung kỳ” ở đây, tất cả đều lớn lên với Miền Nam - Đã là “Nam Kỳ Hoá” toàn diện. Với độ tuổi ba-mươi mà ở

Miền Nam hơn hai-mươi năm thì còn đâu là “Bắc, Trung kỳ” nữa, nói như thế chỉ lộ ý niệm chặt hẹp tầm phào của sinh hoạt làng xã đầu thế kỷ do Tây bày ra mà thôi.

“Trò chơi” nghiêm chỉnh – Rất nghiêm chỉnh và thành thật kéo dài trong bóng tối thường kết thúc với những người bạn gần gũi: Vũ Ngự Chiêu, Nguyễn Bá Trạc. Tôi lý luận: Mấy ông này học giỏi, có tài, nhưng tính khí khác biệt nhau, vậy cho vào Ban Cố Vấn để làm công tác chỉ cho ý kiến chỉ đạo (một cách không chính thức) kiểu Như Phong đối với mấy ông cầm đầu Miền Nam (trong những năm sau 1963). Cuối cùng, chức vụ cao nhất của chính quyền quốc gia: Thủ Tướng Chính Phủ – Chức này phải giao cho cậu Yên! Tôi cười to đắc thắng bởi quyết định đã hoàn tất. Phải, Đỗ Ngọc Yên là “Thủ Tướng Chính Phủ Lý Tưởng” của người tù nằm trong phòng cấm cố tử hình giữa bóng tối. Tôi nói ra lời: “Tôi biết Bác (Khi nói chuyện nghiêm trọng, anh không dùng từ “cậu” để nói với bạn mình!!) là người kín đáo, khiêm nhường. Nhưng Bác không được im lặng, từ chối. Bác từ chối là có tội. Tôi với Bác chỉ có một lần.” Tôi quơ tay trong bóng đêm. Không biết đã mấy giờ? Chỉ biết mình đang Sống Tận Cùng với mỗi Người Bạn.

“Sinh hoạt” sống động như trên không phải là hậu quả cảnh sống của một kẻ bị mê sảng dài lâu trong bóng tối đơn độc – Hiện tượng “traumatism” trầm trọng của người bị ức chế, hành hạ quá mức – Nhưng hiểu ra rằng, qua hệ thống thông tin ấy, mình đang được bảo vệ, nhắc nhở, an ủi bằng hình tượng từ, của những Người Bạn – Những người tôi thật tâm yêu quý, tin cậy. Và mỗi người (không trừ một ai) với tên họ, dáng dấp, hành vi, lời nói tất cả kết cấu thành một thông điệp rõ ràng: Tôi sẽ được Cứu Chuộc. Được Đổ Đạt. Được Thành Tựu. Vào những thời điểm biểu hiện bằng những con số 1, 2.. 7, 8, 9.. 14, 21, 22. Ví dụ như hình tượng: “Ngô Vương Toại nằm ngủ trên núi đầu Sông Mã” cho thông tin về “biến cố quan trọng sẽ xảy ra vào năm Con Ngựa” – Thông tin này cũng được lập lại nhiều lần (để nhấn mạnh) như với hoạt cảnh: “Nguyễn Lô (Tiểu Đoàn Trưởng Thứ 7 của Tiểu Đoàn 7 Dù) ngồi ăn Hộp Bơ mở nắp sẵn đầu một chiếc Bàn Gỗ Rất Lớn với Lê Nin (Người Số 1, sinh năm Ngọ (1870) của nhà nước vô sản đầu tiên (Chỉ Số 1) khai sinh từ Cách Mạng 7/11/1917 – Nêu bật các Số 1; Số 7) ngồi ở đầu bàn đối diện.”

Trong ý nghĩa hệ thống thông tin kể trên. Đỗ Ngọc Yên với Đôi Kính nổi cộm của Bạn chuyển cho tôi thông điệp: “Sẽ được Đổ. Sẽ được Thấy. Sẽ được Dự Tiệc Lớn”. “Yên” cũng là tên “Cô Giáo Đầu Tiên- Chỉ Số 1” dạy học vỡ lòng với cuốn tập (có thật) màu “Vàng - Chỉ sự Hoàn Trả” bìa hình “Con Voi- Con vật Lớn Nhất, Số 1)” ở năm 1949 (Năm Sửu trùng với năm Sửu, 1973 của bài báo Đỗ viết trên Đại Dân Tộc). Với hình tượng của những danh vị linh thiêng (Phật Thích Ca, Chúa Ky-tô; Mẹ Maria, Phật Bà Quán Thế Âm, Thượng Tọa Thích Quảng Đức.), hoặc sự xuất hiện (có hệ thống) hình ảnh của mỗi người thân yêu (mẹ, em, vợ, con, người chung gia tộc.), tất cả bằng hữu, hoặc những người mà tôi chỉ thấy thoáng đâu đó. Tôi được nâng đỡ dần qua từng giờ của mỗi ngày, của mỗi đêm từ 7 tháng 9, 1981 đến chiều 29 tháng 5, 1988 – Tôi ra khỏi hầm giam Trại Nam Hà (Theo đoàn tù “Người Miền Nam cuối cùng”) trở về Nam – Tái hiện thực từ ngữ “Người Nam Hà Đầu Tiên” của “Mai Phương, Đỗ Ngọc Yên” viết về tôi năm 1973.

Ba, 1990. 2005

Tôi đẩy chiếc cổng gỗ khu nhà tranh ở Lái Thiêu hân hoan mời hai người khách, Doãn Quốc Sỹ và Như Phong bước vào: “Mời Anh Cả và Ông Ba vào đây, nhà này em đặt tên là “Bằng Hữu Gia Trang”, đây là tài sản đầu tiên anh Út Lu (chòm xóm, trẻ con trong khu đặt tên theo ý thân của họ) có được sau ba-mươi năm lăn lóc với đời.”

Hai người bạn vong niên ngồi xuống những chiếc ghế gỗ nhỏ. Anh Sỹ cời dép.. Như Phong bật cười vang: Khổ chưa, bác kiếm đâu “đôi dép” quý thế này?! Anh Sỹ đã mang một chiếc dép da

và chiếc kia thuộc loại cao su mũ! Doãn Quốc Sỹ cười nhẹ tự nhiên, xong nói thông thả. Ấy thế ấy thế phan nhật nam sinh năm bao nhiêu? Lại thêm một lần anh giải thích: “Thì em sinh năm 1943, tức năm Quý Mùi, nhỏ hơn Anh Cả 20 năm. Anh Cả tuổi Quý Hợi, sinh 1923”. Thế thì Ông Ba (Như Phong) là bao nhiêu? “Ông Ba sinh năm 1922, năm Nhâm Tuất, bằng tuổi mẹ em.” Ờ nhỉ! Doãn Quốc Sỹ nhìn mông ra khu vườn, ánh mắt vui hoà dung dị. Như Phong nằm lên chiếc võng.. Tôi ngủ đây, cậu làm cái gì ăn đi, đói bỏ xừ rồi.

Khi đứng nấu nước sôi chuẩn bị làm tô mì ăn liền cho hai người bạn lớn tuổi, Tôi nhớ lại câu hỏi (nhiều lần lặp lại) của Doãn Quốc Sỹ và hiểu ra rằng: Những năm, tháng của đời người kia không hề là ngẫu nhiên, chúng được kể đến, đặt nên chữ số với một giá trị riêng (đối với từng cá nhân, mỗi gia đình, một dân tộc. ) và con người (chỉ qua con người chứ không ai khác) đã hiện thực nó trong đời sống với tất cả tinh tiết (tưởng như là ngẫu nhiên, rối rắm) – Nhưng thật ra Được Chỉ Huy trong Một Thể Thống Nhất – Tất cả chỉ là Một.

Ngày 17 tháng 1, 1994 lần đầu tôi xuống Miền Nam Cali, đến Báo Người Việt, Đỗ Ngọc Yến rút hết tiền có được của Ban Quản Lý do Tổng Hoàng phụ trách bỏ vào một bì thư. Hoàng Khởi Phong đếm hộ vì thấy tôi lúng túng với những tờ giấy bạc (quá nhiều) lần đầu cầm giữ: Ông ấy đưa cho ông “Bảy Trăm” đấy. Những con số 1, 7, 17.. của ngày, tháng này; số lượng những tờ giấy bạc này tôi đã Thấy nhiều lần, đã được Thông Báo nhiều lần. Như cặp Mắt Kiếng long lanh và Nụ Cười của Yến.

Hẳn tất cả chúng ta hôm nay ở hải ngoại đều đồng ý: “Người Việt là Báo Số 1”. Cũng như Chu Tử của Báo Sóng, Sóng Thần ở Sài Gòn ngày trước có danh hiệu, “Ông Vua Không Ngai” của báo giới vậy. Tối hôm đó, 18 tháng 1, Vùng San Fernando Valley bị Một Trận Động Đất lớn.

Mười hai năm sau, 2005, trên giường bệnh của Fountain Valley Regional Hospital, người bị cột bởi vô số giây, móc. Nhưng như một phép lạ rất bình thường: Đỗ Ngọc Yến hình như không bị tác động bởi những cơ quan hư hỏng nào đó trong cơ thể, vừa thấy tôi bước vào (sau chuyến đi đến với những bằng hữu ở DC, ở San José.) Yến cười tươi (như đang trong một buổi của ba-mươi lăm năm trước) với câu hỏi ân cần: “Tôi luôn thắc mắc làm sao mà ông sống được qua mấy năm trong những cái hầm kia.” Người Bạn hằng có mặt với tôi trong bóng tối nơi những căn hầm tử hình cấm cố. Và ngay bây giờ. Không có chi đổi khác.

“Khi nào ông ấy cất cái kính và cười.. Lúc ấy Con Người Đỗ Ngọc Yến hiện đủ toàn diện, trung hậu, trung trực, chân tình.” Nhận xét của Ngô Vương Toại nói với tôi hôm tháng Mười ở DC về Đỗ Ngọc Yến được nhớ lại rất chính xác. Bây giờ Yến đã cất đôi kính và hằng nở rộ Nụ Cười.

(1) Nhất Anh, Bữa Cơm Trên Lưng; Nhật Báo Sóng Thần, Sài Gòn, VN1970.

(2) Phan Nhật Nam, Dấu Binh Lửa; NXB Đại Ngã, Sài Gòn, VN1969.

(3) Trần Lê Nguyễn, Kịch Bảo Thời Đại; Sài Gòn, VN1958.

Ngày 11 tháng 11, 2005

Bệnh Viện Fountain Valley,  
Bên cạnh Đỗ Ngọc Yến sau 12 năm ở Mỹ.

\*\*\*

**Phụ đính:**

Quán Thăng Bờm



(Ly cà phê bé, sơn dầu trên bố  
tranh Bùi Chí 1948-2002)

Thưa bạn cà phê một thời,

Một ngày nào đó...

Gặp lại bạn xưa trường cũ Kiến Trúc miền Đông cũng như trường xưa bạn cũ Nguyễn Trãi-Chu Văn An 56-63, với tôi bạn bè là cái gạch nối giữa hiện tại và quá khứ. Mà gặp nhau qua điện thư nên viết trở thành những nhiễu sự cần phải có, nhưng nhiễu nhưng là chẳng biết viết gì. Một mảnh vườn, vài chậu bonsai, năm ba món đồ cổ, ngắn gọn rõ ra chỉ từng ấy và không hơn. Viết về mình ư! Về tình đầu, tình giữa, tình cuối không tránh được những trái khoáy vì đang nằm ở cái tuổi già thì chưa già, nhưng ắt hẳn chẳng còn trẻ nữa. Nói chung, quanh đi quẩn lại chỉ là chuyện trong nhà đầy tù túng và chật hẹp. Hay hãy bước ra khỏi cửa cho thoáng đãng, hãy tạm dừng chân ở một ngã ba đường, một khúc quanh nào đó... Ở nơi chốn ấy có quán cà phê cùng bằng hữu, qua những mẩu chuyện vu vơ vụn vặt, không đầu không đuôi. Ý đồ tôi là muốn trở lại... một thời với quán Thăng Bờm.



Đề Thám - Bùi Viện

\*\*\*

Năm nào không nhớ rõ lắm, tha hương ngộ cố tri, tình cờ gặp anh Đỗ Ngọc Yến từ quận lỵ của cái xứ nắng nôi tới Houston, chẳng là dạo ấy nơi chốn tôi đang ngụ cư có dăm tiệm “chạp pô” nằm dưới phố. Hai anh em gặp nhau tán gẫu chuyện vật đổi sao rời. Chuyện người chuyện ta. Chuyện vật đổi sao rời thì cả hai vừa chần ướm chân ráo cùng một lứa bên trời lận đận nên chưa đâu vào đây. Chuyện người với cả một thời xa vắng ẩn hiện và chẳng biết bây giờ họ đang luân lạc ở nơi nào... Bắt qua chuyện ta, anh thân mật vỗ vai tôi và cười bằng mắt: Hay là làm lại quán Thăng Bờm. Tôi cũng chỉ đành lắc đầu cười khỏá lấp. Rồi hai anh em chia tay mỗi người một ngã, anh xuôi về miền viễn tây đất ấm tình nồng, sau làm báo như cái nghiệp dư. Tôi

ở lại tiếp tục kéo cày trả nợ áo cơm. Vì vậy có thể nói, anh Đỗ Ngọc Yến là người tôi gặp đầu tiên và nhắc đến cái quán xưa cũ này.

Mười năm sau nghe nói có ai đó mở quán cà phê ở bên ấy trang trí như quán Thăng Bờm. Lại cũng với bàn ghế thấp, khung vải bố đóng chung quanh tường. Thêm nữa, gần đây đọc một hai bài báo thấy quán chiếm được dăm đoạn, mười hàng cùng một chuỗi quá vắng của những ngày này năm nọ. Bài báo có nhắc đến dăm cái tên nghe quen quen, tôi lại bồi hồi nao nao nỗi nhớ...

Như người viết Thụy Vi đã trải dài trên giấy khô mực cạn:

“...Đầu tiên tôi biết quán cà phê Lú là do anh. Quán Lú nằm trên trên một dãy phố gần chợ Thị Nghè, cách bài trí có chút gì âm phủ ăn cháo lú để quên quên hết chuyện xưa...có lẽ vì ăn cháo nhiều quá, người ta sẽ lú. Còn uống cà phê, mấy ông toàn moi chuyện gì không ra nói, nói hoài...”

Chúng tôi cùng ở khu Thị Nghè, nên anh thường rủ tôi đến đó, sẵn dịp gặp anh Mường Mán, gặp anh Cung Tích Biền và vài người bạn văn chương của anh mà lâu rồi tôi đã quên tên.

Thú thật, những lúc ngồi nghe anh và bạn anh nói chuyện trên trời dưới đất...chán lắm, nghe mấy ông khẩu về triết lý hiện sinh càng chán hơn, nghe chuyện chiến tranh càng u uất...Tôi ngồi nghe cà phê cà ngắt nên không thích đến đó...”

Tiếp đến, ở thành phố tôi đang cư ngụ có một nhà thơ ra mắt sách. Ông anh họ nghe hội luận lóang thoang trên đài thì buổi ra mắt sách mang âm vọng của quán Thăng Bờm ngày nào. Nhưng tiếc là ông anh cho biết quá trễ, nên tôi đã không tìm lại cái không khí của quán qua những năm tháng. Ừ thì những ngày đó, bạn cũng như tôi, chẳng biết làm gì ngoài...ngồi đồng ở quán cà phê. Những chỗ ngồi đầu đó, mặc dù chỉ thoáng qua âm hưởng một dòng nhạc bất chợt, nhưng ít nhất thì cũng níu kéo một khoảng thời gian với những ngày tháng đang tàn lụi...

Thế nhưng, gửi gió cho mây ngàn bay về cái quán khuất nẻo trên, chẳng hẳn lúc nào cũng như người cưỡi mây. Một ngày, cũng ở thành phố phẳng lặng này, tôi đang thả rong, ngược mặt lên nhìn trời xanh mây tím nắng vàng, bất chợt va vào mắt là cái bảng hiệu có cái tên Quán Thăng Bờm. Không bước vào, nhưng tôi biết bên trong có ánh đèn màu xanh xanh đỏ đỏ, vì rõ ra ấy là...cà phê ôm. Ghé quán sát bên cạnh, ngồi không, bèn thả hồn đi hoang về lối xưa xe ngựa với Sài Gòn đầu đường cuối ngõ. Và không quên bắt một chai bia lạnh, gọi thêm một ly nước đá.

Để nhớ về một thằng bạn cũ.

\*\*\*

Gần như nửa thời gian đi học tôi ngồi đồng ở các quán cà phê, lúc sáng khi chiều, để đắm chìm trong khói thuốc, day dứt với...người con Việt Nam da vàng của một thời để yêu, một thời để nhớ. Đang em tan trường về đường mưa nhỏ thì gặp Lưu Trọng Đạt ở quán cô Hồng. Đạo ấy nó đang học ở Vạn Hạnh, ngành Xã hội học. Nghe lạ, bèn hỏi học cái giuộc ấy mai hậu nên công hầu khanh tướng gì thì được trả lời là cũng không biết luôn. Sau đó, tôi thân hơn với nó hơn khi đi Quân sự học đường tại Trung tâm huấn luyện Quang Trung. Buổi tối hai thằng ngồi ngoài sân cột cờ, nó nhảm nhăng hỏi tôi: Mà họ gì...? Thế đấy, quen nhau cả năm trời, tên thì biết, họ thì không. Mà chẳng lẽ hai thằng thân nhau vì hai cái họ Tàu tàu, Lưu Bị không ra Lưu Bị, Tào Tháo không ra Tào Tháo mà tào lao thì có. Tôi đáp: Họ Phí.

Nó, thằng họ Lưu gật gù: Để cuối tuần về phép lục gia phủ nhà tao, may ra có họ mày... Xong, nó lẳng nhẳng tiếp nó là con cháu...Lưu Vĩnh Phúc, giặc Cờ Đen. Năm 54 vào Nam chia làm hai nhánh, một nhánh ở Gia Định ăn nói thuần tiếng Việt, nhánh khác vào Chợ Lớn chuyên trị tiếng Tàu. Tở lại trại, nó báo cho tôi một cái tin chẳng mấy vui cho lắm là tôi con cháu của giặc Cờ Trắng ở Đông Triều. Chuyện này thì tôi chẳng mấy may hay nhưng quê ngoại tôi ở Đông Triều thật mới đau...Tiếp đến hai thằng con cháu tướng cướp rủ nhau mở quán...cà phê,



kéo thêm mấy thằng bạn ăn cơm nhà bác ngà voi bên Vạn Hạnh, Kiến Trúc và Luật. Để có chuyện..."tào lao" như thế dưới đây.

Và nó "khảo" về thằng Bờm như thế này: Bờm không phải là tên gọi mà tiếng Hán là "bàn", tiếng Nôm "bờm" là..."nghèo". Vì thế sau này các cụ phó cạo mới có từ...bờm đầu. Hiểu theo nghĩa là không có tóc, thế nên mới có cụm từ nắm thằng có tóc chứ ai lại nắm thằng trọc đầu. Thằng bờm Lưu Trọng Đạt được thể "luận" tiếp qua một bài báo là khi không thằng Bờm được khoác lên người cái áo bàng bạc với thuyết vô vi như con chuồn chuồn của Lão-Trang...khi vui thì đậu khi buồn thì bay. Thế nên nó đề nghị đặt tên là...quán Thằng Bờm. Tôi ừ hử thì nó ậm ừ ai muốn hiểu sao thì hiểu, miễn chắc như cua gạch có...nắm sôi là được rồi. Nghe dễ ăn như...ăn trứng luộc. Từ tiếng Việt cổ đại, lúc này tôi mới chợt nhớ ra nó là thằng nghèo lỗ đít. Hiếm có và ít thấy!

Tôi thuê "căn hộ" ngay ngã ba Đề Thám, Phạm Ngũ Lão, về trang trí tôi có ý đồ dùng tre rêu lấy đèn hàn si hun nóng cho lên nước ở mấy cái đốt tre. "Học thuật" này tôi học được qua anh họa sĩ Thái Bá lúc tôi làm "thợ vịn" cho anh, nhưng gia chủ không chịu vì phải khoét lỗ, đục tường. Sau thằng bạn Kiến Trúc tên...Trúc "sáng tạo" ra mấy cái khung gỗ, bọc vải bố nhà binh màu cứt ngựa, vừa để treo tranh triển lãm, vừa để vải bố giữ khói thuốc lá. Ghế, bàn là những khúc cây ghồ ghề thấp tũn, ra cái dáng hòa nhập về một vùng hoang sơ thái cổ. Tiếp đến, tôi bỏ nhào đi bắt bộ máy Akai ở quán Lam của nhóm bạn Quốc Gia Hành Chánh vừa từng bưng khai trường đã âm thầm đóng cửa.

Khoảng thời gian này với địa linh nhân kiệt thì quán Anh Vũ gần quán thằng Bờm có Thanh Thúy. Quán Hàm Gió đường Phan Bội Châu với Thanh Lan, cùng thời Khánh Ly đi chân đất hát nhạc Trịnh Công Sơn ở quán Vãn. Thế là quán thành hình trụ trì là ngâm sĩ Thanh Hùng, lâu lâu có cặp Lê Uyên Phương từ Đà Lạt xuống, cuối tuần có mục giới thiệu sách, bình thơ, triển lãm tranh...Bờm nhớ "tự điểm" văn nghệ của những nhà báo, nhà văn lớn, nhà thơ thời danh với vang bóng một thời của thập niên bảy mươi lúc bấy giờ. Quán đông vào những tối thứ sáu, thứ bảy, vì có văn nghệ góp gió thành bão như đã dự trù, đông đến độ khách thập phương phải đứng ngoài đường. Ban ngày phát phơ đóng hụi chết có Nguyễn Hoàng Đoàn, Vũ Thế Ngọc, Nguyễn Quỳnh và chẳng thể thiếu mặt người của đám đông là anh Đỗ Ngọc Yển...

Thời gian vỗ cánh như quạ bay với một nhớ hai quên. Thế nên thêm một lần, đành phải nhờ vả đến người viết Thụy Vi ở trên qua bài viết *Chữ nghĩa - Cà phê văn nghệ*:

"...Thời gian này anh và anh Đình Tiến Luyện tập sự ở tòa soạn Công Luận với Duyên Anh. Đóng chốt ở quán Lú một thời gian, anh và những người bạn đời qua Thằng Bờm vừa mới khai trương. Không hiểu do đâu ngâm sĩ Thanh Hùng biết tôi làm thơ nên đề nghị anh và tôi ngâm thơ ở quán Thằng Bờm cho trương chinh thêm phần sôi động. Tôi gặp cặp Lê Uyên và Phương và "Tình khúc cho em" ở đây. Rồi gặp Vũ Thành An với "Bài không tên số 2" cũng ở đây. Gặp cả Phạm Duy với "Thà như giọt mưa", phổ thơ của Nguyễn Tất Nhiên. Và cặp Từ Công Phụng và Từ Dung với "Bây giờ tháng mấy" cũng ở nơi chốn này..."

Những tối cuối tuần Thằng Bờm đông lắm, đứng tràn cả ra con đường Đề Thám nhỏ hẹp. Nơi đây cũng ghi nhiều kỷ niệm của tôi và anh, thường thì khi rời Thằng Bờm chúng tôi thả bộ dưới trời đêm, có lần sau cơn mưa đường đầy nước, tôi tháo đôi giày đi chân trần cho thỏa thích đùa nghịch dầm trong vũng nước như con nít. Vì thế mảnh sống tôi cứ êm ả với ngất ngây cùng không gian văn nghệ quyến rũ dễ thương từ quán Thằng Bờm..."

\*\*\*

Thưa bạn cà phê một thưở,

Một ngày nào đó như mới đầu đây...

Cả một khoảng không gian thu hẹp của một cõi, cùng những níu kéo ngày là lá tháng là mây. Ít lâu sau gặp lại bạn bè ngồi như đóng chốt ở cái quán cuối phố. Hồi nhớ lại ngày đó, mỗi đứa một góc, cả một khung trời quen thuộc qua thằng này thằng kia. Nghĩ cho cùng ở cái tuổi vắng gió đầu hiu này, cũng cần phải có một nơi chốn để trở về cùng những ngày tháng cũ. Và rồi không ai bảo ai, như gió đánh đờ đưa lại cùng nhau hẹn hò về ngày này năm ấy...Ngày ấy quán như một nơi chốn để gặp nhau, tới không gặp để lại một vài hàng nhờ cô thân ngân chuyển dùm. Cũng nơi chốn ấy, tuần trước thằng bạn về phép, tuần sau bằng hoàng nghe tin anh nằm xuống, hơn một lần...Ngồi chờ vợ một mình, đốt điếu thuốc như thấp nén hương lòng cho những thằng bạn đã bỏ cuộc chơi, để bắt chợt thấy ly cà phê đắng chát và nguội ngắt. Ngay lúc này đây, hoài đồng vọng về những thằng bạn quen biết một thuở, đã áo bào thay chiếu anh về đất. Với nhiều thằng, bây giờ với năm tháng còm cõi, chẳng nhớ nổi một cái tên. Lại có có nghiêm và buồn, bồi hồi qua câu của người xưa *thế sự du du hề, một cuộc bể dâu, nhân kiếp phù sinh hề, một thoáng bạch cầu*.

Nhớ với quên, để chẳng quên một vài lập dị nhân. Chuyện là có khứa lúc nào cũng ngồi ở một góc cố hữu và quay mặt vào tường, mặt mày đăm tảo bón như một triết nhân sinh bất phùng thời qua...dạng Phạm Công Thiện với mặt trắng hiếp đăm mặt trời. Có một nhóm chỉ ngồi ở một bàn từ ngày này qua tháng nọ, đến mục người như cánh vạc bay, rồi đàn bò vào thành phố cùng cỏ hoang lạc lối. Lắm khi trái nắng trở trời bắt cô thiếu ngân cho nghe đi nghe lại...một bản nhạc cho nó phê...Bắt qua một nhóm khác cùng: *tuổi trẻ phải là một cái gì*. Cái gì đâu không thấy, chỉ toàn nói chuyện đội đá vá trời, trên thông thiên văn dưới thuộc lòng địa lý. Thuốc lá điếu mời, điếu hút, điếu "sơ cua" thì nhớ đâu vào đó, nhưng khoản chi tiền chầu cà phê thì lờ tít. Rồi bỗng dưng đột nhiên đứng dậy và biến mất như ma...và hôm sau giữa ban ngày ban mặt xuất hiện như ma trời, lại tiếp nói chuyện...tuổi trẻ phải là một cái gì. Cái thằng tôi không biết làm gì hơn là làm thính, là lắng lặng bỏ bao thuốc vào túi.

Nhắc đến những kỳ nhân dị tướng trên thì không quên một thằng Bờm trôi sông lạc chợ người Quảng Ngãi. Quảng Nam hay cái Quảng Ngãi hay co là nó đây. Trôi sông lạc chợ vào Sài Gòn, vừa đi học vừa kèm trẻ tư gia. Ấy vậy mà thỉnh thoảng cuối tháng vẫn dầm dúi tiền kèm trẻ cho anh em thằng Bờm đóng hội chết tiền nhà. Vì rõ ra nắm xôi không...ngon như óc chó như thằng bờm Lưu Trọng Đạt đã luận thuyết. Nhắc đến thằng Bờm này thì lại nhớ đến thằng khác. Cái thằng đẹp trai học giỏi con nhà giàu học trường Tây, ăn cơm Tây. Nhưng khổ một nỗi vì nó đau bao tử nên sáng trưa chiều tối nuốt khoai tây nghiền nhuyễn như. Nay học luật, trốn việc quan đi ở chùa bằng vào tới quán lau nhà, rửa tách chén một nghỉ. Còn cái thằng tôi, việc nhà thì nhác việc thiên hạ sự thì siêng là ghé quán cô Hồng lấy cà phê. Chả là nghe đâu cà phê ở đây trộn lẫn với cau khô già như. Hay nói khác đi cà phê thằng Bờm là "âm bản" của cà phê Pasteur.

Qua đây, năm thì mười họa đập bể kính ra tìm lấy bóng từng thằng một. Thằng như đảo về thăm quán thằng Bờm trong chốc lát để điếm mặt chỉ tên thì nhớ đến thằng đang học thổi kèn ở trường Quốc Gia Âm Nhạc, mắt hấp ha hấp háy, miệng cười ruồi, tay nhón điếu thuốc lá. Thằng thổi kèn ở bên Úc, hai thằng gặp lại qua quán vắng chiều hôm, qua đường giây điện thoại. Chuyện là mới đây đang mày tao chi tở, bắt chợt nó hỏi: Mày biết tao đang ở đâu không?. Tiếp, nó cười khục khục là đang ngồi trên xe lăn tới bàn mổ để thông van mạch, nhớ thì gọi vậy thôi.

Thôi sao được, thế là tôi lười đá miệng: Đừng có đi luôn nghe mày. Vậy mà ngay sau đấy nó...nghe lời tôi lặng lẽ đi vào cõi tĩnh mịch, chẳng ai biết, không ai hay. Cái tình của thằng bạn cà phê là thế đấy. Trước khi đi vào cõi vô cùng cũng chẳng quên ới cho bạn một tiếng. May mà tôi không theo nó, ấy vậy mà may.

\*\*\*

Nhưng chẳng may gì vì quán mỗi ngày một ắng lạng với đại bác đêm đêm vọng về theo ánh hỏa châu của chiến trường. Để rồi, quán cứ thừa thớt dần, khách khứa đếm trên đầu ngón tay, thằng còn thằng mất, anh nằm xuống hơn một lần...Đâu đó gần Mùa hè đỏ lửa 72, đây đưa Lưu Trọng Đạt vào nơi gió cát, nó đi tiểu khu nắm một đại đội địa phương quân. Nhờ bà chị quen biết với Hoàng Đức Nhã nên nó có tin hai ba ngày nữa sẽ được biệt phái về Sài Gòn làm cho Cục Dân Vận. Ván cờ đã đến lúc cờ đang tàn cuộc không còn nước, mặc dù vẫn còn mã nhật tượng điền xe liền pháo cách đây, nhưng nó không muốn mang pháo sang sông, Kinh Kha sang Tần một đi không trở lại.

Thế nên buổi chiều biết sắp đụng lớn, nó mượn hồ trường, nào ai tỉnh, nào ai say, xách súng bắn lung tung ngoài thị xã, cố tình để quân cảnh bắt nhốt. Trước đó, nó kể tôi nghe một ngày, ông quan một là nó đang ngồi quán thịt chó...trần thủ lưu đồn, Cold 45 lặn lưng, thầy trò ngất ngưỡng. Bất thình lình ông bố từ Sài Gòn lên thăm, vào tiểu khu không thấy, bèn vào quán thờ ra vì cát bụi chân ai. Bất ngờ bắt gặp thằng con đang tuổi trẻ bao lâu mà đầu bạc, trăm năm thân thể bóng tà dương...Thế là ông bố nổi xung tát ông con quan một một cái cho đỡ bực dọc đường xa. Vài năm sau, đến lượt tôi khoác áo lính, cũng có mặt ở thành phố đồi núi heo hút này, cũng ngồi ở một cái quán đầu thị xã, bắt chước nó gác súng M16 gác bên chân và đọc ầm. Lúc ấy, tôi đã mừng tượng đến cái cảnh nó bị ông cụ bóp cho một "cái bóp" và...cái mặt anh con cứ nghệt ra. Tôi đã hình dung đến hình ảnh người hùng phố núi...bất đắc dĩ cầm súng bắn vung trời dấy đất ngoài đường phố...Và tôi tần ngần tự hỏi hay là chính ở cái quán thịt chó này cũng nên, cái thằng Lưu Trọng Đạt nó đã ngồi đây...

Và tôi ngần người vì gần gũi thằng này bao nhiêu năm, chẳng hay biết nó biết...uống bia tự hỏi nào. Vì người tình ẩn khuất chăng? Nào ai biết ma ăn cỗ.

Trở về lại với trận chiến mà nó có mặt dạo ấy, thế nhưng vì thiếu hụt quân số sao đó, nên nó vẫn bị bốc ra khỏi quân lao đi hành quân, trận đó tiểu đoàn của nó thắng lớn. Vừa lúc có sự vụ lệnh chuyển, trên đường về tiểu khu, nó dẫm phải mìn. Nhất tướng công thành vạn cốt khô đâu không thấy, chỉ thấy anh trở về...hòm gỗ cài hoa trong một ngày nắng quái chiều hôm, mây mù giăng giăng đầu núi.

Quay quả trở về lại thăm thú quán thằng Bờm như một dấu ấn, đánh dấu một đoạn đường đã qua. Quán thằng Bờm chẳng của riêng ai, vì mỗi người mỗi có một quán cà phê của riêng mình ở ngõ không tên nhà không số nào đấy. Nói cho ngay, quán chỉ là cái mốc của thời gian và không gian nào đó. Như một chuyến đò qua sông, cây đa bến cũ, cùng đam mê, nhiệt tình của những mẫu người, những khuôn mặt như những Bi, những Lộ, những Lập...Nay nếu có hình dung lại từng bóng dáng, hồi tưởng lại từng khuôn mặt, dường như đều mờ nhạt ảnh trong một cõi đi về.

\*\*\*

Thưa bạn cà phê một thời, một thờ,

Một ngày nào đó như mới đầu đây, vừa mới qua mau...

Lại ngược về lại thập niên 80, giữa lúc nửa đêm về sáng có tiếng chuông điện thoại reo. Giọng bên kia có tiếng như ấm nước sôi reo: Mà còn nhớ tao không?. Bỏ khi, ông cố nội ai mà nhớ, hiểu theo nghĩa là chẳng chịu nhớ cho. Thế là tìm được thêm một tên bạn cà phê cà pháo. Ít lâu sau gặp lại, gã đang học Anh văn để sinh ngữ sinh tồn, ấy vậy mà hoài bão của gã là mở một quán cà phê bỏ túi trong nhà với ba bốn cái bàn cùng dăm chiếc ghế, không ngoài đốt lò hương cũ về những ngày tháng đã cũ sì mốc meo. Để rồi bạn bè dăm đứa lại đắm chìm trong khói thuốc, day dứt với cái quán nhỏ, không bằng hiệu, bàn ghế thấp tè cùng hai chị em cô chủ tóc dài liễu trai, lạng lẽ đi ra đi vào như hai chiếc bóng, áo quần như sương mù mờ nhạt ảnh: Ấy là quán Pasteur.

Qua gã tôi mới hay quán đã đi vào quá vắng, dãy phố buồn hiu trống vắng, ảm đạm của thành phố một thời người xe tấp nập như nêm cối. Tôi u hoài về cô hàng cà phê tên Hồng chẳng biết bây giờ trôi dạt về bến bãi nào. Gã cho biết qua một bài viết của Phan Nghị, ông tự sự cô là người tình liêu trai của ông trong cái tuổi thất thập cổ lai hy. Đêm đêm hồn ma của bác phu quét đường, đàn bò, cánh vạc, đại bác, cứ nhè tai ông kêu réo, sau đó ông đành giã từ cõi nhân gian. Chuyện tình cô hàng cà phê là như thế đó. Cà phê nào mà chả đắng, cuộc tình nào mà chả...đen đũi. Thì cũng là chuyện vậy...Ấy vậy mà mất cả mấy năm trời đăng đăng, đến cái tên của gã, tôi cũng chịu chết không nhớ nổi một cái tên. Mà chỉ nhớ nó là...thằng bạn cà phê.

Và gặp lại một thằng bạn cà phê khác nữa ngay giữa lòng phố thị vắng gió điều hiu. Gia dĩ một thời nhá nhem gã là “quán chủ” cà phê Thượng Uyển. Ấy là quán cà phê duy nhất ở Sài Gòn ngự trên sân thượng có chòi lợp lá. Cả hai đang hai quên một nhớ thì có một khứa bạn nữa tạt qua Trúc gia trang. Sau dăm câu chuyện đầy đũa...hóa ra khứa này lại là cây si mọc rễ ở quán Thượng Uyển với cô thân ngân. Chuyện cũng chỉ loanh quanh với “người cũ” còn hiện hữu hay chẳng, gia chủ bèn vào nhà thàng một giấc để đi vào cõi không. Chẳng phải đi tìm chân ngã như khứa bạn qua ly cà phê đá: *giữa đời sống bình thường, viên đá tự tan chảy để tìm về bản thể long lanh của mình. Cho đến khi không nhìn thấy viên đá nữa thì làm sao biết được nó tồn tại hay không tồn tại?* Mà là để hai cố nhân vật lộn với *bóng tối đen như cà phê, bóng tối đắng như cà phê...* trong một ngày nhạt nắng.

Tận cùng của Sài Gòn đầu đường cuối ngõ chẳng thể không nhắc tới quán chị Chi. Quán chỉ đủ chỗ cho ba bốn chiếc bàn, không nhạc, không gì cả. Ngoại trừ bức tranh trên vách được cắt ra từ một tờ báo ngoại quốc. Tranh chụp một bàn tay giắt một em bé vai đeo cặp sách, mắt mở to, miệng méo máo, phía dưới có hàng chữ: “Đi học hả? Hôm qua đã đi học rồi mà”. Và chẳng mấy ai nhớ đến số nhà của quán cà phê, chỉ biết rằng nó nằm ở con phố nhỏ Nguyễn Phi Khanh. Ấy vậy mà cách đây mười năm, ngày chị đi vào cõi tĩnh mịch, có tới hơn hai trăm khách cà phê của một thời một thờ theo linh cữu chị để tiễn đưa. Nghĩ cho cùng mấy ai được như vậy. Tất cả chỉ vì cái tình tri ngộ qua hình bóng lẳng đọng qua cái tên thân quen, gần gũi: quán *chị Chi*.

\*\*\*

Ừ thì như trên tôi đã lan man, gặp lại bạn bè cũ qua chữ nghĩa để ủ ê những ngày tháng sập sùi, để tìm lại thấy mình còn có quá khứ, mặc dù chỉ là một cái quán, qua một cái tên. Nhưng ấy là cái gạch nối để thấy mình còn hiện hữu đằng góc phố cuối đường. Bằng vào tất cả những gì tôi vừa nhắc tới qua bài tạp bút này chỉ là một thoáng ngày cũ, một chút cảnh xưa, một phần hơi thở và nhịp sống của một trong những quán cà phê Sài Gòn trong trí nhớ. Mây vẫn bay ngày vẫn trôi đi, ai chẳng có một cái quán để nấp bóng còn đang bồng bênh nổi trôi đâu đó nơi quê nhà. Và cũng để hoài cảm một ngày nào đó, ngồi nơi quán xá bên đường ở một thành phố xa lạ, bỗng dưng bắt gặp một vài khuôn mặt quen thuộc qua một dòng nhạc, qua một ly cà phê...

Để hoài cố nhân với còn ai nữa, những người muôn năm cũ của quá vắng thấp thoáng ẩn hiện như mới đâu đây trong một ngày ít nắng nhiều mây...

Trúc gia trang  
Lập hạ, Giáp Thân 2004  
Thằng Bờm Phí Ngọc Hùng



Đề Thám – Phạm Ngũ Lão  
quán Thăng Bờm xưa cũ  
(nay Phố Tây Ba Lô)

\*\*\*

## Phụ đính II :

### Đỗ Ngọc Yến giữa bạn bè Vũ Ánh

Đúng như tên gọi, tác phẩm “Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè,” một tuyển tập những ký sự và hồi ký của 53 tác giả vừa hoàn tất và được Nhà Xuất Bản Người Việt ấn hành. Sách dày 412 trang kể cả một số trang hình ảnh kỷ niệm với bìa trình bày trang nhã, đã lần lượt đến tay những thân hữu. Con số 53 tác giả đã góp thành tuyển tập “Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè” gồm những bằng hữu của ông, những người đã cùng ông dấn thân vào những hoạt động thanh niên, giáo dục và xã hội từ cách đây nửa thế kỷ, những thân hữu, những đồng nghiệp có ít nhiều kỷ niệm với nhà báo sống trọn đời mình cho thanh niên, xã hội và báo chí truyền thông này.

Nội dung cuốn sách chẳng có gì to tát để có thể gọi là vinh danh hay ngợi ca những việc làm của một người, mà ngược lại hầu hết các trang sách đều liên quan đến những kỷ niệm vui của những người từng biết nhà báo Đỗ Ngọc Yến từ thời trai trẻ cho đến lúc sau này. Tôi gọi tác phẩm chỉ là một tập hợp những lời chia sẻ, gọi nhớ với nhau những kỷ niệm của những người bạn đã có với ông Yến trong suốt những giai đoạn hoạt động thanh niên và báo chí, từ lúc còn trẻ cho tới khi luống tuổi, gần đất xa trời. Kỷ niệm đó có thể sâu đậm, có thể chỉ là thoáng qua, nhưng tựu trung nó có thể góp lại thành bức chân dung sống động của “một nhà báo tò mò,” “một nhà báo thích lang thang,” “một nhà báo giang hồ vật,” “một nhà báo biết chia sẻ hào hiệp,” và nhất là lòng đam mê báo chí ngay cả lúc nằm trong bệnh viện... như lời nhà báo Đỗ Quý Toàn đã viết trong bài “Yến, từ những ngày tuổi trẻ.” (trang 60).

Những kỷ niệm với nhà báo Đỗ Ngọc Yến còn trải dài qua những bài viết đáng chú ý của Hoàng Ngọc Tuệ, Kiều Chinh, Kim Dung, Lê Thiệp, Minh An Lã Phạm, Lý Kiến Trúc, Nguyễn Thị Ngọc Oanh, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Khắc Nhân, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Xuân Nghĩa, Nhã Ca, Phạm Cao Dương, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Phan Huy Đạt, Phan Nhật Nam, Phan Thanh Tâm, June Pulcini, Quỳnh Giao, John Sommer, Charlie Sweet, Ruth Talovich, Tân Văn Hồng, Thảo Trường, Thụy Khuê, Tiểu Quyên, Trần Mộng Tú, Trần Thị Thức,



Trần Văn Khởi, Trần Văn Ngô, Vann Phan, Việt Nguyên, Võ Long Triều, Võ Phiến, Vũ Ánh, và Vũ Mạnh Hùng.

Trong những bài viết, những tác giả chỉ nói tới những kỷ niệm với một người bạn, một đồng nghiệp cho nên những nét chấm phá đó đã tạo nên những khối màu khác nhau, đa dạng, lạ lẫm nhiều khi làm cho những người bạn cùng chơi thân với Đỗ Ngọc Yến nhưng chưa bao giờ được nghe.

Chẳng hạn như Lê Thiệp, một nhà báo trước đây từng làm việc cho tờ Chính Luận từ Washington DC xuống quận Cam chơi và cũng để góp bài về Đỗ Ngọc Yến, đã âm thầm mở cuộc phỏng vấn bà Lã Phương Loan, người bạn đời của ông Yến. Không hình ảnh nào trung thực hơn là vợ mô tả chồng mình và đây là một chi tiết thú vị trong bài “Người Nữ Đẳng Sau”:

“...Kể lại chuyện đám cưới sau 40 năm, bà Đỗ Ngọc Yến cười cho hay, một tí nữa thì đám cưới bất thành... vì không có chú rể. Vào tối hôm trước khi nhà trai ở Sài Gòn đã thu xếp xong, thuê hẳn một chuyến xe đò đi Nha Trang rước dâu, mọi người tề tựu thì không thấy chú rể. Cả nhà túa đi tìm, nhưng không biết tìm nơi đâu. Chả là vì chú rể vẫn còn mãi họp hành, tổ chức, hội thảo biểu tình gì đó, suốt đêm chưa xong... Khi ông Yến mắt nhắm mắt mở trở về nhà, vẫn còn ngáp lên ngáp xuống, đầu bù tóc rối, quần áo lếch thếch. Xe đò tới Nha Trang, việc đầu tiên là chú rể phải ra tiệm hớt tóc.” (trang 185)

Theo lời bà Lã Phương Loan thì ông Yến lặn lưng 24/24 trong nhiều công tác thanh niên và xã hội, nhất là chương trình Hè 1965. Như vậy, cái tiểu gia đình của chính ông thì ai lo? Và đây lại thêm một chi tiết khác do chính bà Loan kể:

“Học 2 năm ở Văn Khoa, tôi quyết định thi vào Đại Học Sư Phạm ban Anh Văn. Thì giờ của tôi dồn hết vào việc học hành và chăm lo con cái... Lúc học đại học sư phạm, tôi đã sinh cháu Bảo Anh. Bài vở ngập đầu, tối về lại còn phải lo đủ thứ cho đứa nhỏ, thì giờ đâu mà nghĩ đến những chuyện khác. Tôi phải nói rõ điều này. Ông Yến nhà tôi suốt thời gian lo Chương Trình Công Tác Hè không bao giờ đem về đồng xu cắc kẽm nào. Gia đình chồng tôi buôn bán khá giả, chúng tôi được chia hẳn một tầng lầu rộng rãi và hồi đó cái ăn, cái uống không phải là mối bận tâm. Đã không đem tiền về, ông Yến còn lấy toàn bộ nữ trang đám cưới của tôi đem đi.

- Lấy của hồi môn?

- Vâng. Câu chuyện xảy ra tôi không dám ngờ cho ai, mãi sau này, cách đây vài năm tôi mới vỡ lẽ. Nhà đông người, thợ thuyền, kẻ ăn người làm nên một hôm tôi khám phá ra toàn bộ nữ trang của tôi bị mất, tôi có hỏi thì nhà tôi im lặng. Tôi chết cứng người, không dám nói với ai. Cách đây vài năm, ông Đỗ Tăng Bí nhân lúc vui chuyện bảo: Bà Loan này hiền thật, mất của cũng không biết. Hồi đó, ông Yến cần tiền (cho đoàn công tác) vì funding (tài trợ) của IVS chưa được tháo khoán kịp, ông Yến rủ tôi về lôi hết vàng bạc đưa tôi đem cầm đồ, bà có biết không? Tôi ngần người ra và hỏi ông nhà tôi thì chỉ thấy ông ấy vẫn cười trừ. Có điều tôi thấy không tiếc mà cũng không giận. Bản tính tôi nó vậy.”

Thế những khi ông chồng bỏ đi biệt thì người vợ nghĩ gì?

- “Tôi nói thật, tôi chỉ lo an ninh của nhà tôi. Rõ ràng nhà tôi thân cô, thế cô, không có chỗ dựa thể lực như chính quyền, quân đội, đảng phái. Bản tính hiền lành, nhỏ nhẹ, nếu có chuyện nguy hiểm làm sao ông ấy đối phó.” (trích 186-188)

Trên đây là một trong hàng trăm, hàng ngàn câu chuyện liên quan đến Đỗ Ngọc Yến được các bằng hữu và đồng nghiệp thuật lại với một lối tường thuật khá lôi cuốn. Người đọc có thể có nhiều cách nhìn khác nhau về những điểm được nêu ra trong đời sống, đời hoạt động, đời làm báo của ông Yến. Cách nhìn khác thì suy nghĩ cũng khác. Và đó là điều chính ông Yến cũng muốn và đã từng nhiều lần nói với những người làm việc chung với ông trước đây. Ông nhấn mạnh: “Không có cái gì buồn chán hơn một đời sống đơn điệu...”

(II)

Tôi nhớ lại rằng trong một vài cuộc biểu tình trước đây, một vài người trong đoàn biểu tình cho biết họ chống báo Người Việt vì cho Người Việt là báo của Việt Cộng. Chúng tôi bao giờ cũng im lặng chờ đợi xem những người tố cáo trưng được bằng chứng gì cụ thể, nhưng đợi hoài cũng chẳng thấy. Trong khi đó những hội đoàn chống cộng hàng ngày tiếp tục yêu cầu Người Việt phổ biến các thông báo cộng đồng đến đồng hương và không ngừng mời “báo Việt cộng” đến tham dự các sinh hoạt của họ. Anh em trong tòa soạn chỉ còn biết cười vui. Cũng có một vài lần, có người đặt vấn đề cơ ngơi của báo Người Việt. Chuyện này xem ra lại còn buồn cười hơn nữa. Cách đây 28 năm, có ai tin rằng ông Yến có tới vài chục ngàn, nửa triệu hay 3 triệu để dựng tờ Người Việt không? Hay là tờ Người Việt xuất bản từ một cái garage với vốn vài ngàn đồng do Yến và bạn bè của ông góp lại để rồi “nặng nhật chặt bị” từ tháng nọ qua năm kia gây dựng được cơ ngơi ngày nay. Chúng ta hãy nghe một nhân chứng là ông Đinh Xuân Quân nói về những ngày đầu tiên làm báo với ông Đỗ Ngọc Yến:

“...Sang Hoa Kỳ, tại quận Cam, tôi đã có dịp gặp lại Đỗ Ngọc Yến sau nhiều năm biệt tích, anh cùng gia đình từ Texas bò sang quận Cam với hoài bão là làm sao ra một tờ báo. Anh đã viết báo tại Texas, nhưng anh muốn làm báo tại quận Cam, nơi mà đồng hương “đã chọn nơi này làm quê hương”. Lúc đó anh và gia đình ở đường Euclid. Thời gian đầu đa số người mới tới đều phải lo đi học, lo tìm miếng ăn. Quận Cam ở vùng Bolsa toàn là vườn dâu, có rất ít nhà cửa ra hồn. Tôi may mắn hơn nhiều người khác vì đã học tại Mỹ cho nên cũng tìm được việc làm mau chóng: Sáng đi làm advisor cho số anh em đi học nghề tại công ty Goodwill, chiều đi dạy học tại Santa Ana College. Trong hoàn cảnh này tôi gặp lại anh Đỗ Ngọc Yến. Cho nên tôi thêm một nghề thứ ba là cứ tối và ngày nghỉ thì đến garage nhà anh Yến làm báo. Lúc đó anh Đỗ Ngọc Yến cũng ít cộng sự viên. Lúc đầu có anh Du Miên, sau này có anh Nguyễn Đức Quang. Anh Quang thì tôi đã gặp và quen tại Paris.

“...Khác với làm báo ở Việt Nam, qua đây thì cũng có nhiều cách thông tin và Đỗ Ngọc Yến lúc nào cũng dùng truyền thông làm phương tiện thông tin chính xác, không méo mó hay sử dụng để bắt chẹt người khác, loan tin thất thiệt hay bôi nhọ người khác. Đỗ Ngọc Yến có cái nhìn nghiêm chỉnh về truyền thông.

“Lúc đầu, tờ báo chỉ có vài trang. Thời gian đó báo cũng nhiều báo quảng cáo, báo cho không, cho nên sự cạnh tranh ráo riết. Anh ta lúc nào cũng lui đui làm marquette, lên trang báo và mang đi in cho kịp thời... Mỗi tuần tờ Người Việt chỉ có sức ra được vài ngày. Một việc đáng chú ý là lúc nào anh Đỗ Ngọc Yến cũng hoan nghênh anh em ở Việt Nam mới qua đóng góp cho tờ Người Việt. Cái phòng garage lúc đầu thì có đủ chỗ, nhưng dần dần chật ních vì lúc nào cũng đầy người, đầy anh em từ nhiều chỗ ghé qua, từ Việt Nam mới sang hay từ tiểu bang khác ghé quận Cam. Sau một thời gian thì từ garage chuyển qua Bolsa Mini Mall, và từ Bolsa Mini Mall về đường Moran theo đà phát triển của tờ báo...” (trang 50-51 - Đỗ Ngọc Yến - Những bước đầu của tờ Người Việt).



Đà phát triển mà Đinh Xuân Quân nói là chiều dài của 28 năm người sáng lập tờ Người Việt và các cộng sự viên, bằng hữu, bạn bè của ông phải trải qua bao nhiêu khó khăn gồm mồ hôi, nước mắt và có khi cả sự tử nhục nữa mới gầy dựng được cơ ngơi như bây giờ. Cái giá phải trả của những thành tựu của tờ Người Việt cũng giống như bao nhiêu nỗ lực mà một người tị nạn Việt Nam chân ướt chân ráo đến xứ này phải trải ra để đi từ căn apartment một phòng ngủ cho cả gia đình, tiến ra căn apartment 2 phòng ngủ, rồi 3 phòng ngủ rồi mua nhà “single house” với các xe hơi đời mới thay thế cho những chiếc xe trị giá vài trăm bạc. Ở Mỹ, một người không thể ngồi chơi, không thể không đồ mồ hôi, không thể không cố gắng hay không cần hy sinh mà vẫn có thể đáp ứng được nhu cầu của đời sống, của sự tiến bộ và phát triển. Huống chi một tờ báo. Những cố gắng để đẩy tờ báo từ một garage ra ngoài và dựng lên cơ sở như ngày nay phải mất đến 28 năm, chứ không phải 28 tháng, 28 ngày hay 28 giờ. Nó là chuyện bình thường không có gì bất thường. Nó cũng còn là sự công bằng. Nếu có người cho là khuất lấp thì cũng là quyền của họ, nhưng ở xứ sở này, một thông tin hay là một lời cáo buộc không có căn cứ bất quá cũng chỉ là kiểu đùa thấp hơn khôi hài đen mà thôi.

Chả có thể mà trong trong bài “Đỗ Ngọc Yến, một niềm bí ẩn”, Đinh Quang Anh Thái đã vẽ ra chân dung của một người từng đi dưới hai lần đạn. Chúng ta hãy nghe Đinh Quang Anh Thái viết về Đỗ Ngọc Yến:

“...Khi đặt bút viết bài này, thoạt đầu tôi tính đặt tựa bài là: Cộng Sản Hà Nội rất muốn có bộ trống làm bằng da Đỗ Ngọc Yến.

“Thật thế, tôi có bằng chứng cho thấy anh Yến không nhanh chân vào những ngày cuối cùng của Tháng Tư năm 1975 thì chắc chắn anh sẽ bị Cộng Sản lột da.

Vì tội gì ư?

Tội “làm CIA.”

Tôi còn nhớ ngay đêm đầu tiên trong lần bị bắt thứ nhất, lúc đó là tháng Tám năm 1975, Hai Tài đã sấn sổ hỏi tôi về Đỗ Ngọc Yến. Hai Tài là một sĩ quan công an phụ trách hồ sơ của tôi. Y quăng vào mặt tôi cuốn Nói Vòng Tay Lớn, tập kỷ yếu ghi lại sinh hoạt của sinh viên quốc nội và hải ngoại năm 1973. Chương trình này do anh Yến làm Điều Hợp Trưởng. Lúc đó tôi mới vừa xong trung học và theo chân thể hệ đi trước của anh Yến để dự dòng sinh hoạt. Hai Tài, rồi Năm Thủy, thậm chí cả Năm Trà phó giám đốc công an thành phố đều tra vấn tôi liên tục về Đỗ Ngọc Yến. Họ lôi ra những sự kiện mà họ cho là thành tích chống phá cách mạng của tên tay sai Mỹ-Ngụy Đỗ Ngọc Yến và bắt tôi viết lời khai về mối quan hệ giữa tôi và anh Yến. Năm Trà còn nói rằng Đỗ Ngọc Yến còn nguy hiểm hơn nhiều thành phần khác của chế độ Miền Nam.

“Khoảng đầu năm 1976, báo Saigon Giải Phóng của Cộng Sản còn đăng loạt bài: Đỗ Ngọc Yến là ai? Trong bài đó, ngoài những chi tiết thật về vai trò của anh Yến trong phong trào thanh niên Miền Nam, còn có những chi tiết dựng đứng, thêu dệt nhằm thuyết phục độc giả tin rằng anh Yến là sản phẩm của tình báo Mỹ. Hai lần bị bắt sau, công an đã hỏi cung tôi rất nhiều về anh Yến.

“Cộng Sản nghĩ về anh Yến như thế. Còn với một số người quốc gia không ưa anh thì họ đổ cho anh là Cộng Sản. Bản thân anh và tờ Người Việt đã là nạn nhân của nhiều vụ quấy phá. Có thời, tính mạng anh còn bị đe dọa bởi một số người vu cho anh là Cộng Sản...” (tr. 42-43 - Đỗ Ngọc Yến, một niềm bí ẩn).

Biến cố 30-4-1975 tạo ra biết bao nhiêu ngõ ngàng cho nhiều người về việc đi hay ở. Bây giờ thì ai cũng có thể nói là mình quyết định dễ dàng, dứt khoát phải đi thôi. Nhưng ở thời điểm đó thì khác. Những bản khoăn, dằn vặt, hoang mang, bối rối có thể làm cho người ta mù đi. Bởi thế mới có cảnh người có đủ phương tiện ra đi thì bị kẹt lại, người không hề nghĩ rằng mình kiếm ra phương tiện thì lại ra đi trót lọt, chẳng cần chạy vạy để nhọc đến tám thân. Lại có người, cơ hội ra đi chỉ đến trong vài phút hay trong vài giờ. Đó là trường hợp Đỗ Ngọc Yến. Bà vợ ông Yến kể lại:

“Tôi cuống cuống và lo sợ trước cảnh diễn ra chung quanh. Ai nấy như ngồi trên đống lửa, nhưng khi nói chuyện với nhà tôi, ông ấy chỉ bảo chắc thế nào cũng có chuyện lớn xảy ra. Đề cập đến chuyện đi hay ở thì nhà tôi cũng chỉ âm ừ và vẫn chỉ lo theo dõi tin tức chính trị. Tôi nhớ tối 25/4/1975, tôi giận quá lôi ông Yến vào phòng, đóng cửa lại làm dữ. Ông ấy vẫn cứ nói đầu đầu rằng đây là cơ hội một đời để chứng kiến lịch sử. Tôi bảo lịch sử là của cả nước, tôi chỉ lo con cái tôi thôi. Sáng sớm hôm sau, dưới nhà vắng lên điệu huyết sáo của mấy hướng đạo sinh gọi nhau, nhà tôi nhảy dựng dậy, chạy xuống. Tôi lò mò theo và thấy ông Đỗ Quý Toàn. Nhà tôi hỏi sững: Toa chưa đi à? Ông Toàn cho hay vừa từ phi trường ra để thăm bà mẹ lần chót, tiện thể ghé hỏi chúng tôi có muốn đi không, hai giờ nữa sẽ có Đỗ Tăng Bí lại đưa đi. Nhà tôi quay lại nhìn tôi và tôi bảo đi, nhà tôi cười nói: Đi thì đi... Chúng tôi đi được là nhờ ông Toàn, ông Bí (Bí kẹt lại và bóc 10 cuốn lịch ngoài Thanh Cẩm-NĐ) và khi vào tới phi trường nhờ có ông Britton, giáo sư Đại Học Sacramento từng phụ trách việc tìm tài trợ cho Chương Trình Hè, giúp đỡ làm thủ tục giấy tờ nên mọi sự xuôi rớt”. (tr. 53 - Người Nữ Đàng Sau).

Nhưng đó là chuyện của 30 năm trước. Thế còn ông Đỗ Ngọc Yến ở phố Little Saigon ngày nay thì sao? Có lẽ không gì hơn là phải trích dẫn bài viết của một ký giả, một nhà văn trẻ, anh Hoàng Mai Đạt. Gọi nhà báo, nhà văn này là trẻ thì không đúng hẳn, nhưng nếu dùng “trẻ vừa vừa” có lẽ đúng hơn. Hoàng Mai Đạt thuộc thế hệ tốt nghiệp đại học ở Mỹ, nhưng vẫn giỏi tiếng Việt, trong đầu đầy những suy nghĩ hài hước tự nhiên và ngộ nghĩnh, khi viết không gò ép khiến cho những tác phẩm của anh là những tác phẩm dễ đọc, lôi cuốn và hấp dẫn. Quý độc giả nào đọc tác phẩm “Biên Tà Tà” của Hoàng Mai Đạt rồi, hẳn đã nhận ra điều này. Theo như lời Hoàng Mai Đạt, thì anh biết ông Yến từ 18 năm trước. Nhưng 18 năm đó chưa đủ để anh biết tất cả mọi chuyện về nhà báo đàn anh này, nhưng những điều mà Đạt biết về ông ấy cũng là những cái biết thật cảm động:

“Vào những năm 1987-1988, tòa soạn nhật báo Người Việt còn nằm một bên lề ở số 14841 đường Moran, chứ chưa chiếm hết một dãy nhà ở cuối con đường để có thể ngang nhiên trực diện Bolsa như ngày nay. Ở địa chỉ cũ ấy, vào mỗi Chủ Nhật, trong mùa Hè, lớp báo chí được tổ chức trong phòng sinh hoạt. Phòng này có một sân khấu nằm bên cạnh kho chứa báo. Lúc đó tôi vẫn rụt rè theo cá tính, chẳng dám ngang nhiên bước vào tòa soạn như một người quen. Tôi thường đến lớp báo chí từ cửa sau, bước ngang qua kho báo, hấp tấp tìm một ghế xa sân khấu, học hỏi thêm trong mấy giờ đồng hồ, thay vì la cà ngoài phố, dáo dác tìm người để yêu giữa đám đông xa lạ. Một bữa nọ bước vào kho báo, tôi gặp ông Đỗ Ngọc Yến ở đó.

À đây rồi. Người ruồi gây máu lửa. Ông cười toe, nửa như muốn chọc ghẹo, nửa như muốn làm quen.

Trong tuần đó tờ Người Việt có đăng một bài tôi viết, ghi nhận một buổi ra mắt sách đầu tiên mà tôi được dự kể từ ngày mới đến California. Bài viết có nhắc đến một cách quá trung thực về phản ứng của khán giả đối với một diễn giả, khiến cho diễn giả sau khi đọc bài viết đã nổi giận, đòi ngưng cộng tác với nhật báo. Mặc dù tôi có lui tới tòa soạn một lớp báo chí mấy lần, hôm ấy là lần đầu tiên ông Đỗ Ngọc Yến nói chuyện với tôi. Ông cho biết bài viết đã gây tranh luận giữa nhiều người trong tòa soạn. Ông khuyên tôi cẩn thận hơn, xong ông chuyển sang đề tài

khác, trong khi tôi không hiểu mình viết gì mà người ta lại nóng lên như vậy...” (tr. 153-154 - Đỗ Ngọc Yến, người của phố Little Saigon).

(III)

Câu chuyện về những người đi giữa hai lần đạn ở cái đất Quận Cam này cũng như nhiều cộng đồng người Việt không phải là câu chuyện hiếm có. Ở đất nước mà tự do, dân chủ thừa mứa dường như dễ làm cho người ta hiểu lầm ý nghĩa thực sự của dân chủ và tự do. Đành rằng công cuộc chống Cộng là việc phải của mọi người. Hoài nghi và cảnh giác cũng là quyền của mọi người, bởi vì chúng ta đã bị lừa phỉnh quá nhiều. Nhưng cáo buộc một người hay một đoàn thể nào là cộng sản hoặc thân cộng là điều cần phải thận trọng. Tố giác, gán ghép bừa bãi không chứng cứ và theo cảm tính rất dễ biến một người trở thành “người đi dưới hai lần đạn”.

Năm 1976, nhân lúc công an cộng sản mở chiến dịch bắt tất cả những văn nghệ sĩ, nhà báo dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, họ lôi những người tù cái tạo nào từng làm báo, viết báo ra thẩm cung để tìm hiểu xem những nhà báo hay văn nghệ sĩ mới bị bắt có phải là những người mà họ gọi là những “Biệt Kích Cầm Bút” hay không. Tôi cũng là một trong số những người bị kêu đi khai cung suốt trong 5 ngày liền. Một trong những người mà họ hỏi đi hỏi lại là Đỗ Ngọc Yến. Tôi còn nhớ viên công an thẩm vấn tôi ở Chí Hòa tên là Ba Tùng (tôi đoán đây là bí danh của anh ta). Viên sĩ quan công an này tự giới thiệu là người biết rất rành về điều mà hắn gọi là “bọn nhà báo biệt kích” vì trước đây hắn nằm vùng trong Phong Trào Phụ Nữ Đòi Quyền Sống của bà Ngô Bá Thành. Tôi còn nhớ buổi sáng ngày hỏi cung thứ hai, Ba Tùng thấy vào mặt tôi bức hình chụp bán thân của một người gầy, cằm vuông, đeo kính trắng. Hắn hỏi tôi: “Biết ai đây không?” Quả thật là tôi không nhận ra ai, nên nói không. Hắn hỏi lại: “Không thật à”. Tôi cũng vẫn nói không. Ba Tùng đập tôi một đập và gằn giọng: “Bọn biệt kích văn hóa chúng mày mà không biết nhau à. Nó là thằng Đỗ Ngọc Yến phải không. Đồng bọn của mày là thằng nợ máu với nhân dân, một thằng biệt kích mà CIA dùng để chống phá cách mạng mày có biết không. Mày làm báo làm đài mà không biết tờ Đại Dân Tộc à, nó là lãnh đạo của tờ báo này ai cũng biết mà mày không biết...?”

Bao nhiêu năm sau, sang được tới đây, vào làm ở tờ Người Việt lần đầu từ năm 1993 đến 1995, tôi lại nghe trong cộng đồng có người cáo buộc ông Yến và tờ Người Việt là Việt Cộng và là báo Việt Cộng. Nói khơi khơi, viết khơi khơi, dễ dàng, thoải mái, chẳng cần chứng cứ.

Cho đến nay, khi đọc lại “Đỗ Ngọc Yến Giữa Bọn Bè”, tôi mới được biết, một nhà báo khác, nhà báo Hoàng Hải Thủy cũng đã trải qua cảnh bị cảnh tra vấn như tôi nhưng vào thời điểm ông bị bắt lần thứ hai 1984. Trong bài “Biệt Kích Cầm Bút”, Công Tử Hà Đông tức nhà văn nhà báo Hoàng Hải Thủy viết:

“...Bà con kẹt giờ nghe đài VOA kể cả những văn nghệ sĩ Sài Gòn ngẩn ngơ giữa rừng cờ đỏ, không ai biết ông Lê Văn là ai, chỉ biết ông Lê Văn là ông Lê Văn. Bỗng dưng tuần báo Tuổi Trẻ, cơ quan ngôn luận của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản thành phố HCM đăng một bài đả kích đài VOA, gọi đích danh Lê Văn đài VOA là ký giả Đỗ Ngọc Yến. Anh Con Trai Bà Cả Đợi, người anh em cùng vợ chàng Công Tử Hà Đông từng có hân hạnh được quen biết ông Đỗ Ngọc Yến từ năm nhà ông còn gần Ngã Tư Hàng Xanh xa lộ, rồi nhà ông ở đường Bùi Thị Xuân, trước cửa trường nữ trung học Nguyễn Bá Tông. Ngày 25, 26 Tháng Tư anh còn gặp Đỗ Ngọc Yến ở Sài Gòn. Ông và các ông Đỗ Quý Toàn, Lê Tất Điều, Vũ Ngự Chiêu, Phạm Hậu, Phạm Huân, Hà Huyền Chi, Thanh Nam... dzọt đi thật lẹ. Từ khi tờ Tuổi Trẻ loan tin Lê Văn VOA là Đỗ Ngọc Yến, bang chúng cái bang Sài Gòn đều cho ông Đỗ Ngọc Yến là ông Lê Văn Đài VOA. Chẳng ai còn théc méc gì.”

“Bị bắt, anh Con Trai Cả Đội cùng người anh em cùng vợ mí anh là Công Tử Hà Đông không thấy phiền hà gì với những buổi được gọi làm việc, tức là đi để bị thẩm vấn. Cai tù đến, dùng sâu chìa khóa đập mạnh vào cửa xà lim - Hán Việt văn huê gọi là biệt giam - và gọi “Hát... hát... tê đi làm việc...”

“Tôi viết được đi thẩm vấn vì phòng tù xã hội chủ nghĩa, nếu là phòng biệt giam tức xà lim, thì người là tôi nằm một mình quá buồn, muốn được ra ngoài cho thoáng khoáng, muốn được nói chuyện đôi câu, dù là nói chuyện với kẻ thẩm vấn mình, nếu ở phòng tập thể thì phòng nhồi nhét quá đông người, bần, nóng, ồn ào, hôi thối. Mùi người. Đụng chạm. Đó là những gì có mặt thường trực... ở tất cả các phòng tù Việt Cộng nhốt nhân dân thân thương, nhốt những đồng bào của chúng ta không những chỉ ở thành Hồ mà còn là khắp nước Việt Nam đau khổ. Được gọi đi thẩm vấn ít nhất người tù cũng được ra khỏi cái phòng giam bần thủ ấy trong vòng 2 tiếng đồng hồ, được ngồi tương đối thoải mái ở một chỗ tương đối vắng người, được công an Việt cộng mời hút thuốc là “Mai”, “Vàm Cỏ” v.v...”

“Trong một buổi thẩm vấn thường lệ khoảng Tháng Tám năm 1984, sau ngày bị bắt lần thứ hai chừng ba bốn tháng, anh công an Huỳnh Trung Thành mở cặp lấy ra quyển sổ bìa đen. Anh ta để một tấm carte nửa trong nửa ngoài, phần tên tuổi người trong tấm carte được che đi, chỉ cho tôi thấy bức ảnh căn cước cỡ 4x6, Thành hỏi tôi:

- Anh có biết ai đây không?

Tôi nhìn ảnh. Tôi gặp người trong ảnh này cuối Tháng Tư năm 1975. Bì giờ là Tháng Tám năm 1984. Thẩm thoát dzậy mà đã 9 mùa lá rụng. Tôi tưởng mới gặp ông ấy ngày hôm qua. Tuy không được giao du thân mật với ông thân mật với ông nhưng tôi không làm sao quên được dung nhan của ông. Ông trán cao, tai lớn, mặt vuông cương nghị, đặc biệt ông mang cặp kính trắng cận thị hơi dày.

- Nếu tôi không lầm thì đây là ảnh anh Đỗ Ngọc Yến.

Và để lấy điểm tôi tự khai báo thêm:

- Anh này hiện ở Mỹ, nghe nói anh ta là Lê Văn đài VOA.

Tấm carte được lấy ra cho tôi xem. Chẳng cần nhìn tên tuổi cũng biết đó là Đỗ Ngọc Yến...” (tr. 124-125)

Lê Văn là Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Ngọc Yến là Lê Văn... Tài thiệt. Việt Cộng thường có cái tài nâng quan điểm, bé xé ra to, có cái tài trù vào đầu người vô tội cái tội kinh khủng là “nợ máu với nhân dân” để bắt những ai chúng thù, chúng ghét, những ai ngược ý kiến với chúng. Đã đành rồi. Nhưng không lẽ người quốc gia lại bắt chước cái thói ấy để chế ra những lý lịch một cách vô trách nhiệm vu oan giá họa cho người khác?

Khi định cư ở Quận Cam, những người viết báo trước kia ở Việt Nam, muốn vào làm một tờ báo Việt ngữ ở đây, cần khắc phục được trở ngại: cơm áo. Bên cạnh số thù lao do tờ báo trả thường không đủ sống, cần phải có một công việc thứ hai nếu muốn tiếp tục viết báo. Nhưng chính là trong tình trạng này, mới thấy Đỗ Ngọc Yến kiên trì và yêu nghề báo đến mức nào. Có nhiều cách đánh giá khác nhau về sự thành công của một người làm báo Việt ngữ ở đây. Phan Thanh Tâm, một cựu phóng viên Việt Tấn Xã trước 30 Tháng Tư 1975 đánh giá sự thành công của ông Yến trong bài “Hiệp Sĩ Mù” như sau:

“...Tờ Người Việt Cali đổi tên thành tờ Người Việt, từ trong garage tiến lên thành cơ ngơi như ngày nay, tôi thấy tờ báo cả về nội dung lẫn hình thức đã tiến bước cùng theo sự thành hình và phát triển của cộng đồng Việt Nam. Chính những anh chị em được hấp thụ nền giáo dục Việt Nam Cộng Hòa đã vun trồng, nuôi dưỡng tờ báo để rồi trao lại cho thế hệ con em mình. Ngày nay, chính quyền địa phương muốn nói chuyện với cộng đồng, họ đến báo Người Việt.”

“Hiệp Sĩ Mù Đổ Ngọc Yến đã tạo một sự nghiệp để nể, đáng để giới giang hồ ca ngợi. Mình trần thân trụ xông pha làm báo từ thuở cộng đồng chưa thành hình thì phải nói là người có quá nhiều nhiệt tâm với báo chí. Tôi nghe nói thỉnh thoảng có kẻ hăm dọa tờ báo. Ở xa không biết rõ. Nếu có thì quả thật Đổ Ngọc Yến đã có tài chịu đựng và dám chấp nhận hiểm nguy...” (tr. 301)

Một thân hữu khác, nhà văn Thảo Trường lại có cách đánh giá khác về Đổ Ngọc Yến, qua bài “Mr Do Y.” với đầy cảm xúc:

“...Yến làm báo và hoạt động ở Sài Gòn từ trước 1975, nhưng tôi mới chỉ biết anh từ 1993. Mấy ngày đầu tiên sống trên đất Mỹ, tôi còn đang loay hoay lái xe thích nghi với đường sá và tốc độ lưu thông thì có điện thoại của Trần Dạ Từ, tôi đến nơi thì đã có Nhã Ca, Kiều Chinh, Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Đổ Ngọc Yến, họ đang bàn chuyện xuất bản thêm tờ tạp chí ngoài hai tờ báo Người Việt và Việt Báo Kinh Tế đang phát hành. Tạp chí Người Việt Thế Giới ra được 8 số rồi ngưng vì mọi người muốn dồn nỗ lực vào hai tờ nhật báo sẽ ra 7 số một tuần. Tôi nhớ Yến đã nói với tôi: Anh muốn làm việc ở đâu cũng được, bên này hay bên kia (NV hay VBKT) tùy ý anh thích. Yến ân cần với tôi như thế, nhưng tôi đã không có một ngày nào làm việc ở tòa soạn hai tờ nhật báo đó. Và cho đến bây giờ, 13 năm qua, tôi vẫn chỉ mò mẫm làm việc một mình với cái computer trong căn phòng ở nhà. Tôi đã không hội nhập được vào ‘dòng chính’ ở đây và tôi cũng không cũng không nhập cuộc nổi với nghề làm báo ở nước Mỹ. In như ngày xưa ở Sài Gòn, Việt Nam tôi cũng không nhập được vào nghề làm báo chuyên nghiệp. Tôi chỉ đứng ngoài gọi bài tới các báo kiểu ‘cây đặng’. Tôi đã đóng góp bài vở cho các báo của các bạn khi gần Tết bằng cách click một cái attachment. Trong khi đó, các bạn tôi bây giờ đã làm truyền thông với kỹ thuật cao, có người đang điều hành những công ty đa truyền thông phức tạp một cách thuận thục như... Mỹ.”

“Bệnh nhân room 206 đang thiêm thiếp là một người đã làm báo và đạt đến trình độ ấy. Nay anh lâm trọng bệnh. Nghe tin, tôi đến thăm. Nhưng anh ngủ bình thản. Còn tôi đứng cuối giường nhìn anh mà lòng thương cảm. Nhớ những ngày cuối năm, mặc dù tôi không làm việc trong cơ sở báo chí của anh, anh vẫn thường xuyên cho người mang đến tặng tôi báo Xuân, chai rượu, hộp bánh, thiệp mời đến dự tất niên với anh. Anh vẫn nhớ tới lão nhà văn già lưu vong ẩn mình bên bờ đầm lầy Bolsa Chica.”

“Chợt tôi để ý tới ở đầu giường có tờ giấy, nửa trên ghi tên bệnh nhân, nửa dưới ghi tên bác sĩ điều trị. Tên anh là Do Y. Vâng anh Yến, bây giờ với dòng chính anh đã là Mr. Do, các chữ khác là phụ, có thể viết tắt, có thể không cần viết ra, nhưng family name thì phải viết rõ ràng. Chúng ta đang sống trên đất Mỹ. Tôi sờ trán lấm tấm mồ hôi của anh, tôi nhìn gương mặt hiền hậu của anh. Chợt anh mở mắt mệt mỏi nhìn tôi hồi lâu sau anh gọi tên tôi, xong anh nói cảm ơn...” (tr. 328-329)

(IV)

Hồi tôi làm tổng thư ký tờ Người Việt, lâu lâu lại thấy ông Yến dẫn một người vào giới thiệu với tôi và yêu cầu sắp xếp một phần đất nào đó cho ông ta viết bài. Tôi cũng từng trải qua những kinh nghiệm nên cũng biết rằng ông chỉ muốn giúp người này hay người kia có đất dụng võ trong nghề nghiệp. Tôi hiểu lòng tốt của ông cho nên dù biết nhu cầu của tờ báo không cần, vẫn cứ phải cố gắng tìm “đất” để cho họ viết bài. Cũng có người từ đó đến nay vẫn viết cho Người Việt, cũng có người thấy không kham nổi nghiệp viết lách nên bỏ ngang hoặc lâu lắm mới gởi một bài. Lòng tốt của một người tất nhiên có nhiều ưu điểm hơn là khuyết điểm. Điều đáng nói nhất nơi Đỗ Ngọc Yến là tính tốt ấy của ông được thể hiện rất thoải mái, chẳng chút bận tâm như lời tác giả Tiểu Quyên qua bài “Đỗ Ngọc Yến với phép Lãng Ba Vi Bộ”:

“...Không những bị người khác hiểu lầm đe dọa tính mạng và tài sản, nhiều khi Đỗ Ngọc Yến còn vì tấm lòng rộng rãi gặp ai cũng thương nên lắm lúc khốn đốn vì cái tánh bác ái này. Chủ trương ‘thà để người phụ chứ không phụ người’, anh bao giờ cũng tìm thấy những lý do chính đáng để biện minh giùm cho những hành động đối nghịch của những người liên hệ với mình.”

“Bạn bè thường gọi Yến là 'Bò Tát Mắt Mờ' vì đôi kính cận quá dày. Có khi anh phải 'lén giúp đỡ' vài ba nhân vật mà những người cộng sự với ông cho là 'họ khá nguy hiểm'. Dùng tiền túi để thuê nhà giúp một du học sinh bị bỏ rơi, ký giấy tờ bảo đảm cho người quen di cư từ xứ khác đến Mỹ, hoặc đưa một người đang cần việc làm vô tòa báo dù cho báo chẳng cần người... đều là những chuyện Yến thường làm rất thoải mái, chẳng chút bận tâm! Những cộng tác viên của anh trong ban trị sự chỉ đành 'kêu trời như bọng' trước những quyết định thuần tình cảm đó...” (tr. 348)

Tình cảm mà Đỗ Ngọc Yến dành cho bằng hữu, dành cho những văn nghệ sĩ, dành cho tất cả những người có liên quan hay không liên quan đến nghề nghiệp của anh đã được nhà văn Thụy Khuê mô tả bằng những từ ngữ trang trọng trong bài “Anh Yến”:

“...Nhiều người đồng hóa anh chị Yến với báo Người Việt. Điều đó đúng mà cũng chưa hẳn như thế. Phải nói là báo Người Việt mang tinh thần của anh Yến (tất nhiên là cả chị). Anh tế nhị, anh luôn luôn đứng đằng sau để dẫn dò đằng trước, bởi anh không quên điều gì, từ việc chọn những đóa hoa cho một người bạn từ phương xa đến, hay phải đưa đón những ai, kể cả khi anh không có đó, anh cũng đã lo lắng, chu tất hết mọi việc từ trước. Anh Yến dặn, anh Yến bảo như thế, như thế...”

Khi anh Mai Thảo còn sống, anh Yến luôn luôn săn sóc anh Mai Thảo bằng sự hiện diện âm thầm. Anh Mai Thảo đi đâu là có anh Yến “tháp tùng”, nhưng anh luôn luôn đứng đằng xa, gần như vắng mặt. Tôi thích thái độ vắng mặt của anh. Khi anh Phạm Duy còn ở Mỹ, anh Duy đi đâu cũng có anh Yến: anh âm thầm bảo vệ anh Duy trong tất cả mọi tình huống. Tôi thích thái độ bảo vệ của anh. Chính anh Yến cũng là một nghệ sĩ cho nên anh hiểu nghệ sĩ hơn ai hết, anh có tâm hồn nghệ sĩ cho nên anh biết nghệ sĩ đích thực rất hiếm, nhân tài lác đác một vài trong thế kỷ mà kẻ giả nhân thì như rươi, và kẻ vui dập nghệ sĩ thì không thiếu, kẻ không hiểu nghệ sĩ như rừng, kẻ muốn nghệ sĩ phải làm theo ý mình thì như biển...

“Trong cái chợ trời muôn mặt ấy, anh Yến trầm tĩnh đứng nhìn bằng đôi mắt đeo kính cận rất dày, anh cận thị nặng, bỏ kính ra thì hình như chẳng thấy gì, vậy mà anh lại rõ mọi chuyện hơn ai hết, thì ra anh nhìn bằng trái tim, anh thấy hết: thấy Mai Thảo lúc nào cần uống thêm, thấy lúc nào phải đưa Mai Thảo về... thấy lúc nào nên tổ chức đêm nhạc Phạm Duy, lúc nào nên tổ chức đại nhạc hội mừng Thái Thanh, nên vinh danh Kiều Chinh trong trường hợp nào, thấy nên đón tiếp các nhà văn trong nước và giúp đỡ họ trong những ngày họ ở Mỹ ra sao... đấy chỉ là những việc ai cũng nhìn thấy, còn bề sâu anh đã âm thầm giúp đỡ biết bao người khác, từ thuở chân ướt chân ráo tới Mỹ, làm báo garage, rồi cũng từ garage ấy, anh gây dựng lên cơ sở

người Việt. Tôi thích sự âm thầm ấy của anh. Ai chẳng thích đặt mình dưới ánh sáng, trên trang nhất, anh xuống trang cuối, anh bước ra ngoài, không tham dự vào những thậm xưng, thậm ngôn, thậm vị...”

...

“Tôi nghĩ anh là người đầu tiên có tài năng và can đảm để xây dựng cái mà chúng ta gọi là cộng đồng người Việt hải ngoại tại Cali. Paris không có cộng đồng người Việt như thế, dù người Việt đến Pháp từ trước thế chiến, vì Paris không có báo chí theo đúng nghĩa của nó. Bởi tất cả đều bắt nguồn từ ngôn ngữ. Một cộng đồng không thể trỗi dậy và có sức sống mạnh, nếu không quy tụ trong ngôn ngữ riêng. Đỗ Ngọc Yến đã tay không xây dựng nên cơ sở báo chí vững mạnh đầu tiên, cho một cộng đồng mới chân ướt chân ráo chưa tìm ra chỗ dựa của mình. Tại sao anh làm được như thế?”

“Bây giờ thì tôi biết rõ: vì anh trọng tình người và anh có ý thức sâu xa về xã hội.” (tr. 335-336)

Một nhà văn nữ khác, Trần Mộng Tú, đặc biệt chú trọng đến Đỗ Ngọc Yến và bệnh. Ngoài lối viết rất nhẹ nhàng trong các truyện ngắn và lối làm thơ gây được cảm xúc ngay những dòng đầu tiên, nhà văn nữ này chú ý đặc biệt đến con người và bệnh tật. Bà đã biểu lộ sự quan tâm này đối với một người bạn cũng rất thân đã ra đi trước đó vì ung thư: anh Lê Đình Điểu. Bà đã từng làm cho nhiều người đọc được bài “Tiễn Bạn” viết tặng chị Dung, người bạn đời của anh Điểu khi anh qua đời, cũng thấy đôi mắt mình mờ lệ:

...

Năm ngoái đón anh về đây  
Chiếc xe thoảng mùi thuốc bắc  
Chúng mình đặt bao hy vọng  
Sắc trong nắm lá phơi khô  
Hy vọng có bao nhiêu ngậm  
Mình chia nhau mãi không đều  
Có ngậm mặn như nước mắt  
Dung giành lấy uống một mình”

Cách nhìn bệnh và người của Trần Mộng Tú thay đổi trong trường hợp Đỗ Ngọc Yến. Trần Mộng Tú đã bày tỏ sự cảm phục trong bài viết ngắn “Người Đùa Với Bệnh”:

“...Anh ra vào bệnh viện mấy năm liền, không phải chỉ bác sĩ y tá thuộc lòng hồ sơ bệnh tình của anh, mà anh cũng biết hết tiểu sử của họ. Vào thăm anh, không bao giờ anh kể bệnh cho nghe, anh chỉ kể chuyện cô y tá mới này có đặc điểm gì, ông bác sĩ cũ kia có thói quen gì. Anh kể như người lấy notes để cho người khác viết bài, chỉ nghe anh kể không cũng hình dung ra được những nhân viên của bệnh viện này thế nào. Anh cũng chẳng bao giờ chê trách bác sĩ hay phê bình y tá, vợ con có than phiền thì anh nói mấy câu khô hài gạt đi.”

...

“Khi chúng tôi ngồi trong tiệm ăn phở, cứ ngỡ anh sẽ nói về hôm nay lọc máu đau hay là không đau mà chỉ nghe anh rừ rừ kể tiểu sử của tiệm phở 79. Tiệm này có từ bao giờ, đây là tiệm phở thứ mấy ở Bolsa, tiệm mới ở đâu và bà chủ có mấy người con, con rể, con dâu tiệm phở này là ai. Rồi anh nói: Phụ Nữ Gia Đình nên viết một bài về cái tiệm này. Lúc nào anh cũng nói chuyện làm báo được. Đôi khi tôi nghĩ, nếu anh có thể xẻ thân ra làm ba bốn phần, mỗi phần đủ cả đầu mình chân tay thì chắc anh sẽ làm ba bốn tờ báo một lúc. Vì không xẻ được, nên thấy ai muốn làm báo, anh sẵn lòng ủng hộ, nhất là những người trẻ và anh luôn xúi người khác làm báo, bỏ



cả tiền túi ra đưa cho người khác làm báo...”

“Với Đỗ Ngọc Yến thì bệnh với anh là hai kỳ phùng địch thủ. Đánh một trận rồi nghỉ, cả hai rút quân về, bên nọ gườm bên kia. Con bệnh của anh đâu biết là nó gặp một địch thủ rất lý, anh coi nó không có ký lô nào cả, thậm chí anh chẳng thèm gọi đến tên nó, chẳng cần biết nó có mấy thằng tính xúm vào đánh trộm anh, anh chẳng thèm đem chuyện đánh nhau với chúng nói cho ai nghe. Anh coi đó là trò đùa không quan trọng, dù là một trò đùa sinh tử. Một chọi ba, bốn. Khi nào bệnh nó mệt, cần dưỡng sức thì anh tha cho nó, anh lại đến tòa báo, lại cho ý kiến, lại bàn nên viết thêm cái này, thay đổi cái kia. Anh thú thật, mắt đã không nhìn rõ rồi nhưng vẫn có thể nghĩ mưu. Khi nào bệnh lẩn lướt thì anh nhin nó, chỉ nhin thôi chứ nhất định không hàng...” (trang 355-356).

(V)

Trước khi vào làm tờ Người Việt ở giai đoạn đầu, tôi vẫn nghĩ tờ báo này cũng như hàng chục tờ báo Việt ngữ khác mà tôi đã đi vợ về từ các chợ để đọc mấy tháng đầu khi đến định cư tại Hoa Kỳ giữa năm 1992.

Cuối năm 1992, tôi được Giáo Sư Nguyễn Huy Hân trao cho việc lo tờ nguyệt san Bách Việt. Làm đâu được mấy số thì báo đình bản vì hết tiền. Tòa soạn của tờ Bách Việt lúc đó chính là căn studio mà ông xếp cũ của tôi, cựu Hệ Thống Trưởng Hệ Thống Truyền Thanh Quốc Gia Phạm Bá Cát thuê cho tôi ở tạm, gần anh Mai Thảo trong khu Christian Home thường gọi là ngõ Song Long. Xếp tôi nhận trả tiền nhà trong 3 tháng liên tiếp, sau đó thì tôi phải tự túc. Nhưng đúng tháng ông phải “dứt sữa” tôi thì tờ Bách Việt cũng đóng cửa. Nhưng may mắn thay, chưa đầy một tuần, ông chạy cho tôi một việc làm ở tờ Saigon Nhỏ. Tôi lãnh được đúng 4 cái checks cho 4 tuần thì bị ông Phước cám ơn. Cầm cái check tôi vào thẳng nhà băng Lippo ở Phước Lộc Thọ lãnh 200 đô la bỏ túi rồi lái xe đến Jack In The Box, Burger King, chợ Alpha Beta nộp đơn xin việc mà tôi tìm thấy trong mục Help Wanted trên tờ Register. Hai ông Box và King thì nói “Ông cứ về tôi sẽ gọi”, có nghĩa là nhìn số tuổi tôi ghi trên đơn, họ nói khéo như vậy. Chỉ có chợ Alpha Beta là hẹn ngày phỏng vấn. (Alpha Beta là khu chợ Mỹ ở vị trí mà bây giờ là chợ ABC). Hứng chí, tôi ra ngân hàng Bank of America nộp đơn xin việc vì tôi nghe một tên bạn báo cho biết ở đấy đang tuyển vài ba chân janitors. Đến nơi hỏi thì họ nói vẫn tiếp tục nhận đơn. Lập tức, tôi xin mẫu đơn điền vào rồi đứng xếp hàng sau khoảng hơn 20 chục anh Mẽ. Thấy đã nản rồi vì chắc chân janitor này không đến tay mình. Nhưng may quá, khi nhận đơn họ nói sẽ gọi thư hẹn ngày phỏng vấn.

Sau đó, tôi ghé vào Hòa Bình mua 2 phần cơm, một cho tôi, một cho anh Mai Thảo theo lời dặn của anh ấy. Những ngày chờ đợi, tôi hay sang chơi với anh Mai Thảo khi nào thấy anh ấy tỉnh rượu hoặc sang gõ cửa phòng anh hỏi xem anh có cần mua cơm hay quét dọn phòng không. Tình thoảng chúng tôi có nói chuyện với nhau về báo bỏ ở quận Cam. Nhưng nghe ông Mai Thảo nói thì chẳng muốn trở lại nghề báo nữa. Một hôm đang ngồi sử dụng lại máy computer để bảo đảm mình không quên sự vận hành của nó thì Tuyển đến. Lúc đó Nguyễn Tuyển đang làm địa ốc. Tuyển quảng cho tôi phần cơm và nói: “Mày đến gặp Đỗ Ngọc Yến bên Người Việt. Nó đang cần một biên tập viên”. Sáng hôm sau tôi đến tòa soạn. Thế là tôi bắt đầu làm biên tập viên cho Người Việt từ giữa Tháng Ba năm 1993, sau khi Nguyễn Xuân Hoàng bắt tôi dịch vài bản tin để thử trình độ Anh ngữ của tôi.

Mãi sau này, tôi mới được biết rằng thật ra thiếu biên tập viên tin tức thì không thiếu, nhưng Đỗ Ngọc Yến vì muốn giúp tôi một công việc lúc chân ướt chân ráo sang đây cho nên anh nhận tôi. Phần nữa, anh là người có cái nhìn khá xa về sự phát triển của tờ báo. Khi vào làm tờ Người

Việt rồi, được biết những anh em khác tập trung quanh Yến đều là những người đã từng có thời hoạt động thanh niên và học đường lầy lùnh. Thập niên 1970 khi ông Hoàng Đức Nhã sang điều khiển Bộ Dân Vận Chiêu Hồi, ông đã thực hiện ngay một loạt kế hoạch nhằm trẻ hóa hàng ngũ những người làm tuyên vận và những chỉ huy cấp tỉnh, vùng. Những cấp chỉ huy này phải tốt nghiệp đại học và có một số kinh nghiệm về tuyên vận, sinh hoạt thanh niên và xã hội. Vì thế khi cấp chuyên viên tuyên vận hạng A ra đời tại Bộ Dân Vận Chiêu Hồi, những đồng đội với ông Yến trước đây như Đỗ Tăng Bí, Phạm Phú Minh, Lê Đình Điều, Trần Đại Lộc, Hà Tường Cát... cùng nhiều người khác đã gia nhập cánh trẻ trong ngành tuyên vận với hy vọng đóng góp để làm hữu hiệu hơn guồng máy tuyên truyền đối đầu với Cộng Sản khi cuộc chiến càng ngày càng căng thẳng. Phải nói rằng những hạt nhân thành lập và phát triển tờ Người Việt đã có một quá trình hoạt động gắn bó với nhau rất lâu từ thuở còn là học sinh, rồi sinh viên, ra đời làm việc, ngay cả khi họ gia nhập quân đội, tù đày và cho đến bây giờ. Người sang trước đón người sang sau và họ đều đến trú ngụ dưới mái nhà của tờ Người Việt.

Trong suốt thời gian ba năm đầu làm việc với tờ Người Việt, tôi cũng đã có đủ thời gian để đánh giá lòng say mê báo bỗ của anh Đỗ Ngọc Yến. Hầu như không có tuần nào là anh không thúc giục mọi người học computer hay nói cả giờ đồng hồ về ảnh hưởng của computer trong giai đoạn đó và trong tương lai gần. Cũng không tháng nào là anh không nhắc nhở mọi người là viết cái này, khai thác điều kia. Vì trong đầu lúc nào cũng lẩn nhồn những kế hoạch và chương trình cải tiến nên có khi anh đánh trống bỏ dùi. Đỗ Tăng Bí, người hoạt động sát sườn với Đỗ Ngọc Yến đã mô tả những cái dùi trống của Đỗ Ngọc Yến ở trang 53 bài “Đỗ Ngọc Yến thuở thiếu thời”:

“...Người ta thường nói đến những cái dùi trống chất đầy trong garage nhà anh. Ngụ ý mấy chữ châm biếm trên để chỉ nhiều chuyện anh Yến bắt đầu nhưng không kết thúc y như anh đánh trống rồi bỏ dùi đâu đó. Gần gũi anh, tôi biết rằng đa số những hồi trống mà anh đóng lên thường là những chuyện cần thiết, hoặc cho lúc đó, hoặc cho mai hậu. Nhưng với lối làm việc team-work, không tự quyết định độc đoán, không để gì anh tìm được những người chia sẻ với anh và thực hiện những dự định lớn lao và cần thiết nên anh đành để đó, sau hầy hay” (tr. 53)

Vậy mà theo lời Đỗ Tăng Bí, chính Đỗ Ngọc Yến đã phải đi dẹp những dùi trống của kẻ khác để lại. Đỗ Tăng Bí đưa ra một điển hình và quý vị độc giả khi đọc câu chuyện này thông cảm anh Yến hơn. Bí viết:

“Khoảng giữa năm 1993, một nhóm vài vị khá tiếng tăm và giàu có mang lòng từ thiện họp nhau bàn việc cấp một ít học bổng cho mấy bác sĩ ở Việt Nam đi tu nghiệp Hoa Kỳ. Họ nhờ một tổ chức y tế ngoại quốc đang làm việc tại Việt Nam tuyển chọn các ứng viên trong số bác sĩ trong nước. Các ông bắt đầu bằng việc đưa sang California một cô bác sĩ trong ngành chống bệnh truyền nhiễm, phù hợp với ý định của tổ chức ngoại quốc muốn giúp Việt Nam chống sự lan truyền của bệnh AIDS. Và anh Yến được mời tới họp với họ vì anh là chủ nhiệm một tờ báo có uy tín. Năm, sáu nhà từ thiện góp mỗi người một ít tiền mua vé máy bay cho cô bác sĩ qua miền Nam California. Các ông xin cho cô được tu nghiệp ở một bệnh viện thuộc trường đại học trong vùng để học hỏi rồi về nước giúp đồng bào. Và họ nghĩ như vậy là xong việc thiện.”

“Nhưng còn chuyện cô bác sĩ này sẽ ở đâu, ăn uống, di chuyển như thế nào trong suốt thời gian ở California thì không ai đứng ra lo, không ai chịu bỏ tiền ra cả. Vì cô bác sĩ có số điện thoại của anh Yến nên cô gọi và hỏi anh phải làm sao. Anh Yến lại về cạy cục đầu với vợ anh, chị Loan, được ít tiền để cô ta có ngay mà dần túi. Anh tìm tôi: Bí này, có cách nào lo chỗ ở cho cô ấy không nhỉ. Ngay hôm đó thì không có cách gì đi thuê nhà ngay cho cô, mà gọi vào khách sạn thì tiền đâu ra, tốt nhất là rước cô về nhà, đó là nhà tôi. Vợ chồng tôi qua ở phòng con trai, nhường phòng cho cô, con trai tôi ra phòng khách. Gọi là tạm cũng mất đầu hơn một tháng.

Phải tìm một phòng trọ ở gần ngay nơi cô tu nghiệp, đỡ chuyện xe cộ đi lại. Tiền thuê apartment lúc đó mỗi tháng cũng mất năm, sáu trăm, ít nhất phải trả một năm tiền nhà, còn tiền ăn uống của cô, rồi đồ dùng linh tinh, từ cái TV, giường nằm, bàn làm việc, rồi mùa lạnh tới cần quần áo phù hợp, rồi tiền quà cáp những ngày Thanksgiving, Giáng Sinh, giúp cô ít tiền gọi về nhà... cũng phải có đủ. Tôi không biết anh Yến xoay đâu ra ngần ấy thứ, cứ đưa tôi dần dần để tôi lo liệu. Có những tháng, anh chưa xoay kịp tiền, chúng tôi phải nghe những cú điện thoại chửi rửa của chủ nhà và phải ề ề ra trả tiền phạt vì hai vợ chồng tôi là người đứng ra ký hợp đồng thuê nhà cho cô ta. Hoàn cảnh chúng tôi lúc đó không thể góp nhiều với anh được. Chuyện tiền nong coi như xong, nhưng còn tin đồn lúc đó anh Yến có bỏ đi thuê nhà cho cô ta ở thì giải thích làm sao? Hôm nay, lần đầu tiên tôi kể lại chuyện dài trống này để chị Loan hay ai đó mười mấy năm nay vẫn nuôi thắc mắc có thể giải tỏa từ đây. Nhưng chính cô bác sĩ đó cũng tưởng là được “Mỹ” giúp, không biết ai là những người thật sự lo cho cô. Các hướng đạo sinh làm việc thiện thì không nên cho người thụ hưởng biết...” (tr. 96)

Thực sự ra chuyện làm “công quả” của anh Yến, theo chỗ các bạn hoạt động chung với anh từ 40 năm trước cho biết, thì rất nhiều, không kể hết được. Ngày tôi trở lại làm việc ở tòa soạn Người Việt lần thứ hai (2002), cả tòa soạn đã chứng kiến cảnh anh hao tâm tổn trí, tốn tiền để tổ chức cái này cái kia, tập hợp nơi này nơi nọ và cuối cùng nhận lãnh những búa rìu dư luận. Nhưng chẳng bao giờ thấy anh “trả lời trả vốn gì”. Trong suốt thời gian tôi ngồi ở ghế tổng thư ký, tôi hiểu rằng người mà anh Yến quan tâm nhất vẫn là tôi. Anh biết tôi là người hay “mó d... ngựa”, một người chưa học hết được chữ nghĩa, một người không hề biết phép lãng ba vi bộ... có thể làm hỏng việc của tòa soạn nên thỉnh thoảng có nhắc nhở tôi, nhắc nhở chứ không bao giờ anh bảo tôi phải làm cái này hay cái kia. Có một số điểm tôi không đồng ý với anh, nhưng nói chung tôi phải nhận ra rằng, trong 3 năm làm việc ở tòa Người Việt giai đoạn II, tôi học hỏi được ở anh nhiều điều hữu ích. Nó giúp tôi nhìn vấn đề chín chắn hơn, bỏ qua những gì có thể bỏ qua được để tránh bực bội và đi tiếp đoạn đường ngắn cuối cùng của nghề nghiệp.

(VI)

Trong tất cả các bài của 53 tác giả, phần lớn hình ảnh Đỗ Ngọc Yến thường được mô tả bằng những kỷ niệm vui vui, pha chút ngộ nghĩnh của những người bạn đã từng có giai đoạn hoạt động, hay từng làm việc với anh. Riêng tác giả Đỗ Quý Toàn trong bài: “Yến, từ những ngày tuổi trẻ” đã mô tả chân dung Đỗ Ngọc Yến, một nhà báo với những hình ảnh rõ rệt. Ở trang 53, tác giả Đỗ Quý Toàn cho rằng tính tò mò là một trong những đức tính căn bản của một nhà báo. Không có đầy đủ đức tính này, một nhà báo không thể làm đầy đủ trách nhiệm tường thuật. Đỗ Quý Toàn viết:

“...Yến rất thích đọc những tin lạ, tìm liên hệ giữa các mẩu tin rời, theo dõi những âm mưu chính trị hậu trường. Yến chú ý đến những tin tức khi mới nghe thì rất nhỏ nhưng sau đó lại có ảnh hưởng lớn tới thời sự, hoặc có ý nghĩa lớn đối với xã hội chung quanh. Trong đầu anh chàng chứa đầy hồ sơ những thông tin, chứa sẵn để sau đem sử dụng.

Yến cũng thích chính mình đi tìm những tin tức hậu trường. Khi vào nghề báo là Yến bắt đầu lang thang trên các quán đường Tự Do, đường Nguyễn Huệ, gặp các phóng viên ngoại quốc và những ký giả Việt Nam làm cho các hãng thông tấn nước ngoài. Họ đều có những nguồn tin riêng vì họ quen các viên chức trong chính phủ hoặc trong quân đội và nhiều người nể nang họ. Sau khi ngồi uống cà phê với Cao Dao ở Givral về, Yến thường kể với tôi những chuyện mới nghe được, hoặc nhận xét của anh Cao Dao về hậu trường chính trị Sài Gòn. Thường đó là những nhận định rất lý thú vì anh Cao Dao biết nhiều chuyện hành lang mà anh lại có tài tổng hợp rất nhanh, đặt mỗi chuyện trong bối cảnh của nó. Cũng như Yến thích nói chuyện với anh

Như Phong, một người biết rất nhiều về hậu trường chính trị Việt Nam từ 1940 đến 1970. Yến học được thói quen và khả năng tổng hợp của những bậc đàn anh đó...”

Khi mở mục “Hành Lang Mật” trên báo Đại Dân Tộc, Đỗ Ngọc Yến dường như muốn thực hiện tất cả những hiểu biết của anh từ những tin tức hành lang, nghĩa là những tin không được chính thức phổ biến, nhưng phạm vi chỉ trong giới hạn những tin tức từ các phiên họp “bốn bên” ở trong căn cứ Tân Sơn Nhất sau Hiệp Định Paris mà thôi. Mục này đánh trúng tâm lý của độc giả Sài Gòn và Miền Nam lúc đó chỉ tò mò về những chuyện bên lề. Lý do, theo tác giả Đỗ Quý Toàn là vì người ta không biết “bọn Việt Cộng này ăn ở ra sao, người ngọm như thế nào, trông họ có giống người mình không.” Đỗ Quý Toàn nhấn mạnh thêm trong bài viết:

“...Từ trong rừng đi ra, họ ở ngay bên cạnh thành phố, chỉ cách mình mấy hàng rào kẽm gai mà không ra tới đường cái, dân chúng không mấy ai được trông thấy họ. Hai phái đoàn Việt Cộng trong Tân Sơn Nhất giống như một đoàn xiếc lạ tới trình diễn, họ diễn ngay gần nhà mình nhưng lại chỉ biểu diễn cho một đám nhà báo tới coi mà thôi. Bàn dân thiên hạ thắc mắc, tò mò đúng như những khán giả phải đứng ngoài cửa rạp không được coi xiếc... Đỗ Ngọc Yến là người đi coi và quan sát đoàn xiếc đó, lân la gặp hỏi chuyện họ, nhưng rất khó được. Một cách khác là moi tin tức và giai thoại qua những sĩ quan và nhà báo quân đội VNCH có cơ hội tiếp xúc với họ rồi đem về kể lại cho anh em nghe trong mục Hành Lang Mật. Đúng là cái máu tò mò của một nhà báo. Cái tính này bẩm sinh và không bao giờ bỏ được...”

Khi dựng lên tờ Người Việt ở California, Yến lập lại mục Hành Lang Mật để kể những chuyện khác trong đời sống di tản. Sau này có người nhái lại ba chữ đó để viết về Dinh Độc Lập. Những người có óc tò mò để viết những loại tin hành lang mật rất hiếm bởi vì thể loại này đòi hỏi một số điều kiện về thời sự, tính tò mò bất hại, không ác ý, không thù ghét và phải lượng thiện để loại tin hành lang đó trở thành ích lợi chung cho xã hội chứ không phải trở thành một thứ thông tin không chính thức phương hại đến cá nhân hay cộng đồng. Tác giả giải thích thêm về đặc tính này:

“Mạng lưới thông tin chính thức và không chính thức giúp mọi thành phần sống cùng xóm cảm thấy họ liên hệ, gắn bó với nhau. Nó giải thích các hiện tượng xã hội, những vụ li dị, những nét mặt khó hiểu, nó nối kết những tình cảm vui buồn, giải tỏa các u uất chung cho cả một tập thể con người, giống như những kinh mạch vận chuyển trong một cơ thể. Tin tức mà bị ngăn chặn giống như kinh mạch bế tắc sẽ sinh ra những biến chứng có thể sinh bệnh lúc nào không biết.

“Yến mang trong mình 'cái bản năng thông tin' rất nhân loại đó nên tự nhiên phải thành một nhà báo, mặc dù chàng thiếu rất nhiều đức tính khác của một ký giả, thí dụ như anh chàng rất lười viết và khi viết thì ý tưởng chạy nhanh hơn tay viết, như chân chạy lạng quạng.

“Mấy năm gần đây khi vào nhà thương Fountain Valley (lâu lâu Yến lại vô nằm đó cả tuần lễ để thưởng thức cái cuisine bệnh viện), anh chàng vẫn giữ máu tò mò nhà báo như vậy. Vào thăm đứng bên giường bệnh, chẳng bao giờ nghe Yến kể đến bệnh tình của mình. Lâu lắm mới nghe Yến nói đến việc điều trị, cốt để trấn an người đến thăm. Nhưng bạn bè có thể nghe anh chàng kể: ‘Cái bà y tá này có hai đứa con, thằng lớn nó bỏ học...’ hoặc là ‘Cái anh bác sĩ ấy, bà vợ hần hồi xưa cũng học Văn Khoa...’”

“Mà không phải Yến chỉ tò mò vì thích tìm hiểu thế giới nhân loại chung quanh như khách du lịch đi coi sở thú, hoặc một nhà quan sát từ hành tinh khác đến trái đất nghiên cứu về loài người. Yến thật sự quan tâm đến từng người, đến từng nhân vật trong bản tin ‘hành lang bệnh viện’ của mình. Cái bà y tá vẫn đến đo máu hoặc lấy nhiệt độ cho Yến có thể chữa đựng một bản tiểu sử đầy nước mắt, mấy anh bác sĩ trông nghề nghiệp như vậy nhưng đã trải qua bao

nhiều gian khổ trong cuộc đời. Chẳng hạn có anh hồi ở Việt Nam vào quân y bị các sếp đẩy ra mặt trận bao nhiêu lần mà vẫn không chết, có lúc cứu sống cả mấy thằng Mỹ hay mấy thằng Việt Cộng bị thương. Có anh sang Mỹ đi rửa chén mắt mấy năm rồi mới học lại lấy bằng, tiêu biểu cho những người tị nạn đến nước Mỹ, dứt bỏ hết quá khứ, bắt đầu lại cuộc sống từ số không. Nhưng bây giờ anh ta đang tự hỏi, chưa biết mình sống thế nào cho hữu ích như hồi sống ở Việt Nam...”

## (VII)

Trong khoảng thời gian 1994-1995 lúc đang ngồi ghế biên tập viên tin trang địa phương, thỉnh thoảng tôi được kêu ra phía sau giúp một tay chuyển một xe sách từ trên chiếc xe cà khổ của ban phát hành vào trong thư viện. Sách ở mà nhiều thế, trong thư viện không còn chỗ nên chúng tôi quẳng đại trên nền nhà. Yển hay đến các thư viện Mỹ mua lại sách cũ. Mỗi lần đi như vậy, anh thường mua một xe. Giá của một xe sách cũ ở thư viện không là bao, nhưng vấn đề là chỗ chứa. Cho nên, khoảng thời gian đó, nếu ai vào tòa soạn Người Việt, bước vào khu thư viện, phòng làm việc riêng của Yển hay hành lang khu vực biên tập sẽ thấy la liệt những đống sách. Đỗ Ngọc Yển đọc không ngưng nghỉ và đôi khi tôi thấy anh xé toạc một vài tờ rồi gấp lại đút vào túi.

Mười năm sau khi đọc “Đỗ Ngọc Yển Giữa Bạn Bè”, thấy một đoạn Đỗ Quý Toàn viết về “con một sách này”:

“...Ngay từ hồi mới quen nhau, thuở 17, 18 tuổi, tôi nhiều lần ngạc nhiên vì cái anh chàng này sao nó biết và nhớ nhiều thứ thế. Sao nó quan tâm đến nhiều chuyện, nhiều người thế. Hắn mắc tật ham đọc ngón nghiêng đủ các thứ sách vở, báo chí, trăm thứ bà rần. Đạp xe trên đường Pasteur, Yển bỗng nhận ra một ngôi nhà: Ngày xưa Nguyễn An Ninh diễn thuyết ở chỗ này, này. Đi qua Phú Nhuận, Yển bỗng chỉ tay: Bên trong đó có cái Mả Ngụy, vào coi đi ? Nói đến Voltaire, anh chàng có thể kể ngay câu chuyện hồi bà nhân tình của ông ta có bầu sắp sinh trong lúc chồng bà ta đi vắng, Voltaire đã cùng một anh nhân tình trẻ khác của bà ta lo lắng đưa bà đi đẻ (Đứa con sống, nhưng bà mẹ chết, tội nghiệp, hình như bà chưa tới 40 tuổi). Có lúc Yển nói câu bất ngờ giải được khúc mắc trong lòng người.

“Một đêm chúng tôi đi vòng quanh Hồ Xuân Hương ở Đà Lạt, vừa đi vừa bàn chuyện triết lý lung tung, những thao thức băn khoăn về kiếp người. Cái thuở thanh niên mới lớn, ai cũng muốn đặt lại tất cả vấn đề căn bản của nhân loại, như những người lần đầu tiên biết suy nghĩ! Khi trở về đứng tâm sự thêm với nhau trên lề đường trước cửa nhà số 2, Ngô Quyền, lại nói tiếp không muốn đi ngủ. Tôi bỗng thấy mình như khám phá ra một mấu chốt của các mối băn khoăn trong lòng, tôi nói với Yển một cách nghiêm trọng: Cuối cùng phải biết mình là cái gì đã. Yển trả lời ngay: Thì ông Socrate cũng nói vậy. Tôi chợt ngắt người ra. Cái anh chàng này đã chứa một câu trả lời sẵn, ai cũng biết nhưng vẫn rất bất ngờ. Hóa ra bao nhiêu suy tư xao xuyên của mình chẳng có gì mới hết...” (tr. 66)

Vẫn theo lời tác giả Đỗ Quý Toàn, cái tính ham đọc của Yển không có giới hạn, nhưng tuổi trẻ miền Nam vào thời đó rất thích bàn chuyện triết học. Đỗ Ngọc Yển là khách hàng thường xuyên của tiệm bán nhiều sách Triết từ Tây qua, kể cả những sách của các tác giả trong thế giới cộng sản, hoặc là một tiệm bán sách cũ trên vỉa hè đường Lê Lợi chuyên bán và cho thuê những thứ hàng quốc cấm. Tác giả Đỗ Quý Toàn cho biết:

“...Chúng tôi chia nhau đọc những cuốn truyện cấm, nhờ vậy tôi học thêm được nhiều tiếng Pháp mà các thầy ở Chu Văn An không dạy. Sau này, sang Québec sống, tôi vẫn không hiểu

tại sao mình lại hiểu được tiếng Pháp và nói được lôm bôm, mặc dù ngoài giáo sư Trần Đình Ý ở Chu Văn An thì không đi học đâu hết. Một phần chắc vì đã đọc say sưa những cuốn sách mượn ở đường Lê Lợi nên tiếng Pháp nó thấm vào, phần khác vì đi coi phim nói tiếng Pháp phụ đề Việt ngữ, chỉ đọc phụ đề thôi chứ không thèm nghe, nhưng âm thanh nó vẫn lọt vào đầu lúc nào không biết. Ấy trời sinh ra xi nê nó cũng có ích thế!

“Tôi thường đi xi nê với Yên ở rạp Vĩnh Lợi, Lê Lợi. Thuở đó có mấy người bạn thân hay bao tôi đi coi chiếu bóng là Dương Đình Hưng, Hà Dương Hùng và Đỗ Ngọc Yến, vì tôi thường không có tiền mua vé. Duy chỉ có Yến là hay cùng tôi đẹp xe đạp lang thang, trước hoặc sau khi đi coi hát, còn Hùng và Hưng đều hiền lành chân chỉ, không có máu lang thang. Chính Yến đã giới thiệu cho tôi biết cái quán của mấy chú ba Tàu bên cạnh Kho Bạc, tới đó mỗi thằng mua một cốc bia hơi chỉ đủ tiền mua một miếng phá lấu xiên bằng tăm, đứng cầm tăm mà nhậu, nhìn người qua, kể lại bàn tán chuyện đời...” (tr. 68)

Máu thích lang thang của Đỗ Ngọc Yến rất thích hợp với vai trò người làm báo. Đỗ Quý Toàn đã viết như vậy ở trang 69 và anh còn khẳng định là nếu không ham đi, chắc Yến cũng không đi làm báo làm gì. Vẫn theo tác giả Đỗ Quý Toàn, hễ có dịp đi là chàng nháy liền, hãy đi đã, rồi tính chuyện đi làm cái gì sau. Chính cái máu ham đi đã dẫn Yến sang nước Mỹ chứ chẳng có xia (CIA) nào hết. Cũng như cái máu phiêu lưu đã “đưa anh chàng nhiều lần ra thăm chiến địa suốt thời gian chiến tranh, lặn lộn vào chỗ sống chết mặc dù không ai bắt buộc mình cả...” Ở trang 70, tác giả Đỗ Quý Toàn viết:

“Hồi những năm 1966-1967, Đỗ Ngọc Yến chuyên đi những trại công tác thanh niên giúp đồng bào tị nạn ở Cam Lộ, Đông Hà. Anh chàng cũng phụ trách chương trình đón du học sinh Việt Nam về thăm quê hương năm 1972 do Bộ Thông Tin Chiêu Hồi tổ chức, dù chính anh chàng không hề làm công chức bộ này ngày nào. Những công việc làm tự nguyện này chắc cũng vì cái tính thích đi đây đi đó, nhất là với các bạn trẻ, các cô. Cái tính lang thang này chúng tôi chia sẻ với nhau từ nhỏ, nhưng tôi không ghiền nặng và cũng không liều lĩnh như Yến. Hồi quân đội VNCH hành quân sang Căm Bốt, Yến là phóng viên đầu tiên của tòa báo sang Nam Vang, theo tàu hải quân đến Neak Luong, nên khi về có biết bao nhiêu chuyện để kể...”

“Một bữa gần Tết, Yến bảo tôi: Mai có chuyến bay, mình đi Pleiku. Lúc đó, chiến trường cao nguyên đang nóng. Có chuyến bay tiếp tế cho tiền đồn, ủy lạo chiến sĩ, có chỗ trống là Yến theo liền. Hôm đó, về nhà, tôi tưởng tượng nếu mình cũng được bay trên chiếc phi cơ vận tải ngày mai, sẽ xa mẹ, xa vợ con trong một ngày giáp Tết, mình sẽ nhìn xuống rừng núi xanh trùng điệp, rải rác đây đó những hố bom để lộ mặt đất cao nguyên đỏ lừ và nhiều đám khói sùng, khói bom bay lượn trên màu rừng. Tôi viết mấy câu thơ tựa là: Cuối năm tiễn ông Yến lên Pleiku làm phóng sự. Còn nhớ mấy câu như:

Khi anh bay qua Trường Sơn  
Ngó xuống rừng lổ chỗ  
Anh chợt nghĩ Xuân về  
Đồi xanh hoa vẫn nở!  
Năm nay không chừng yên  
Trên mây nhiều dấu lạ  
Đêm ngủ có mộng lành  
Thấy thằng em giải ngũ...

(VIII)

Tính giang hồ vật của Đỗ Ngọc Yến và riêng việc lui tới Đàm Trường Viễn Kiến cũng đã được tác giả Đỗ Quý Toàn đến với những chi tiết đáng chú ý về suy nghĩ của lớp thanh niên thời đó. Chính tác giả cũng không nhớ ai đã rủ rê tác giả và Đỗ Ngọc Yến tới Đàm Trường Viễn Kiến của cụ Nguyễn Đức Quỳnh để “nghe các đàn anh bỏ kháng chiến về thành nói chuyện văn nghệ, chính trị, triết học”. Theo tác giả Đỗ Quý Toàn trong “Yến, từ những ngày tuổi trẻ” thì “hầu hết ai cũng bị ám ảnh là phải vượt qua chủ nghĩa Marx”. Lúc đó Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp đang bị mấy tờ báo “chửi” vì thơ tự do của các anh in trên tờ Sáng Tạo. Nhóm Quan Điểm đang lập thuyết, đề cao vai trò của giai cấp tiểu tư sản trong lịch sử - hồi đó báo chí chưa dùng chữ giai cấp trung lưu như sau này. Đỗ Quý Toàn nhấn mạnh trong đoạn mô tả Đàm Trường Viễn Kiến:

“...Ngôi nhà cụ Quỳnh nhỏ, mái thấp, hình như tường và cách ọp ẹp lắm, nằm trong hẻm chùa Từ Quang của thầy Tâm Châu trên đường 20, Phan Thanh Giản. Cụ Quỳnh bà lâu lâu cũng ra ngồi góp mấy câu chuyện cũ. Nghe cũ bà nói thì thấy rõ có một thời cụ bà đã từng là một nữ lưu quốc thước bên cạnh ông chồng chiến sĩ văn nghệ.”

Duy Sinh (Nguyễn Đức Phúc Khôi) là con lớn của hai cụ, nhưng ít khi anh dự các cuộc thảo luận, chắc anh đã nghe ông già nói suốt đời rồi, đã thấy đủ. Máy chú Kinh, Kỳ thì còn là nhi đồng. Mỗi tối Thứ Sáu họp mặt, cụ Quỳnh mở toang cửa trước, cụ bảo để thảo luận công khai không hề giấu giếm. Cốt cho công an, mật vụ của các ông Diệm, ông Nhu tha hồ đến nghe mấy ông văn nghệ văn nghèo đọc văn ngâm thơ oang oảng, rồi về báo cáo, khỏi ai nghi ngờ thắc mắc. Hồi năm 1963, cụ Quỳnh có bị bắt, chắc vì cụ hay qua lại thăm thầy Thích Tâm Châu. Bây giờ năm 2005 mà ở Hà Nội, Sài Gòn có những cái đàm trường như vậy thì vui nhỉ? Bây giờ có web, nhưng không có cái không khí vừa thoải mái vừa công khai một cách ngạo nghệ, vô úy vô kỵ như ở Đàm Trường Viễn Kiến thời đó.

“Cụ Quỳnh chuyên môn mặc bộ bà ba nâu kiểu người Bắc, tay cầm quạt, cụ chuyên hút thuốc Bastos đỏ, chuyên bẻ điếu thuốc làm đôi, mỗi lần chỉ hút một nửa điếu. Ở cái đàm trường đó, Đỗ Ngọc Yến, Trần Dạ Từ, Nguyễn Trung và tôi thuộc lớp nhỏ tuổi nhất. Trần Dạ Từ, Viên Linh thường ngâm thơ. Nghiễm đọc những truyện ngắn mới. Phạm Duy đến đó hát những bài tình ca mới viết cho một cô Lan mà Yến lại là người chuyên đi liên lạc với cô giúp cho đàn anh. Cái vụ đi giúp đó cũng thú vị như đi làm gián điệp vậy. Ở đàm trường, Đinh Hữu kể chuyện anh tham dự chiến dịch Điện Biên Phủ, rồi bỏ Cộng Sản vào Nam, mang theo bệnh ho lao trầm trọng. Anh viết lại những chuyện trình thám tiếng Pháp sang tiếng Việt cho các báo in để lấy tiền mua thuốc trị bệnh. Anh phê bình Koestler, Dostoevsky... Sau mấy năm, bệnh lao giết Đinh Hữu. Con người đi kháng chiến, đánh nhau với Pháp không chết, chấp nhận chết vì lao phổi. Chỉ có anh em bạn bè đưa đám, không vợ, không con, chúng tôi đưa anh tới nghĩa địa Quảng Đông lầy lội. Hôm đó, trời mưa, thấp nhang lên bị ướt phải nhóm lửa lại. Đường trở về rất buồn...” (tr. 77-78)

Vẫn theo lời thuật của tác giả Đỗ Quý Toàn, cái đàm trường đó nói đủ thứ chuyện. Nhưng liệu nó có cung cấp được bài học nào cho những ai từng đến nghe hay không? Đỗ Quý Toàn trả lời cho câu hỏi này:

“Điều Đỗ Ngọc Yến và tôi học được nhiều nhất là những lời cụ Quỳnh bàn về chủ nghĩa Marx và kinh nghiệm sống với các cán bộ đảng Cộng Sản Việt Nam trong thời kháng chiến, trước khi cụ về thành. Nghe nói cụ về thành trong một sứ mạng nào đó, kiếm có để đi luôn. Cụ là người hiếm hoi ở Việt Nam đã học được cuốn Tư Bản của Karl Marx. Cụ bảo mấy người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam chẳng mấy người đã đọc kể cả ông Hồ Chí Minh. Cụ không gọi bọn họ là Cộng Sản mà luôn luôn gọi là ‘Anh em Đệ Tam’ hoặc lúc bực mình gọi là ‘bọn Đệ Tam’.



Có hồi người ta coi cụ thuộc nhóm Trốt kít, Đệ Tứ vì cụ từng ở trong nhóm Hàn Thuyên cùng với Trương Tửu trước chiến tranh. Các cụ gọi đảng Cộng Sản là bọn Đệ Tam cho thấy cụ vẫn có lòng tôn trọng các anh em Đệ Tứ. Cụ không gán mọi lỗi lầm cho chế độ Stalin và bọn đồ đệ của ông ta ở Việt Nam, cho chủ nghĩa Cộng Sản nói chung. Trong cái đàm trường đó, còn nhiều anh em Duy Dân nữa. Chúng tôi đến đó vì văn nghệ, vì ham làm thơ, viết văn chứ không dính tới các đảng phái chính trị. Nhưng phải nói rằng chính nhờ nghe những người 'vỡ mộng chủ nghĩa Mác' nhất là nghe kể kinh nghiệm của Đinh Hữu, Nguyễn Đức Quỳnh đã sống với Cộng Sản, nhận được những bài học thực tế của nhiều người cùng thời đó, tin tưởng là họ nói thật, chẳng có lý do gì để họ phải nói dối mấy câu thanh niên như chúng tôi, cho nên Đỗ Ngọc Yển, Dương Nghiễm Mậu, Trần Dạ Từ, chúng tôi sau này không bao giờ có một ảo tưởng nào về chủ nghĩa và chế độ Cộng Sản. Cụ Quỳnh có lối nói rất quả quyết, là 'không thể nào chơi với bọn Đệ Tam được!' Những điều cụ trải qua và những hiểu biết của cụ về chủ nghĩa Marx khiến chúng tôi bị thuyết phục. Mà rõ ràng cụ không làm công việc đó vì tham vọng chính trị nào cả. Cụ coi văn nghệ là cái nghiệp cao quý nhất".( tr. 81)

(IX)

Hôm xảy ra cuộc biểu tình trước tòa soạn Người Việt vì một bài thơ tiên đoán thời cuộc của Nhân Quang trong mục Xuất Hành trên giai phẩm Xuân của Người Việt, một vài người biểu tình bỏ tiền vào cột dựng báo trước tòa soạn lấy báo ra và xé. Một bà trong số người biểu tình thấy thế, cúi xuống nhặt hết các mảnh vụn báo Người Việt định bỏ vào thùng rác thì một hai người trong nhóm cản lại. Họ nói: "Báo Người Việt giàu lắm, cứ để cho chúng nó thuê người dọn". Không ai trong số chúng tôi phàn trách gì về những lời lẽ này cả vì chúng tôi đều hiểu ít điều về lịch sử của tờ báo mà chúng tôi cộng tác. Thành hình từ năm 1978 cho tới nay đã trải qua 28 năm. Những người sáng lập cũng như các cộng tác viên từ lúc đầu của tờ báo đã làm gì trong suốt 28 năm ấy? Họ không thể đi ăn cướp hay mua gian bán lận. Họ cũng không thể tống tiền tổng bạc gì ai. Tất cả đều gầy dựng từ số vốn nhỏ nhoi của những người sáng lập và khi đạt được lòng tin của độc giả thì khách hàng quảng cáo và rao vặt tìm đến. Đó là lẽ đương nhiên ở đời. Họ là những người tiếp máu để cho cơ thể của tờ Người Việt cứng cáp hơn. Cái lẽ đương nhiên ấy được tác giả Đỗ Quý Toàn trình bày bằng những dòng sau đây:

"Cái mộng từ đầu của anh chàng (Yển) là làm một tờ báo thật sự là tờ báo, không phải tờ truyền đơn chính trị. Có một lần ký giả báo New York Times phỏng vấn, Đỗ Ngọc Yển nói anh coi tờ Le Monde là kiểu mẫu muốn theo. Trong tờ báo Le Monde từ sau Thế Chiến Thứ Hai, các ký giả cũng là chủ nhân của tờ báo có quyền quyết định, để giữ vai trò thông tin trung thực và bình luận công bằng vô tư. Nhưng văn phòng báo Người Việt thì không giống báo Pháp, không hay lý luận bàn tán mà chỉ tường thuật, vì ở đây mọi người quen đọc lối viết báo Mỹ. Cái chí nguyện của Yển làm một tờ báo cho ra báo thành tựu được nhờ con người có ý chí, nhất định làm bằng được, với ý định từ đầu là anh em cùng làm thì cùng hưởng không một người nào đóng vai ông chủ. Tất nhiên báo Người Việt tồn tại được dù phải chờ hơn mười năm sau mới phát triển là nhờ chị Lã Phương Loan kiên trì không kém. Chị chịu đựng một ông chồng say mê nghề báo, bỏ hết các thứ để đi làm báo, dù không kiếm ra đồng nào trong những năm đầu tiên, cả hai vợ chồng Yển chia sẻ với tất cả anh chị em cộng sự, lúc rau cháo có nhau, khi khá giả cũng có nhau. Trong những năm khó khăn đó, bạn bè đi làm chỗ khác, kiếm ăn khá giả họ yên thân hơn, nếu bà Loan là người có bản năng lo cho mình và cho các con mạnh hơn, chắc Đỗ Ngọc Yển không thể ôm giữ tờ báo mãi để một mình bà vợ đi làm kiếm tiền nuôi các con được".

Theo lời tác giả Đỗ Quý Toàn, Yển có cái bản tính nhìn người thì thấy cái thiện, cái tốt trong người đó trước, có cái tính ngây thơ của một hướng đạo sinh. Thấy ai cũng tốt, nên ai cần gì

cũng giúp, có khi việc của tờ báo mình thì không lo mà đi lo giúp các báo khác nữa. Những người chung quanh phải kêu lên là chạy theo Yến mệt quá. Nhiều lần làm ơn mắc oán. Trong cuộc đời làm báo ở hải ngoại, không thiếu cảnh những người được Đỗ Ngọc Yến giúp, khi đủ lòng đủ cánh quay lại ném bùn vào Yến. Nhưng bên cạnh sự chia sẻ hào hiệp, Đỗ Ngọc Yến có tật bốc đồng, đang làm chuyện này nhảy sang chuyện nọ, người chung quanh anh phải lo dọn dẹp càng mệt hơn nữa. Trong trang 84, cũng nói về bản chất hào hiệp của Yến, Đỗ Quý Toàn viết:

“Cái tính rộng rãi của Đỗ Ngọc Yến thì tôi biết ngay từ lúc 15, 17 tuổi. Trong đám bạn bè, Yến là người có tiền nhiều hơn anh em vì có gia đình tương đối khá hơn chút đỉnh. Tôi vừa đi học vừa đi kèm trẻ để sống. Có bữa không có gì ăn sáng, đói quá tôi bỏ lớp học, đi bộ tới bác Nhân ở hẻm Cầu Kho xin chén cơm chiên. Trần Dạ Từ lúc đầu ở nhà bác Nhân, mẹ Nguyễn Thụy Long, sau mới kiếm được việc sửa bản vở (thầy cò) ở một tờ báo văn nghệ học sinh. Phí Ích Nghiễm (bút hiệu Dương Nghiễm Mậu), Viên Linh, Nguyễn Khắc Giảng cũng là những học trò nghèo tự túc, Viên Linh và Giảng lớn tuổi hơn, mèo mửa sớm hơn, cũng tự lập sớm hơn. Yến tương đối là một ‘công tử’ trong bọn, còn được cha mẹ đùm bọc, tuy gia đình cũng chẳng giàu có gì lắm. Lúc đầu tôi cứ ngạc nhiên sao anh chàng này phí phạm thế. Thấy cuốn sách nào thích là mua hay thuê đọc liền, thấy phim hay là vào coi, không phải tính toán, hà tiện từng đồng như chúng tôi. Hồi Hoài Nam (tức Trần Dạ Từ) đi gặp Thu Vân (tức bà Nhã Ca sau này) rồi bị kẹt ở Huế không về được, anh em đóng tiền gởi ra ‘chuyến’ chàng về, Yến là người góp nhiều hơn các bạn. May mắn, sau Hoài Nam nhờ viết lách mà kiếm ra tiền và tự giải cứu, trả tiền khách sạn, mang được cả cô bò về Sài Gòn trước con mắt thán phục của bạn bè. Còn Yến thì được mẹ cho đồng nào, đem tiêu chung với anh em. Cái quần, cái áo ai cần cũng cho luôn. Sách quý cũng cho nốt...”

Hào phóng của một con người không phải chỉ có chuyện tiền bạc. Thời giờ, công sức và mối quan tâm đến người khác, theo tác giả Đỗ Quý Toàn, cũng có thể gọi là hào phóng. Theo tác giả, Đỗ Ngọc Yến là điển hình cho loại người ăn cơm nhà vác ngà voi. Các cụ sẽ mắng là “việc nhà thì nhác, việc chú bác thì khôn”. Đỗ Quý Toàn viết ở trang 85:

“...Khi còn trẻ, Đỗ Ngọc Yến chuyên giúp anh em khuân vác khi dọn nhà cho các cậu sống một mình mà lại có bỏ rồi như Giảng, Viên Linh. Yến coi chuyện giúp cho căn phòng của họ có đủ cái bàn, cái ghế, cái giường là một bổn phận. Bữa Nhã Ca từ Huế vào Sài Gòn, anh em đi đón. Riêng Yến thân hành đến trụ sở Air Vietnam để lãnh hành lý của cô gái Huế đem về tổ ấm mới thuê được của Từ và Nhã trong xóm Chi Lăng Phú Nhuận. Về sau khi ở California, mỗi lần có người bạn mới từ đảo qua hay từ Việt Nam sang, Yến thường chu đáo lo cho họ. Anh chàng nói như một chuyện tất nhiên: ông bà ấy phải ở gần trường tốt cho mấy đứa nhỏ chúng đi học chứ? Phải kiếm cho ông ấy cái xe chứ? Bà ấy cũng cần cái xe đi chợ đi búa chứ? Nghĩa là chuyện gì mình cũng phải lo cả, đã là bạn bè thì phải giúp lẫn nhau như vậy. Và theo đúng tinh thần hướng đạo, làm việc thiện cũng như khi cắm trại, làm xong không để lại dấu vết cho người ta biết”.

Những đức tính của Đỗ Ngọc Yến qua cách nhìn của những người thân nhất của anh từ thuở thiếu thời được phản ánh với những câu chuyện của Đỗ Quý Toàn và Đỗ Tăng Bí. Tôi không biết đây có phải cách sống và lý tưởng của hầu hết tầng lớp thanh niên như Yến vào những thập niên cách đây cũng khá lâu hay không, nhưng ít ra những người bạn thân của anh cũng nhận định là “Yến sống cái đạo làm người đã hấp thụ được trong phong trào Hướng Đạo từ hơn 50 năm trước đây”. Ở trang 89, Đỗ Quý Toàn viết:

“Yến nhiễm được những qui tắc sống giản dị của 10 điều luật, ba lời hứa, như trọng danh dự, giữ lòng trung tín, trọng trách nhiệm, giúp ích mọi người bất cứ lúc nào, gặp nỗi khó khăn vẫn

vui tươi, coi thiên hạ đều là anh em. Nhiều em thiếu sinh cũ trong các đoàn Tây Hồ, Phan Bội Châu, bây giờ đã 60 tuổi vẫn nhớ anh Yển. Hướng đạo tạo một khung cảnh để anh chị em khuyến khích nhau sống hiền lương. Những châm ngôn kể trên đã in dấu trong lòng mình, trở thành một nếp sống mà suốt đời mình vẫn cố hướng tới, anh em bảo nhau cùng cố mà hướng tới, đến già cũng không bỏ. Tôi không biết thế hệ trẻ bây giờ có sống theo lối như vậy hay không. Sống như thế trong lòng mình thấy bình an, hạnh phúc hơn.”

“Chúng tôi may mắn khi lớn lên được sống nhiều năm mà đất nước chúng ta vẫn còn giữ được nền nếp văn hiến cũ. Năm mươi năm trước đây, chúng tôi có thể đi cắm trại ở đồng quê hay sườn núi, cắm lều bên bờ hồ, bên ruộng lúa, để các thứ ở đó rồi đi thám du suốt ngày, tối về lều trại vẫn còn nguyên không lo mất cái gì hết. Vào cắm trại trong vườn trái cây, chủ nhân cho phép tha hồ hái trái mà ăn. Khi tới một thành phố lạ hỏi thăm đường là nhiều người giúp đỡ, chỉ bảo. Đi đâu cũng không lo bị trấn lột mà cũng không sợ cảnh sát công an đến hỏi giấy hay vôi tiền. Trong một xã hội như thế, chúng tôi vẫn giữ được lòng kính trọng các bậc đàn anh, những người lớn tuổi. Và lúc nào cũng nghĩ mình có bổn phận với lớp trẻ đi sau mình.”

“Thời đó kỹ thuật tuyên truyền chính trị chưa phát triển đến mức làm mất niềm tin của con người. Bây giờ, người ta không còn tin vào các khẩu hiệu nữa, cho nên dạy trẻ em những tiếng như Danh Dự, Tín Nghĩa, Yêu Nước rất khó. Ngày đó chúng tôi nói đến chữ Dân Tộc, Dân Chủ, Tự Do và cảm thấy ý nghĩa những chữ đó thấm thía, nó gây một nỗi hào hứng đầy ngập trong lòng mình. Đó là lúc Quách Thoại viết:

Có người hỏi tôi đang làm chi đó?  
Xin trả lời, tôi đang khóc lệ nhỏ  
Trên vòng hoa tình ái của cuộc đời!

“Quách Thoại kêu lên: 'Ồi tự do, thật vô cùng quyến rũ!' Và mình thấy tự do quyến rũ thật! Ngay thơ như thế đấy! Tôi ước ao tuổi trẻ nước mình có ngày sẽ khám phá lại tâm hồn Quách Thoại để sống hồn nhiên như anh. Cái thế hệ ngày thơ đó, bao giờ đất nước ta mới lại có được?”

(X)

Khi điểm cuốn sách trên, không thể quên được bài viết của nhà văn Hoàng Khởi Phong “Đỗ Ngọc Yển như tôi đã biết”. Không thể quên không phải ông Phong là một nhà văn, mà chính là bài viết cho thấy một vài nét chấm phá trong giai đoạn đầu của nền báo chí Việt ngữ khi những người Việt Nam tị nạn chân ướt chân ráo đến đây đặt những viên đá đầu tiên cho một trong những cộng đồng Việt đầu tiên trên đất Mỹ. Thuộc vào luồng sóng người đầu tiên đến nước Mỹ, tác giả “Đỗ Ngọc Yển như tôi đã biết” đã trở thành một nhân chứng cho những bước khó khăn đầu tiên của nền báo chí Việt ngữ ở hải ngoại. Dĩ nhiên, tác giả đưa những nét chấm phá trên khung vải là theo trí nhớ của mình. Hoàng Khởi Phong viết ở trang 133:

“Từ sau tiệc cưới Nguyễn Khả Lộc, giao tình giữa Đỗ Ngọc Yển và tôi bắt đầu trong buổi phối thai của làng báo Việt ngữ tại hải ngoại, và rồi cuối năm 1978, tờ Người Việt Cali của Đỗ Ngọc Yển ra đời. Chăm báo ra mắt từ Phan Huy Đạt đưa cho, tôi chỉ nói một câu ngắn: “Bỏ quách cái chữ Cali đi để tờ báo có một địa bàn hoạt động lớn hơn.”

“Cũng trong thời gian này, một số báo chí Việt ngữ ra đời trong vùng Nam California từ năm 1975 cho tới 1978, theo trí nhớ của tôi thì gồm có: Tờ Hồn Việt ra đời ngay trong trại tị nạn Pendleton (Nguyễn Hoàng Doan, 9-1975), Quê Hương (Du Tử Lê, 1976), Trắng Đen (Việt Định Phương, 1976), Phục Quốc (Trọng Minh, 1976), Đất Việt tiền thân của tờ Việt Nam Hải Ngoại

(Tô Văn, 1977), Bút Thép (Lê Tất Điều, 1978). Riêng tờ Tin Văn của Đông Duy ra vền vẹn một số duy nhất rồi đình bản...”

Một nền báo chí ở giai đoạn phôi thai bao giờ cũng kéo theo những bất toàn trong những bài viết hay tin tức. Tin không phối kiểm, tin đồn không căn cứ, tin viết theo ý mình, tin bị bóp méo, trong tin chứa đựng những ý kiến riêng của phóng viên... là chuyện khó thể tránh được. Ngay trong hiện tại, 30 năm đã qua rồi, và sống ngay giữa lòng một nền báo chí tân tiến và tự do nhất thế giới mà chúng ta vẫn còn phải đọc những bản tin như những tờ truyền đơn chính trị hướng chỉ ở vào những năm đầu sống lưu vong. Hoàng Khởi Phong nêu ra chuyện cựu Thiếu Tá Lê Xuân Phong Liên Đội Trưởng Địa Phương Quân của Tiểu Khu Tuyên Đức được tờ Trắng Đen loan báo là đã trở thành một đại tá Tư Lệnh Kháng Chiến Lâm Đồng Đà Lạt, rồi đến khi tờ Văn Nghệ Tiền Phong thì ông Lê Xuân Phong đã trở thành thiếu tướng, trong khi thực tế Phong cũng bị kẹt tại Việt Nam và cũng đi tù như hàng trăm ngàn sĩ quan khác thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Lý do rất dễ hiểu là vào thời gian đó làm thế nào mà phối kiểm được những nguồn tin, trong khi hầu như tất cả sĩ quan còn kẹt lại đều nằm trong hàng ngàn trại cải tạo. Một phóng viên chuyên nghiệp thường có một nguyên tắc, một tin nghi ngờ và không phối kiểm được thì tốt nhất là ném nó vào sọt rác hay chỉ để làm hồ sơ theo dõi, trừ phi anh ta dùng nó để viết một tờ truyền đơn tâm lý chiến. Dù gì thì đó cũng là con dao hai lưỡi: dùng tin không phối kiểm hay tin bị bóp méo có thể tạo dư luận một thời, nhưng khi người ta khám phá ra đó là tin “phịa”, sẽ không còn ai tin vào mình nữa. Thời gian ở trong trại cải tạo, anh em chúng tôi thường nhận được những tin gọi là “hot news” nghĩa là tin do những anh em tù nhân có thăm nuôi và gặp mặt gia đình mang vào chẳng hạn như tin “Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ xâm nhập Cao Nguyên lập chiến khu” hay “Tướng Ngô Quang Trưởng và Cao Văn Viên về lập chiến khu ở Lâm Đồng...” Nghe được những tin này, một số anh em chúng tôi còn ngây thơ đến độ đem ra để hỏi các bạn tù khác thuộc lực lượng Fulro cùng ở chung. Tôi nhớ là tôi đã đem những cái tin này hỏi một ông đại tá trong lực lượng Fulro bị bắt năm 1982 ở Bảo Lộc là Y-k'Duon thì ông ta nói ngay “Mấy người đó chết rồi”. Chúng ta biết rằng người Thượng khi phải dùng nhóm chữ vừa kể vào lúc đó chính là phản ứng cho thấy họ không ưa và không tin những nhân vật trên. Tuy nhiên, khi được thả ra, trở về với gia đình ít tuần là chúng tôi hiểu ngay là những “hot news” trong trại giam chỉ là những tin phịa, cả về nguồn tin lẫn người chớp được tin ấy đều phịa hay tưởng tượng cốt mong sao giúp ổn định tâm lý để vượt qua những khó khăn trong đời tù cải tạo của mình mà thôi. Sang đến Mỹ khi nhắc lại, ai cũng cười.

Tuy nhiên, nếu có ai chịu khó đọc những e-mail gửi tràn lan hàng ngày trên máy tính điện tử nay tổ người này, mai chữ người kia chúng ta có thể thấy ảnh hưởng của những lối loan tin đơn giản, lạc lõng ấy trong một thế giới mà những mưu mô đen đúa không còn gì có thể che lấp được. Trong bối cảnh của những năm đầu tị nạn chưa ổn định, Hoàng Khởi Phong viết khá chi tiết sự khai sinh tờ Người Việt từ trang 135 trở đi:

“...Tôi chứng kiến tờ Người Việt Cali, tiền thân của tờ Người Việt từ những số báo đầu tiên. Ban đầu tờ báo là một tuần báo in khổ giấy lớn, trong khi đó tất cả những tờ báo Việt ngữ khác thì tờ Quê Hương, Phục Quốc, Bút Thép... đã đình bản, các tờ còn lại đều là khổ tạp chí như các tờ Hồn Việt, Văn Nghệ Tiền Phong, Trắng Đen. Riêng tờ Đất Việt tiền thân của tờ Việt Nam Hải Ngoại thì là báo khổ nhỏ. Mỗi tháng chỉ có bốn kỳ báo, mỗi cuối tuần, tôi đều thấy Đỗ Ngọc Yển với chiếc xe cà khổ từ San Diego chở báo lên Quận Cam phát hành. Cũng cần ghi nhận là khi Đỗ Ngọc Yển từ Texas sang thăm thú tình hình ở đây, chị Loan nhận được điện thoại của chồng cho biết anh sẽ ở lại đây làm báo, và sẽ về đón chị và các cháu khi nào công việc tạm ổn.

“Biết thế nào là tạm ổn khi mà trong túi vốn vẹn có hơn ba ngàn đô la là tiền của hai vợ chồng chất chiu dành dụm trong ba năm với rất nhiều lần đổi sở đổi việc để rồi khi chứng kiến sự tăng

trường của cộng đồng Người Việt ở Quận Cam, Đỗ Ngọc Yến đã có quyết định táo bạo là cấp tốc cho ra một tờ báo với nhân sự chỉ trần xỉ có một ông chủ nhiệm và ông Du Miên kiêm đánh máy, kiêm layout, kiêm phát báo cũng như nhiều công việc khác không có tên để gọi... Cứ đi đi về về như thế trong vòng vài tháng, rút cục trước khi ra tờ Người Việt Cali, Đỗ Ngọc Yến cũng phải quay về Texas gồng gánh bầu đoàn thể từ qua California. Toàn bộ gia đình gồm sáu người đã khiến cho Đỗ Ngọc Yến không thể ăn nhờ ở đậu bất kỳ nơi nào. Ông thuê một căn chung cư hai phòng ngủ, nhưng thật ra thì căn chung cư này đã do bốn thanh niên độc thân thuê sẵn trước đó mấy tháng trước, giờ đây bốn anh dồn lại ngủ một phòng, còn lại dành cho gia đình 6 người của Đỗ Ngọc Yến. Tất nhiên, phòng khách chính là tòa soạn của tờ Người Việt.” Nhà văn Hoàng Khởi Phong nói nhân sự của Người Việt chỉ “trần xỉ” có hai người để cực tả cảnh khó khăn của tờ báo. Sự thật thì có nhiều bạn của Yến vẫn giúp anh trong những ngày đầu, như vợ chồng Nguyễn Hoàng Đoàn - Khánh Ly.

“Sau hai tháng tạm trú ở khu chung cư, người chủ chung cư yêu cầu cả nhóm phải dọn ra ngoài, bởi vì không thể chấp nhận một chung cư có hai phòng ngủ thôi mà chứa chấp tới 10 người. Đầu năm 1980, gia đình Đỗ Ngọc Yến dọn vào căn nhà 1005 đường Euclid và có thể gọi đây là trụ sở đầu tiên của báo Người Việt, với tòa soạn được đặt trong garage... Khi con số anh em làm việc trong tòa báo lên đến 10 người thì cái garage của căn nhà 1005 N. Euclid không còn chỗ chứa. Cũng khoảng thời gian đầu thập niên 1980 này, người Việt Nam khắp nơi dồn về Quận Cam, cộng đồng Việt Nam ngày càng rõ nét với khu thương mại Bolsa Mini Mall, một khu thương mại của người Mỹ đang xuống dốc với các cửa tiệm bỏ trống mỗi ngày một nhiều, các cửa tiệm Việt Nam trám chỗ ngay lập tức. Đỗ Ngọc Yến là người có viễn kiến và có một bộ óc sinh ra để làm báo. Khi thấy có một gian trống trong khu này, ngay lập tức anh quyết định phải xông ra đặt báo quán ngay tại trung tâm khu thương mại Việt Nam...”

Vẫn theo Hoàng Khởi Phong, trong thời gian củng cố và phát triển kéo dài đến khoảng mười năm đầu, tờ Người Việt đã có nhiều anh em tứ xứ tụ về tiếp tay với Đỗ Ngọc Yến. Trước tiên là Nguyễn Thiện Cơ và Lê Quang Dũng từ Na Uy sang tái định cư ở Mỹ vào năm 1979, sau đó là những người khác như Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Phước Quan, Võ Thành Điềm, Lê Minh Phú vượt biển, Lê Đình Điều từ Pháp qua, Nguyễn Thượng Hiệp từ miền Đông về... Hoàng Khởi Phong nhấn mạnh đến một quyết định quan trọng của Đỗ Ngọc Yến trong trang 138:

“...Để có thể tạo ra công ăn việc làm cho hàng chục anh em đến sau, tờ Người Việt ở vào thế phải bành trướng. Từ một tuần báo, tiến thêm một bước là mỗi tuần ra 2 số, và tất nhiên lương thì không thể nào trả đủ cho mọi anh em, rất nhiều lần Đỗ Ngọc Yến đã phải kêu gọi mọi người đóng góp. Các anh Phan Huy Đạt, Nguyễn Khả Lộc, Nguyễn Thiện Cơ, Lý Văn Chương, Tống Hoàng... chẳng những đã không được lãnh lương nhưng vì có công việc làm ăn vững chãi nên thỉnh thoảng cũng dốc túi cho tòa báo mượn tiền mà sau đó được tính thành cổ phần của tờ báo... Nhưng chỉ mới xông ra khu thương mại được vài tháng, cũng lại chính Đỗ Ngọc Yến quyết định phải trở về chốn cũ bởi vì có những khó khăn về nhân sự không thể giải quyết được... Các nhân vật chủ chốt tách làm hai. Một nửa trụ tại khu Bolsa Mini Mall cho ra đời tờ Saigon, trong khi Đỗ Ngọc Yến và một số anh em khác ôm tờ Người Việt quay trở về tòa soạn cũ trong cái garage của căn nhà đường Euclid. Sau này Đỗ Ngọc Yến đã nhiều lần tâm sự khi nào có những tranh chấp và xung đột giữa anh em, Yến là người nhường nhịn tối đa”.

Khi một tờ báo phát triển, bành trướng tất sẽ có những thay đổi về nhân sự và sẽ có những ngã rẽ bởi nhiều lý do. Cho nên, vẫn theo Hoàng Khởi Phong, đã có những chủ nhân các tờ báo khác từng đi qua tòa soạn Người Việt. Hoàng Khởi Phong đưa ra những điển hình của những ngã rẽ như việc Nguyễn Thượng Hiệp rời tờ Người Việt để sang điều hành tờ Đồng Nai của Dương Hữu Chương, hay Duy Sinh Nguyễn Đức Phúc Khôi chào tạm biệt tờ Người Việt để cho ra tờ Việt Nam Tự Do. Yến không phải đối gì, trái lại còn giúp đỡ khuyến khích cho những tờ

báo này ra đời, theo lời Hoàng Khởi Phong. Riêng đối với tờ Việt Báo, tác giả Hoàng Khởi Phong viết:

“Tờ báo thứ ba (chủ nhân Trần Dạ Từ và Nhã Ca) cũng khởi đi từ tờ Người Việt, Cuối thập niên 1980, Trần Dạ Từ và Nhã Ca được Thụy Điển can thiệp và đã thoát ra khỏi Việt Nam với cách của một người cầm bút miền Nam. Qua vài năm sinh sống ở Bắc Âu và cảm nhận được Thụy Điển không phải là chỗ dụng võ, Trần Dạ Từ và Nhã Ca đến Mỹ qua ngả Người Việt với thủ tục nhập cảnh như những nhân viên tối cần thiết cho một tờ báo Việt ngữ. Sau đó hai năm với sự hợp tác của các thân hữu khác, Trần Dạ Từ và Nhã Ca cho ra tờ Việt Báo...”

Theo Hoàng Khởi Phong, thủ tục bảo lãnh cho Trần Dạ Từ và Nhã Ca kéo dài nhiều năm nhưng đoạn nói về việc Đỗ Ngọc Yến ký giấy tờ xác nhận với Sở Di Trú và Nhập Cư nhiều lần cho cặp vợ chồng Từ-Nhã thì anh Hoàng Khởi Phong nhớ không đúng lắm. Để tránh ngộ nhận về điểm này, Đỗ Ngọc Yến cho biết có nhiều người và tổ chức khác đứng ra bảo đảm cho Trần Dạ Từ và Nhã Ca chứ không phải chỉ mình báo Người Việt. Và anh Đỗ Ngọc Yến không phải ký giấy bảo đảm nhiều lần nhiều năm như anh Phong kể.

...

Trong những bài sỗ tay vừa qua, với mục đích giới thiệu tuyển tập “Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè”, tôi cố gắng đưa ra một số trích đoạn của một số tác giả trong 53 tác giả đã góp phần hoàn tất cuốn sách. Dĩ nhiên, có nhiều cách nhìn, cách suy nghĩ khác nhau về tuyển tập nói về một nhà báo mà hình ảnh của anh rất đậm nét trong lịch sử của cộng đồng này. Nhưng cũng như bao nhiêu người khác, bao nhiêu tờ báo khác, Đỗ Ngọc Yến và tờ Người Việt thỉnh thoảng cũng lãnh búa rìu dư luận hay bị ngộ nhận. Nhưng chẳng bao giờ anh trả lời bằng cách phản công cũng như không bao giờ khuyến khích những cộng sự viên phản ứng đối với những lời chỉ trích hay thù ghét. Sự thật sẽ trở lại vị trí của sự thật trong thời đại thông tin này. Đọc tuyển tập của 53 tác giả, cái cốt lõi trong sự thành công khi làm báo của Đỗ Ngọc Yến ở hải ngoại chính là lòng nhân từ của anh. Cái quá khứ của một nhà hoạt động thanh niên và xã hội lấy lòng, có viễn kiến và sáng kiến sẽ chẳng giúp gì nhiều cho anh trong việc giữ vững và phát triển được tờ Người Việt nếu như anh không đủ sự tử tế để quy tụ những người bạn hoạt động với anh từ thuở thiếu thời, đội ngũ ký giả chuyên nghiệp và những nhóm chuyên viên tiếp cận thị trường đầy kinh nghiệm phục vụ. “Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè” chưa phải là cuốn tiểu sử của Đỗ Ngọc Yến, nhưng người điếm cuốn sách này vẫn hy vọng ít ra nó cũng giúp quý vị độc giả tự giải đáp những thắc mắc của mình về một nhà báo, một người làm báo Việt ngữ nổi tiếng ở hải ngoại.